

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM



HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

của dự án “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam”

Địa điểm thực hiện:

Nhà xưởng số 01 và 03 thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành; Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hưng Yên, tháng 06 năm 2026

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM



HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

của dự án “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam”

Địa điểm thực hiện:

Nhà xưởng số 01 và 03 thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành; Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Hưng Yên, tháng 06 năm 2026

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM

---❧*❧---

Số: 2306/DKMT-LOCWE

V/v Đăng ký môi trường cho dự án

“Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----❧*❧-----

Hung Yên, ngày 23 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên

Công ty TNHH Locwe Việt Nam là chủ dự án “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Locwe Việt Nam: Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 5488451244 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp – UBND tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2025; chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2026.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0901192949 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 06 năm 2025.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Locwe Việt Nam:

+ Họ và tên: QIN, MING

+ Chức danh: Tổng giám đốc

- Điện thoại: 0399873158

- Email: qm@locwe.com

- Dự án không thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường theo quy định tại mục VI và mục VII Phần A Phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; đồng thời không thuộc đối tượng không phải đăng ký môi trường theo Khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội.

- Dự án xả khí thải ra ngoài môi trường với tổng lưu lượng xả thải tối đa đăng ký: 28.940m³/h, do vậy thuộc đối tượng phải thực hiện đăng ký môi trường và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Mục VII Phần A Phụ lục IX Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.

Công ty TNHH Locwe Việt Nam đăng ký môi trường cho dự án “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về Dự án

1.1. Tên Dự án:

Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện:

- Địa điểm thực hiện “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam”: Nhà xưởng số 01 và 03 thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành; Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Nguồn vốn: Dự án có tổng vốn đầu tư: 51.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm mươi một tỷ đồng Việt Nam*) tương đương 2.000.000 USD (*Bằng chữ: Hai triệu đô la Mỹ*)

- Tiến độ thực hiện:

+ Tiến độ thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư của dự án cụ thể như sau:

- ✓ Thực hiện các thủ tục hành chính, cải tạo nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử: Từ quý II/2025 đến quý III/2025;
- ✓ Hoàn thành đầu tư, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động: Từ quý III/2025.

+ Tiến độ thực hiện dự án theo thực tế:

- ✓ Sau khi được cấp Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025, chủ dự án đã tiến hành cải tạo nhà xưởng, lắp đặt một phần máy móc. Đến tháng 12/2025, chủ dự án thuê thêm diện tích nhà xưởng. Sau khi được nộp đăng ký môi trường, chủ dự án tiếp tục cải tạo, lắp đặt máy móc, thiết bị. Hiện tại nhà máy chưa có hoạt động sản xuất chính thức.
- ✓ Thực hiện các thủ tục hành chính, cải tạo nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử: Từ quý I/2026 đến quý II/2026;
- ✓ Hoàn thành đầu tư, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động: Từ quý III/2026.

1.3. Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của Dự án:

1.3.1. Quy mô

a. Quy mô sản xuất

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đầu tư với mã số dự án 548845124, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2025; chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2026 với mục tiêu, quy mô dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô dự án (tấn sản phẩm/năm)
1	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu	1.200
2	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học. Chi tiết: Sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm	300

b. Quy mô xây dựng, các hạng mục công trình

Căn cứ theo Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025, Dự án có tổng diện tích: 1.820m². Chủ dự án thuê thêm diện tích nhà xưởng.

Hiện tại, Dự án có tổng diện tích: 3.158m² (Thuê nhà xưởng xây sẵn của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành) tại Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên. Các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Tên hạng mục	Số tầng	Diện tích sàn (m ²)
I	Hạng mục công trình chính		
1	Khu vực thiết bị sản xuất	1	2.800
II	Hạng mục công trình phụ trợ		
1	Cửa chính	1	39
2	Kho thành phẩm	1	56,5
3	Kho nguyên vật liệu	1	41
4	Khu vực nhà vệ sinh	1	26,9
5	Nhà bảo vệ	1	20
6	Phòng lễ tân	1	36
7	Phòng khách	1	46,5
8	Phòng kiểm tra	1	24
9	Kho hóa chất	1	20
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường		
1	Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt	-	5
2	Khu lưu giữ chất thải thông thường	-	5
3	Khu lưu giữ chất thải nguy hại	-	5
4	Hệ thống xử lý khí thải	-	36
	Tổng		3.158

1.3.2. Công suất

- Công suất sản xuất:

Bảng 2. Quy mô công suất sản xuất của Dự án

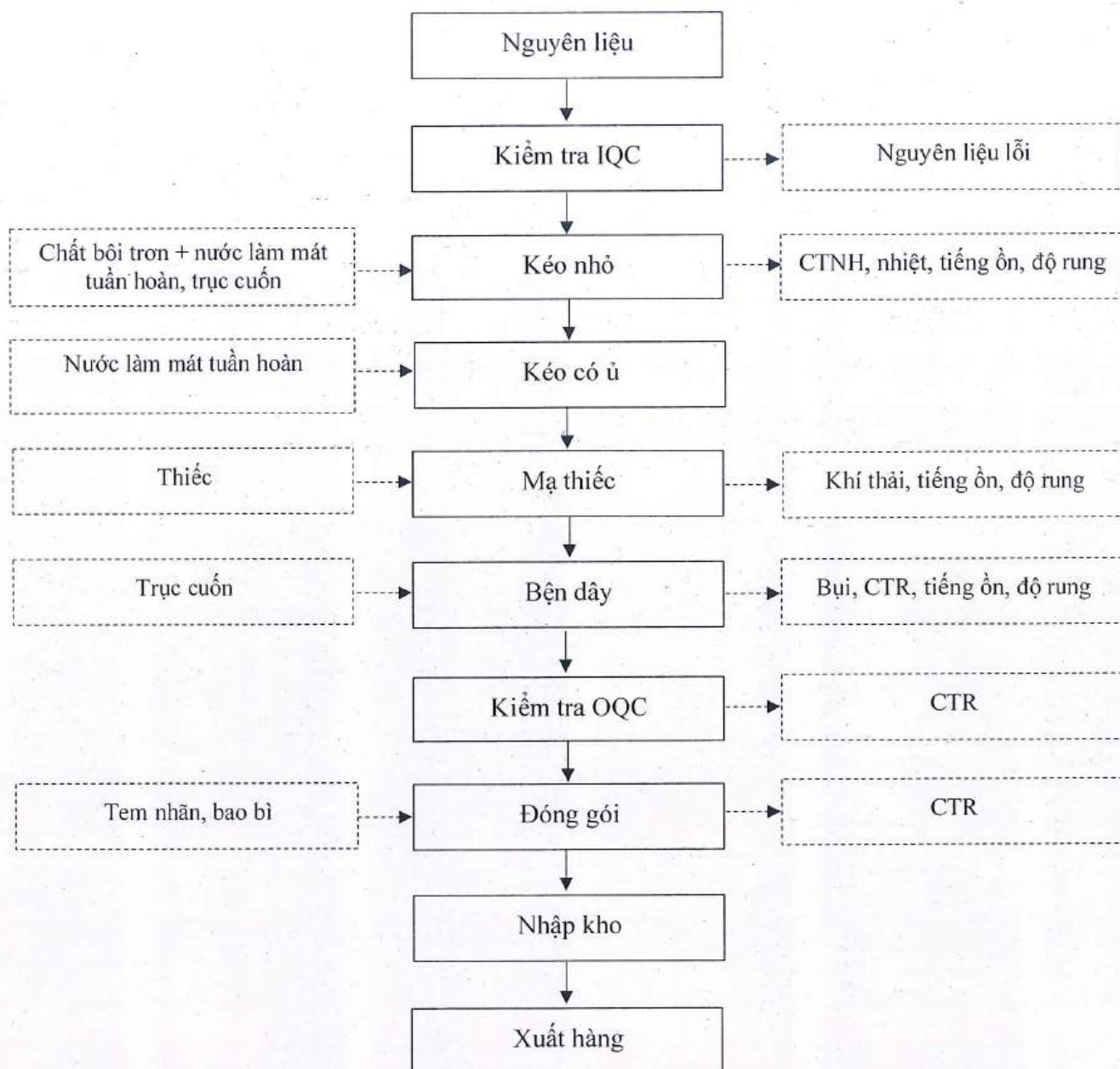
STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô dự án (tấn sản phẩm/năm)
1	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu	1.200
2	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học. Chi tiết: Sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm	300

1.3.3. Công nghệ và loại hình sản xuất của Dự án

Dự án không thay đổi quy trình sản xuất so với hồ sơ Giấy phép môi trường đã được phê duyệt.

Tại dự án sản xuất 02 sản phẩm: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu và Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học. Chi tiết: Sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm. Tuy nhiên chỉ sử dụng 01 quy trình sản xuất chung.

Cụ thể quy trình sản xuất:



Hình 1. Quy trình Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu và Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học. Chi tiết: Sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất là dây đồng 2,6mm. Sau khi được bộ phận IQC kiểm tra sẽ tiến hành nhập kho, các dây đồng đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào sản xuất.

Tuỳ theo đơn đặt hàng của khách hàng, dây đồng được đưa qua các công đoạn: kéo trung bình (đường kính dây đồng giảm từ 2,6mm đến tối đa 0,4mm); kéo nhỏ (đường kính dây đồng giảm từ 0,4mm đến 0,08mm) hoặc kéo nhỏ cực đại (đường kính dây đồng giảm từ 0,08 đến 0,05mm). Ngoài ra trong quá trình kéo dây đồng, hệ thống bơm dầu tuần hoàn sẽ bơm dầu làm mát vào đầu khuôn rút, làm giảm nhiệt sinh ra do ma sát, bôi trơn và bảo vệ khuôn. Hệ thống bơm dầu tuần hoàn này lắp cho từng thiết bị và không thải ra ngoài.

Dây đồng sau khi kéo nhỏ cực đại đạt tiêu chuẩn của khách hàng sẽ được đưa vào máy kéo liên tục có ủ mềm. Quá trình ủ mềm dây đồng nhằm phục hồi độ mềm dẻo và khôi phục độ sáng bóng của dây sau quá trình kéo rút. Tại công đoạn ủ mềm, nhiệt độ được gia nhiệt khoảng 300°C, do đó sẽ không phát sinh khí thải công đoạn này. Để bảo vệ khỏi bị hư hỏng khi gặp nhiệt độ cao, một hệ thống phun nước làm mát sẽ hoạt động trong suốt quá trình ủ.

Sau khi ủ, tuỳ theo nhu cầu của khách hàng, có thể là toàn bộ 100% dây đồng được đưa sang công đoạn mạ thiếc. Thiếc được đưa vào bể ở nhiệt độ khoảng 231,9°C để làm nóng chảy thiếc. Dây đồng được chạy qua bể để mạ thiếc. Công đoạn mạ thiếc là quá trình phủ một lớp thiếc mỏng lên bề mặt kim loại để bảo vệ khỏi ăn mòn, chống oxy hóa và tăng tính dẫn điện.

Dây đồng sau quá trình mạ thiếc được tiến hành cuộn dây thành cuộn (tuỳ theo đơn đặt hàng của khách hàng), sau đó được chuyển qua công đoạn kiểm tra trước khi đóng gói nhập kho và xuất cho khách hàng.

1.4. Hồ sơ môi trường đã được phê duyệt

“Nhà máy dây động Lockwe Việt Nam” đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của Dự án

2.1. Danh mục máy móc của Dự án

Bảng 3. Danh mục máy móc

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng theo hồ sơ GPMT đã được phê duyệt (Chiếc)	Tên máy móc, thiết bị đề xuất đăng ký môi trường (Chiếc)	Số lượng đề xuất đăng ký môi trường (Chiếc)	Nguồn gốc	Năm sản xuất	Tình trạng	Công đoạn
1	Máy kéo dây đào chiều	1	Máy kéo dây đào chiều	1	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Kéo dây
2	Máy kéo dây chuyên dụng	6	Máy kéo dây chuyên dụng	8	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Kéo dây
3	Máy kéo dây có ụ	6	Máy kéo dây	6	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Ủ mềm
4	Máy kéo dây siêu nhỏ model 220	10	Máy kéo nhỏ dây	50	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Kéo dây
5	Máy kéo dây siêu nhỏ model 150	12			Trung Quốc	2025	Mới 100%	Kéo dây
6	Máy bện dây model 400	20	Máy bện dây	70	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Bện dây
7	Máy bện dây model 300	50			Trung Quốc	2025	Mới 100%	Bện dây
8	Máy mạ thiếc 32h	4	Máy mạ thiếc	6	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Mạ thiếc

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng theo hồ sơ GPMT đã được phê duyệt (Chiếc)	Tên máy móc, thiết bị đề xuất đăng ký môi trường (Chiếc)	Số lượng đề xuất đăng ký môi trường (Chiếc)	Nguồn gốc	Năm sản xuất	Tình trạng	Công đoạn
9	Máy mạ thiếc 48h	1			Trung Quốc	2025	Mới 100%	Mạ thiếc
10	Máy nén khí	1	Máy nén khí	1	Trung Quốc	2025	Mới 100%	Phụ trợ

Chủ dự án thuê thêm nhà xưởng sản xuất, tăng diện tích đặt máy móc, do vậy đề xuất tăng số lượng máy móc để đảm bảo quá trình sản xuất.

Ngoài các thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất như trên, công ty còn lắp đặt các máy móc, thiết bị phục vụ cho văn phòng như máy tính, điện thoại, máy photo, bàn ghế và các máy móc phụ trợ, kiểm tra sản phẩm phục vụ sản xuất khác.

2.2. Nguyên, nhiên liệu của Dự án

Nguyên liệu sử dụng cho nhà máy được mua tại thị trường trong nước hoặc nhập mua.

Bảng 4. Danh mục nguyên vật liệu

STT	Tên nguyên liệu	Khối lượng (Tấn/năm)	Nguồn gốc
1	Đồng cuộn có đường kính 2,6mm	1.550	Việt Nam
2	Thiếc	24	Việt Nam
3	Trục cuộn	30	Việt Nam
4	Bao bì đóng gói	2	Việt Nam
5	Giẻ lau, găng tay	0,3	Việt Nam
	Tổng	1.606,3	

2.3. Hóa chất của Dự án

Bảng 5. Danh mục hóa chất

STT	Tên hóa chất	Thành phần (MSDS)	Khối lượng	Nguồn gốc	Công đoạn sử dụng
			Tấn/năm		
1	Chất bôi trơn	Dầu khoáng 35-40%, phụ gia nhũ hóa 35-40%, polymer esters 10-15%, Isotridecanol ethoxylated <5%, 1,2,3-Benzotriole <2%	15,75	Trung Quốc	Bôi trơn kéo dây đồng
2	Than hoạt tính	Cacbon	4,5	Việt Nam	Hệ thống xử lý khí thải
	Tổng		20,25		

Tổng khối lượng nguyên liệu và hoá chất sử dụng cho sản xuất trong 1 năm là:

$$1.606,3 + 20,25 = 1.626,55 \text{ tấn}$$

Khối lượng chất thải phát sinh từ nguyên liệu và hoá chất sử dụng trong 01 năm và chất thải thất thoát theo (Bụi, khí thải) bằng khối lượng nguyên liệu, hoá chất – khối lượng sản phẩm. Vậy với tổng khối lượng nguyên liệu và hoá chất sử dụng cho sản xuất trong 01 năm là 1.626,55 tấn; khối lượng sản phẩm là 1.500 tấn sản phẩm, khối lượng

chất thải phát sinh từ nguyên liệu và hoá chất sử dụng trong 01 năm và chất thải thất thoát: 126,55 tấn.

Bảng 6. Cân bằng vật chất của dự án

Khối lượng nguyên liệu, hóa chất đầu vào (Tấn/năm)	Khối lượng sản phẩm (Tấn/năm)	Khối lượng chất thải phát sinh từ nguyên liệu và hoá chất sử dụng trong 01 năm và chất thải thất thoát theo (Bụi, khí thải) (Tấn/năm)
1.626,55	1.500	126,55

2.4. Nhu cầu sử dụng điện của Dự án

a. Nguồn cung cấp điện:

Điện cấp cho quá trình hoạt động ổn định của dự án được lấy từ trạm biến áp của đơn vị cho thuê xưởng – Công ty TNHH Giấy Tiên Thành.

b. Nhu cầu sử dụng điện:

Ước tính nhu cầu sử dụng điện khi dự án hoạt động ổn định: khoảng 130.000 KW/tháng.

2.5. Nhu cầu sử dụng và xả nước thải của Dự án

a. Nguồn cung cấp nước:

Nước cấp cho quá trình hoạt động ổn định của dự án được lấy từ bể chứa nước của đơn vị cho thuê xưởng – Công ty TNHH Giấy Tiên Thành.

b. Nhu cầu sử dụng nước trong quá trình hoạt động:

Nhu cầu sử dụng nước của nhà máy bao gồm: Nước sinh hoạt (nước cấp cho nhu cầu vệ sinh, rửa tay chân của công nhân viên, nước lau sàn), nước PCCC,....

- *Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt:*

Căn cứ theo Theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt của cơ sở là 45 lít/người/ca (Bảng 4 – Tiêu chuẩn dùng nước của công nhân trong nhà máy) thì tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp là 45 lít/người/ca (Công ty không nấu ăn tại dự án, sử dụng suất ăn công nghiệp), dự án hoạt động 1 ca 8 tiếng.

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, Công ty sử dụng khoảng 60 lao động. Vậy nhu cầu sử dụng nước cấp cho dự án 01 ngày là:

$$Q_{SH} = 60 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày đêm} = 2.700 \text{ lít/ngày đêm} = 2,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

- Công ty sử dụng nước cho quá trình kéo rút, ủ trong sản xuất, lượng nước làm mát này khoảng 1m³/ngày, cấp tuần hoàn liên tục;

- *Nhu cầu sử dụng nước cho PCCC:*

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức sử dụng nước chữa cháy là 5 lít/s.

Nhu cầu sử dụng nước chữa cháy cho 01 đám cháy, thời gian chữa cháy 3h liên tục là:

$$Q_{PCCC} = 5 \times 3 \times 3600/1000 = 54 \text{ m}^3/\text{đám cháy}.$$

Nguồn nước cấp PCCC không sử dụng thường xuyên, chỉ sử dụng khi có hoả hoạn.

Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải thì nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước sử dụng.

Tổng hợp cân bằng sử dụng nước trong giai đoạn hoạt động như sau:

Bảng 7. Tổng hợp cân bằng sử dụng nước trong giai đoạn hoạt động ổn định

STT	Mục đích sử dụng	Định mức cấp nước	Lượng sử dụng (m ³ /ngày)	Lượng xả thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt (60 cán bộ công nhân viên)	45 lít/người/ngày	2,7	2,7	Đầu nối về bể tự hoại thể tích 25m ³ của đơn vị cho thuê nhà xưởng
2	Nước sản xuất	-	1	-	Tuần hoàn
3	Nước cấp cho tháp hấp thụ hệ thống xử lý khí thải	-	1	-	Tuần hoàn, định kỳ xả cặn
4	PCCC	54m ³ /lần đầu	10	Thất thoát	Chỉ sử dụng khi có hoả hoạn, 10m ³ cho ngày sử dụng lớn nhất tập huấn PCCC
	Tổng		14,7	2,7	

2.6. Sản phẩm của Dự án



Hình 2. Hình ảnh sản phẩm dự án

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Dự án

3.1. Loại nước thải (sinh hoạt, công nghiệp), khối lượng nước thải từng loại phát sinh/dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng

❖ Nguồn phát sinh nước thải

Trong giai đoạn hoạt động, nguồn phát sinh chất ô nhiễm gây ảnh hưởng tới môi trường nước bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt;
- Nước mưa chảy tràn.

❖ Thành phần và tải lượng

• Nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của dự án sẽ thải ra hệ thống cống thu gom nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng nên việc đánh giá tác động của nguồn nước thải sinh hoạt sẽ được đánh giá tổng hợp, tức là đánh giá toàn bộ lượng nước thải sinh ra khi dự án đi vào hoạt động ổn định.

Với tổng số công nhân viên trong giai đoạn hoạt động của dự án là 60 người thì nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt cần thiết là 2,7m³/ngày đêm.

Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải thì nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước sử dụng, do vậy lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động là 2,7m³/ngày đêm.

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh:

Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD₅, COD), chất dinh dưỡng (N, P) và các vi khuẩn gây bệnh,... nên có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm nếu không được xử lý.

Dựa theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) về tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trên một đầu người, ta có thể tính được tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh tại nhà máy do quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong nhà máy:

Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x Số người

Nồng độ (mg/l) = Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) : Lưu lượng thải (m³/ ngày)

Bảng 8. Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người/ngày)	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/l)	Tiêu chuẩn KCN Phố Mới A
BOD ₅	45 ÷ 54	2.700 ÷ 3.240	1.000 ÷ 1.200	100
COD	72 ÷ 102	4.320 ÷ 6.120	1.600 ÷ 2.266,7	400
TSS	70 ÷ 145	4.200 ÷ 8.700	1.555,6 ÷ 3.222,2	200
Tổng N	0,3 ÷ 0,6	18 ÷ 36	6,67 ÷ 13,3	30
Tổng P	0,42 ÷ 3,15	25,2 ÷ 189	9,3 ÷ 70	6
Amoni	3,6 ÷ 7,2	216 ÷ 432	80 ÷ 160	10
Coliform	10 ⁶ - 10 ⁹ MPN/100ml			5.000

(Nguồn: Tính toán theo hệ số ô nhiễm của WHO và Nguyễn Xuân Nguyên)

So sánh nồng độ các chỉ tiêu trong nước thải sinh hoạt với nồng độ các chỉ tiêu tại Tiêu chuẩn KCN Phố Mới A, các chỉ tiêu ô nhiễm đều cao hơn nhiều lần (dao động khoảng 2-16 lần). Như vậy nước thải sinh hoạt là một trong những nguồn gây ô nhiễm đáng quan tâm với hàm lượng của hầu hết các chất ô nhiễm đặc trưng đều tương đối cao, nếu không có hệ thống thu gom, xử lý sẽ gây ô nhiễm cục bộ môi trường khu vực thực hiện dự án.

• **Nước thải sản xuất:**

Tại dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

• **Nước mưa chảy tràn**

Do công ty thuê nhà xưởng từ đơn vị chủ quản, nên không đánh giá lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích thuê. Phần nước mưa này sẽ được dẫn vào hệ thống thu gom và xử lý chung của bên cho thuê, do đó không thuộc phạm vi kiểm soát trực tiếp của công ty.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng

a. Nguồn phát sinh

- Bụi và khí thải và khí thải từ hoạt động giao thông: Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào nhà máy; hoạt động di chuyển của cán bộ, công nhân viên làm việc trong Công ty;

- Khí thải phát sinh từ khu vực mạ thiếc.

b. Thành phần và tải lượng chất ô nhiễm

❖ Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

Trong quá trình hoạt động, các phương tiện vận tải này chủ yếu sử dụng nhiên liệu là dầu diesel sẽ thải vào môi trường khí thải chứa các chất ô nhiễm như: bụi, khí CO₂, NO₂, SO₂, VOCs,...

Các phương tiện vận chuyển ra vào dự án là các loại xe ô tô vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, sản phẩm;

Trong giai đoạn hoạt động sản xuất, số lượng phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào dự án không nhiều;

Khối lượng nguyên vật liệu vận chuyển đến nhà máy tương đương với sản phẩm đầu ra, Dự án sử dụng xe có trọng tải trung bình 1 tấn, khoảng 1 – 4 lượt xe/ngày.

Với hệ thống sân đường được đổ bê tông và được quét dọn sạch sẽ, phun nước tưới ẩm thường xuyên nên nguồn ô nhiễm do các phương tiện này được đánh giá là không đáng kể; Ngoài ra, còn một lượng là phương tiện xe máy, ô tô đi làm của cán bộ công nhân viên trong dự án. Số lượng xe ô tô đi làm của cán bộ khoảng 4 lượt xe/ngày. Số lượng công nhân viên làm việc trong nhà máy trong giai đoạn hoạt động ổn định khoảng 60 người. Các phương tiện đi lại chủ yếu bằng xe máy, ước tính khoảng 120 lượt xe mỗi ngày. Nguồn ô nhiễm này chỉ mang tính nhất thời (chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm như giờ đi làm, giờ tan ca).

Bảng 9. Hệ số ô nhiễm đối với các loại xe của một số chất ô nhiễm chính

Loại xe	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)				
	TSP	SO ₂	NO ₂	CO	VOC _s
Xe tải động cơ Diezen <3,5 tấn	0,2	1,16S	0,7	1	0,15
Xe tải động cơ Diezen 3,5 – 16 tấn	0,9	4,29S	11,8	6	2,6
Xe tải động cơ Diezen > 16 tấn	1,6	7,26S	18,2	7,3	5,8

Loại xe	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)				
	TSP	SO ₂	NO ₂	CO	VOC _s
Xe động cơ xăng	0,025	-	0,06	1	0,1
Xe máy, hai thì > 50cc	0,12	0,6S	0,08	22	15

Nguồn: *Assessment of source of air, water, land pollution, WHO, 1993*

Dựa vào hệ số ô nhiễm của các phương tiện, chủ dự án đã đưa ra kết quả dự báo tải lượng ô nhiễm do phương tiện giao thông hoạt động trong giai đoạn vận hành theo Tải lượng ô nhiễm không khí của các xe chạy vận chuyển nguyên, nhiên liệu ra vào dự án được tính theo công thức sau:

$$\text{Tải lượng ô nhiễm} = \text{Hệ số phát thải} \times \text{Quãng đường/lượt} \times \text{số lượt xe/ngày}$$

Bảng 10. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông

TT	Loại xe	Quãng đường km	Số lượt xe	Tải lượng chất ô nhiễm (kg/ngày)				
				Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC _s
1	Xe tải	20	4	0,008	0,0482S	0,012	0,04	0,008
2	Oto con	30	4	0,012	0,1102S	0,047	0,006	0,010
3	Xe máy	30	120	0,018	0,09S	0,010	3,3	2,7
Tổng				0,038	0,2484S	0,069	3,346	2,718

Từ tải lượng tính toán của các chất ô nhiễm do khí thải giao thông trong quá trình hoạt động của nhà máy cho thấy các chất này cũng sẽ góp phần làm tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí. Tuy nhiên, khí thải loại này phát sinh phân tán trên tuyến đường di chuyển của xe, trong khoảng không gian rộng. Do đó sẽ tác động không lớn đến hoạt động của nhà máy cũng như sức khỏe của cán bộ nhân viên làm việc tại nhà máy.

❖ **Bụi khí thải phát sinh từ hoạt động xe nâng bốc xếp hàng hóa.**

Công ty sử dụng xe nâng hạ chạy bằng điện, nên trong quá trình vận hành không phát sinh hơi VOC đáng kể. Do đó, hoạt động này không được đưa vào nội dung đánh giá tải lượng phát sinh.

Bụi khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất.

. + **Bụi, khí thải từ quá trình mạ thiếc:**

Trong quá trình mạ thiếc, nhiệt độ trong nồi được đưa đến 231,9°C để làm nóng chảy thiếc. Tại nhiệt độ này không thể làm nóng chảy dây đồng, do vậy chỉ phát sinh hơi thiếc. Thành phần chính của khí thải là hơi kim loại (thiếc, đồng).

Nồng độ khí ô nhiễm phát sinh trong không khí (Khu vực sản xuất) khi chưa có các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm được tính toán theo công thức:

$$C_i(\text{mg/m}^3) = \text{Tải lượng ô nhiễm (kg/ngày)} \times 10^6 / (8 \times V).$$

Trong đó:

+ V là thể tích bị tác động trên bề mặt. $V = S \times H$ (m^3). Với S là diện tích khu vực sản xuất (Nơi chịu ảnh hưởng của các chất ô nhiễm) (m^2). $S_{\text{Khu vực mạ}} = 150 \text{ m}^2$, H: Chiều cao trung bình cán bộ công nhân là 1,7m. Khi đó: $V = 150 \times 1,7 = 255 \text{ m}^3$.

+ Tải lượng của các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình sử dụng hóa chất được tính bằng 15 kg/1 tấn so với nguyên liệu đầu vào = $15 \times 24 = 360 \text{ Kg/ngày}$ (Theo nguồn: *Air emission inventories and controls, WHO, 1993-Mục 3.512 trang 23*).

Kết quả tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm từ quá trình mạ thiếc: $C = 1,14 \text{ mg/m}^3$. Nồng độ các chất ô nhiễm vượt giới hạn cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

Trong quá trình sản xuất dự án có phát sinh khí thải công đoạn mạ thiếc chủ đầu tư dự kiến lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ. Đối với hơi kim loại, lượng khí thải mạ tạo ra hơi kim loại (thiếc, đồng,...), tuy nhiên theo QCVN 19:2024/BTNMT không có thông số thiếc, do vậy so sánh với các thông số kim loại đồng.

+ Bụi, khí thải từ khu vực kéo:

Trong quá trình kéo nhà máy sử dụng dầu kéo. Lượng dầu sử dụng tương ứng với khối lượng khoảng 15,75 tấn/năm. Tại công đoạn kéo dây hồ, do vậy sẽ phát sinh hơi dầu.

Theo tổ chức Y tế thế giới WHO, tải lượng hơi dầu phát sinh bằng 0,015% khối lượng dầu sử dụng. Như vậy, với lượng 15,75 tấn/năm = 15.750kg/năm thì tải lượng dầu bay hơi là:

$$G = 15.750 \times 0,015\% = 2,3625 \text{ kg/năm} = 0,32 \text{ mg/h.}$$

Diện tích khu vực kéo là 885 m^2 , chiều cao trung bình là 1,7 m. Nồng độ hơi dầu phát sinh trong 1 giờ là:

$$C = 0,32 / (885 \times 1,7) = 0,2 \times 10^{-3} \text{ mg/m}^3$$

Thành phần của dầu kéo bao gồm: Dầu khoáng 35-40%, phụ gia nhũ hóa 35-40%, polymer esters 10-15%, Isotridecanol ethoxylated <5%, 1,2,3-Benzotriole <2%, chủ yếu là các thành phần không có trong Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. Nồng độ hơi dầu phát sinh khá nhỏ.

Như vậy, tác động từ quá trình này có thể coi là không đáng kể và mức độ tác động hầu như không lớn. Tuy nhiên khi công nhân tiếp xúc lâu dài hơi dầu có thể bị chóng mặt, buồn nôn. Do vậy đối với công nhân tiếp xúc trực tiếp với khu vực bể dầu, công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế tác động từ quá trình này.

❖ **Khí thải, mùi từ khu vực lưu giữ rác thải**

Rác thải sinh hoạt tại các thùng chứa, kho lưu trữ của dự án trong điều kiện ẩm thấp,...có thể phát sinh các mùi hôi thối (các khí N_2 , CH_4 , CO_2 , H_2S ,...) do quá trình phân hủy các chất hữu cơ làm cho người làm việc gần vị trí này, hoặc đi qua cảm thấy khó chịu, mệt mỏi, gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, rác thải nếu không được thu gom vận chuyển đi xử lý ngay thì tại các khu tập kết rác sẽ phát sinh mùi hôi thối do quá trình phân hủy rác, tạo điều kiện cho vi khuẩn có hại, thu hút các loài côn trùng gây bệnh truyền nhiễm như ruồi, nhặng, muỗi và là nguyên nhân gây ra dịch bệnh. Đây là một trong những nguồn ô nhiễm khó đánh giá vì nó phụ thuộc vào sự cảm quan của mỗi người và phụ thuộc vào các phương thức quản lý, xử lý nước thải, chất thải rắn của dự án.

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Việc quản lý chất thải tại Dự án đang được tuân thủ theo quy định hiện hành.

• Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Khi dự án đi vào vận hành, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ở khu hành chính, văn phòng, nhà điều hành; hoạt động ăn uống của cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường;

- Chất thải nguy hại.

Thành phần, khối lượng phát sinh các loại chất thải này không giống nhau nên những tác động tới môi trường là khác nhau. Do đó các biện pháp thu gom, vận chuyển và xử lý phải phù hợp với từng loại chất thải phát sinh.

• Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng – hành chính, khu nhà điều hành,... Theo số liệu thống kê, trung bình một ngày một người phát sinh khoảng 0,5kg rác thải sinh hoạt. Do đó, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này khoảng: $0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 60 \text{ người} = 30 \text{ kg/ngày} = 9.360 \text{ kg/năm}$.

- Thành phần chất thải

Thành phần chính của rác thải sinh hoạt là các loại chất hữu cơ dễ bị phân hủy như thực phẩm thừa. Ngoài ra còn có 1 lượng nhỏ các loại vỏ chai, lon đựng hay giấy vụn, bao bì phát sinh từ khu vực văn phòng, khu hành chính... Theo số liệu thống kê, thành phần của rác thải sinh hoạt có khoảng 60% chất hữu cơ, 40% chất vô cơ. Thực tế, thành phần rác thải sinh hoạt tại nhà máy sẽ phụ thuộc vào nơi phát sinh, ví dụ, rác thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng, nhà điều hành chủ yếu là các loại giấy in, giấy photo, tài

liệu thải bỏ. Do đó việc xác định khu vực phát sinh rác thải sinh hoạt, qua đó xác định thành phần chủ yếu của rác sẽ quyết định các biện pháp quản lý, thu gom cho phù hợp.

Rác thải sinh hoạt với đặc trưng là tỉ lệ thành phần hữu cơ cao, dễ bị phân hủy, đặc biệt trong điều kiện khí hậu nóng ẩm tại khu vực, gây mùi hôi thối khó chịu. Mặt khác, rác thải sinh hoạt là môi trường sống của các loại động vật, côn trùng gây bệnh cho người như chuột, dán, ruồi, muỗi,...do đó loại chất thải rắn này cần được thu gom xử lý ngay trong ngày. Nguồn thải này nếu không được thu gom, quản lý chặt chẽ thì các phế thải có thể bị thổi rửa tạo môi trường thuận lợi cho ruồi muỗi sinh trưởng, gây bệnh về đường tiêu hóa... cho người và gây ô nhiễm môi trường không khí.

• **Chất thải công nghiệp thông thường:**

Khối lượng chất thải rắn thông thường được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bao bì thải không nhiễm thành phần nguy hại	1.000
2	Dụng cụ bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	120
3	Phế liệu phế phẩm (vụn dây đồng lõi, sản phẩm lõi,...)	104.906
	Tổng	106.026

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát dự kiến phát sinh

Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của công ty dự kiến trong giai đoạn hoạt động ổn định được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 12. Khối lượng chất thải kiểm soát phát sinh

STT	Chất thải	Trạng thái	Khối lượng Kg/năm	Mã chất thải
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	350	18 01 02
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	80	18 01 01
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	120	18 01 03
4	Than hoạt tính thải	Rắn	5.180	18 02 01

STT	Chất thải	Trạng thái	Khối lượng Kg/năm	Mã chất thải
5	Giẻ lau, vải, găng tay dính thành phần nguy hại, Cặn thải hệ thống xử lý khí thải	Rắn	300	18 02 01
	Tổng		6.030	

Bảng 13. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Chất thải	Trạng thái	Khối lượng kg/năm	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	15	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	200	17 02 03
4	Dầu kéo rút thải	Lỏng	15.000	17 07 03
	Tổng		15.220	

Đánh giá tác động môi trường của chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Những đặc tính như tính độc hại, tính phóng xạ, tính lây nhiễm, tính dễ cháy, tính dễ nổ, tính gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác của chất thải nguy hại sẽ là mối đe dọa tiềm ẩn, có thể gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hay các sự cố môi trường khác nếu như không có biện pháp quản lý, xử lý tốt.

Tác hại của chất thải nguy hại: Chúng ta có thể bị phơi nhiễm (qua tiếp xúc trực tiếp, đường hô hấp hoặc đường tiêu hoá) với những chất độc trong khi sử dụng. CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát khi thải vào cống rãnh thoát nước mà chưa được xử lý sẽ làm ô nhiễm nguồn nước. Khi thải bỏ chung với rác sinh hoạt, các chất thải có thể làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của công nhân vệ sinh, hoặc chúng có thể diễn ra các phản ứng hoá học trong xe chở rác hoặc trong lòng bãi rác. Đặc biệt nguy hiểm hơn, khi chất thải nguy hại đã phát tán vào môi trường thì sẽ rất khó thu hồi và xử lý. Mặt khác, do có tính bền vững, khó bị phân hủy (ví dụ kim loại nặng) và tính tích lũy sinh học qua các mắt xích, chuỗi và lưới thức ăn nên chất thải nguy hại có tác động liên hoàn tới các sinh vật trong hệ sinh thái.

Do đó, Công ty cần có các biện pháp thu gom, bố trí khu vực lưu trữ CTNH, chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo đúng quy định trong; đồng thời ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

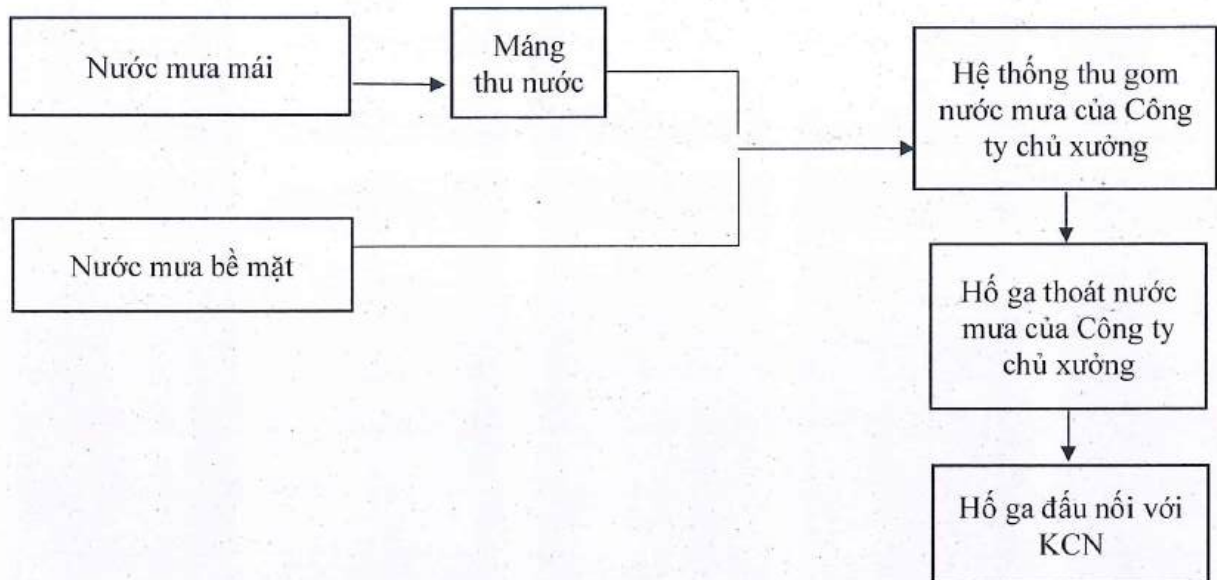
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của Dự án

4.1. Phương án thu gom, quản lý, xử lý nước thải phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng

4.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

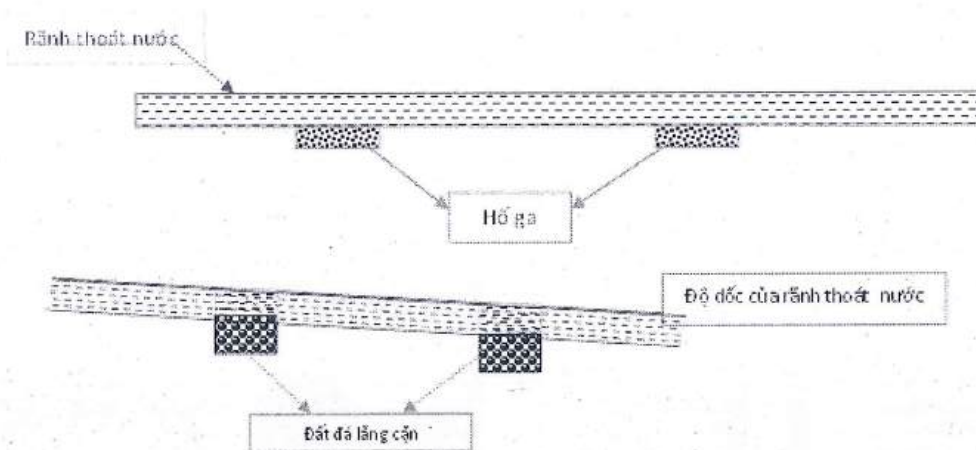
Hệ thống đường ống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống đường ống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt.

Chi tiết sơ đồ thu gom nước mưa tại dự án



Hình 3. Sơ đồ thu gom nước mưa

- Nước mưa của dự án được lắng cặn thông qua các hố ga sau đó thoát ra ngoài theo hệ thống thu gom nước mưa riêng của đơn vị cho thuê xưởng.
- Bố trí các song chắn rác tại cửa thu của các hố ga trên đường cống dẫn.
- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước mưa, không để xảy ra tình trạng ngập úng và đảm bảo hệ thống thoát nước mưa tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất trong nước mưa.
- Toàn bộ nước mưa của nhà máy sau khi được xử lý sơ bộ (song chắn rác, hố ga) từ hệ thống thoát nước mưa sẽ được xả thải vào hệ thống thu gom thoát nước KCN.



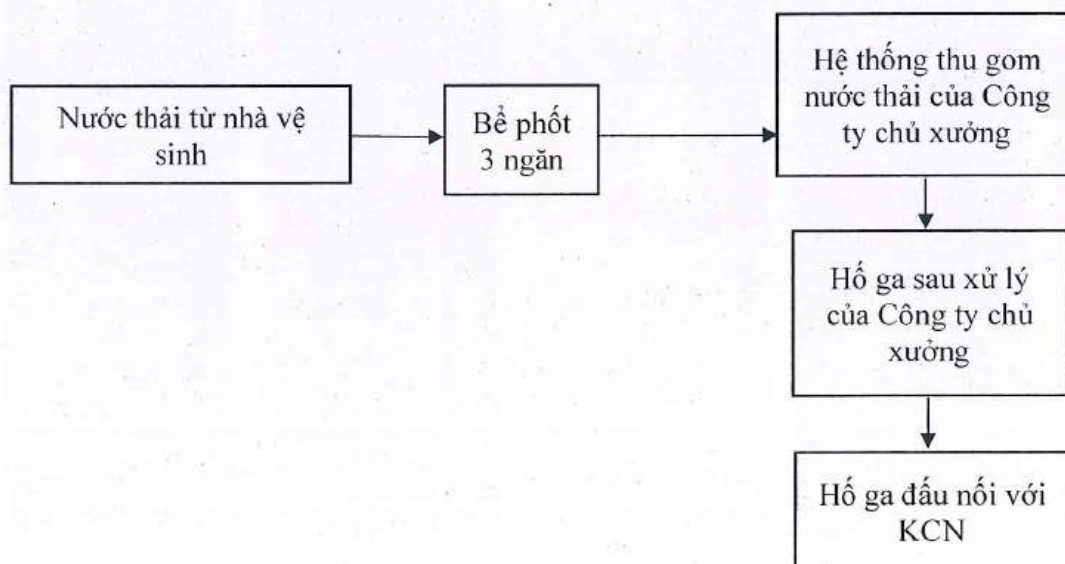
Hình 4. Sơ đồ rãnh thoát nước có hố ga

- Công ty sử dụng mặt bằng có sẵn của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành nên hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được Công ty Tiến Thành xây dựng hoàn thiện. Hơn nữa, khu vực dự án đã được bê tông hóa, tuyến đường nội bộ thường xuyên được quét dọn sạch sẽ nên nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước mưa ở mức thấp.
- Nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom bằng hệ thống thu gom nước mưa hiện hữu của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành, rãnh thu bằng bê tông cốt thép, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN.

4.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Tổng lượng nước thải sinh hoạt của nhà máy khi hoạt động khoảng $2,7\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ bao gồm nước thải nhà vệ sinh và nước rửa chân tay của cán bộ công nhân viên.

- Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:



Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải

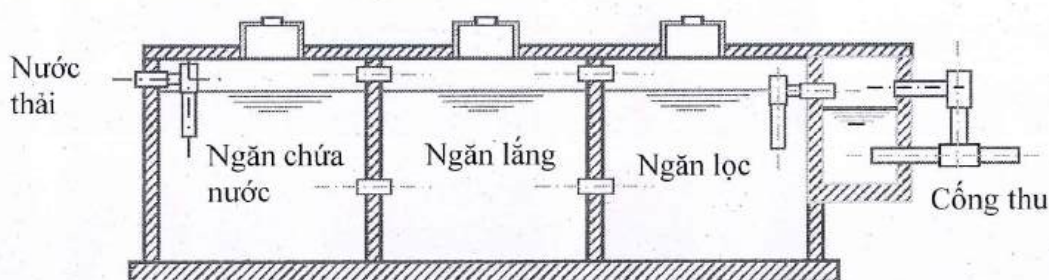
Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 01

bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 25m^3 đã được chủ xưởng xây dựng để xử lý, thu gom bằng đường ống D90. Nước thải sau bể tự hoại xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn xả thải Khu công nghiệp Phố Nối A trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN.

Công ty TNHH Giấy Tiến Thành chịu trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt của chủ dự án phát sinh theo Hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty TNHH Giấy Tiến Thành và Công ty TNHH Locwe Việt Nam ký ngày 04/12/2025 và Thỏa thuận tiếp nhận, xử lý nước thải số KCNPNA/TT-LOCWE/1025 ngày 01/10/2025.

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn:



Hình 6. Bể tự hoại ba ngăn

+ Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại 3 ngăn: Là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân hủy, một phần tạo ra chất khí, một phần tạo ra chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua bể lắng 1 sẽ tiếp tục qua bể lắng 2 và 3 trước khi thải ra ngoài. Hiệu quả xử lý của bể phốt nằm trong khoảng 60-65% SS, 35-45% BOD₅, COD.

Nước thải sau khi được xử lý qua bể tự hoại sẽ cam kết đạt Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Phố Nối A trước khi xả ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

4.2. Phương án thu gom, quản lý, xử lý khí thải phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng

a. Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

Dự án sử dụng nhà xưởng được xây dựng cao ráo, có lắp đặt hệ thống quạt thông gió, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc trực tiếp. Do vậy, khí thải hầu như không ảnh hưởng đến môi trường làm việc và người lao động.

Ngoài ra, để đảm bảo môi trường làm việc tối ưu, chủ dự án sẽ áp dụng một số giải pháp sau:

- Xây dựng quy trình vận hành máy móc thiết bị và nghiêm chỉnh chấp hành tốt nội quy đó nhằm giảm thiểu sự cố xảy ra;
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc;
- Lên phương án cụ thể cho việc ứng cứu khi sự cố xảy ra;
- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng (đảm bảo ánh sáng, thoáng khí,...);

- Lắp đặt quạt thông gió cục bộ. Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi cho các nhà xưởng để tăng độ thông thoáng trong nhà xưởng, tạo không khí trong lành cho công nhân viên;

- Lập tổ vệ sinh để dọn dẹp hàng ngày nhằm hạn chế tối đa lượng bụi trong khu vực nhà máy;

- Trồng cây xanh để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, khí thải ra ngoài môi trường.

- Trang bị cho cán bộ công nhân viên các trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Bố trí, thiết kế các nguồn bức xạ đến vị trí khuất, gia tăng khoảng cách giữa con người và nguồn bức xạ.

- Hạn chế thời gian tiếp xúc với các máy từ hóa.

Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ khu vực sản xuất.

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ khu vực mạ thiếc tại dự án, chủ đầu tư dự kiến đầu tư lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ (than hoạt tính) – Đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2025, cụ thể: Bụi, khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Thải ra môi trường.

Tuy nhiên, để đảm bảo xử lý được triệt để khói trong quá trình mạ thiếc, chủ dự án dự kiến bổ sung lắp đặt thêm tháp dập nước (hấp thụ), điều chỉnh lại thông số kỹ thuật của hệ thống, nâng công suất quạt hút. Cụ thể tính toán:

- Số lượng chụp hút: Có 6 điểm phát sinh khí thải gồm 6 chụp hút 1450x300xH450mm

- Chiều dài ống dẫn khí từ mỗi chụp hút đến ống dẫn khí là 1,5 m.

- Chiều dài ống dẫn khí chính được tính bằng chiều dài từ tháp xử lý đến các điểm hút.

- Tính công suất quạt hút, vận tốc hút khí:

+ Thông thường, một hệ thống hút khói công nghiệp đạt chuẩn Khí thải có bụi, hơi hóa chất, ăn mòn khí nóng, phát tán mạnh sẽ có vận tốc gió tại miệng hút khói ở mức độ từ 1.5-2 m/s. Chọn $v = 1.75 \text{ m/s}$

(Vận tốc gió tại miệng hút được xác định theo ACGIH – Industrial Ventilation, phù hợp TCVN 5687.)

+ Diện tích hút của miệng gió: $S_1 = 1,45 \times 0,3 = 0,435 \text{ m}^2$,

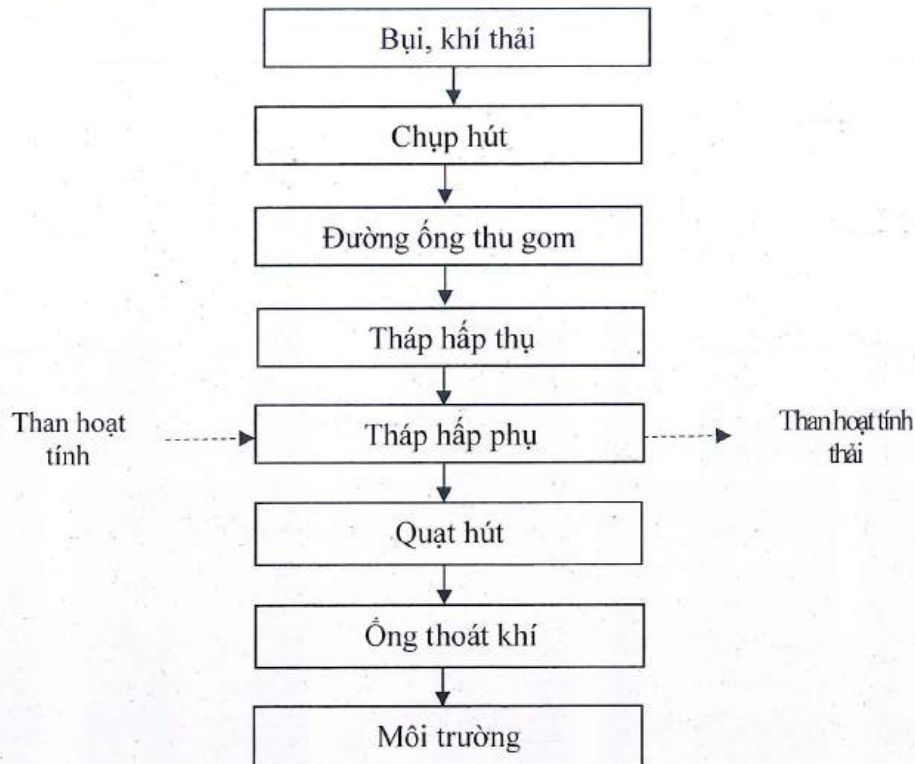
+ Lưu lượng khí qua miệng hút: $Q_{\text{miệng hút}} = S \times v \Rightarrow Q_1 = 0,435 \times 1,75 = 0,761 \text{ m}^3/\text{s}$
 $= 2740,5 \text{ m}^3/\text{h}$

+ Tổng lưu lượng khí: $Q = Q_{\text{miệng hút}} = 2740 \times 6 = 16443 \text{ m}^3/\text{h}$

+ Trong quá trình hoạt động có phát sinh tổn thất áp suất tại thành ống, các đường gấp khúc, đường cua nên chọn quạt có lưu lượng phải lớn hơn $16.443 \text{ m}^3/\text{h}$

Chọn quạt hút có công suất 22 Kw- lưu lượng đạt khoảng 21.490-28.940 m^3/h .

Hệ thống xử lý khí thải cụ thể:



Hình 7. Hệ thống xử lý bụi, khí thải tại khu vực vực mạ thiếc

Khí thải từ khu vực mạ thiếc được thu gom bởi 6 chụp hút, sau đó qua đường ống thu gom về hệ thống xử lý khí thải. Dưới lực hút cưỡng bức của quạt hút, khí thải qua đường ống gom khí được đưa qua tháp hấp thụ sử dụng nước.

Tháp dập bụi – hấp thụ được sử dụng là dạng tháp đứng, có lớp đệm nhựa rồng hoạt động theo nguyên tắc chuyển động ngược dòng. Nước sạch bơm từ bể chứa lên đỉnh tháp và được phân phối đều nhờ các vòi phun, tạo ra bề mặt ướt của lớp đệm. Khí thải được phân phối tại đáy tháp nhờ quạt đẩy và chuyển động từ dưới lên trên tiếp xúc với bề mặt ướt của lớp đệm, giúp quá trình hấp thụ diễn ra hiệu quả.

Nước sạch sau khi dập bụi ô nhiễm được thu xuống bể chứa phía dưới và bơm tuần hoàn trở lại hệ thống phân phối trên đỉnh tháp. Sau 1 khoảng thời gian nhất định sẽ tiến hành thay nước của bể chứa. Nước thải được thu gom như Chất thải kiểm soát (Thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút và mang đi xử lý).

Khí thải tiếp tục đưa sang tháp hấp phụ than hoạt tính. Than hoạt tính được đánh giá là chất có khả năng hấp phụ tốt, cấu trúc xốp và không phân cực với diện tích bề mặt lớn. Than hoạt tính xử lý khí thải có cấu trúc từ hàng triệu lỗ hổng, phức tạp và khả năng hấp phụ đối với những chất không phân cực ở trạng thái khí và lỏng. Các chất độc trong khí thải được giữ lại trên vật liệu hấp phụ, khí sạch sau xử lý được thải ra ngoài môi trường.

Than hoạt tính là vật liệu hấp phụ tương đối phổ biến, hiệu suất hấp phụ có thể đạt 99 %. Than hoạt tính đã bão hòa, hết tính năng sử dụng sẽ dễ dàng thay thế bằng than mới, tần suất thay than phụ thuộc vào khối lượng hóa chất sử dụng công đoạn có phát sinh khí thải, loại than và công suất hoạt động máy khí lượng than bão hòa Công ty tiến hành hoàn nguyên cho quay lại hấp phụ hoặc sẽ tiến hành thay thế lớp than mới. Than hoạt tính thải bỏ được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý như CTNH.

Khí thải sau hệ thống xử lý ra ngoài môi trường đảm bảo nằm trong tiêu chuẩn cho phép QCVN19:2024/BTNMT. Dựa vào tải lượng chất ô nhiễm khí thải đầu vào công trình xử lý môi trường và yêu cầu chất lượng tiêu chuẩn đầu ra của Công trình xử lý khí thải.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:

Bảng 14. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	06	$D \times R \times C = 1,45m \times 0,3m \times 0,45m$.
2	Tháp hấp thụ	01	Kích thước tháp: $D \times H = 2,0m \times 5,0m$.
3	Tháp hấp phụ	01	Kích thước tháp: $D \times R \times C = 3,2m \times 1,73m \times 1,98m$.
3	Quạt hút	01	Công suất: 22kW/380V/50Hz Lưu lượng: 21.490-28.940m ³ /h
4	Ống thoát khí	01	Đường kính 0,7m, chiều cao 8m

- Tính toán khối lượng than hoạt tính và thời gian thay than hoạt tính của hệ thống XLKT:

Tháp hấp phụ có 12 khay than, mỗi khay có 2 lớp than. Mỗi khay than có 1.632 viên than, 1 viên nặng khoảng 230gram. Khối lượng than sử dụng 1 lần khoảng:

$$M_{\text{than}} = 1.632 \times 0,23 \times 12 = 4.504,32 \text{ Kg.}$$

Đồng thời định kỳ kiểm tra, phân tích chỉ số Iodine trong than hoạt tính để xác định thời điểm thay thế than hoạt tính, bảo đảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải, đề xuất tần suất thay than 1 lần/năm.

Theo kết quả của một số đề tài nghiên cứu xử lý hơi dung môi hữu cơ của tác giả PGS.TS Vũ Anh Tuấn (Viện Hóa học), PGS.TS Nguyễn Hồng Liên và nghiên cứu về sản xuất ứng dụng than hoạt tính làm vật liệu hấp phụ của tác giả PGS.TS Lê Xuân Thanh (Viện Hóa học), PGS.TS Lê Huy Du cho thấy được hiệu quả phương pháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính để xử lý các hơi dung môi hữu cơ trong các cơ sở sản xuất, khả năng hấp phụ của than hoạt tính dao động từ 7-15%). Khối lượng than hoạt tính thải bỏ ước tính tăng thêm lớn nhất khoảng 15% khối lượng than ban đầu với khối lượng than thay trong 01 năm khoảng 5.180kg.

b. Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào khu vực cũng góp phần làm tăng ô nhiễm không khí. Dự án sử dụng các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông như sau:

- Xe máy phải tắt máy trước khi đi vào công ty;
- Đường giao thông và mặt bằng sân bãi trải bê tông để giảm thiểu đất cát bị cuốn bay vào không khí;
- Thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước tại khu vực sân bãi để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông vận tải, xe cộ vào nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Các phương tiện phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép lưu thông đúng quy định của Bộ giao thông vận tải;
- Tưới nước sân nền và mặt đường phía trước dự án vào các ngày nắng nóng để giảm thiểu bụi;
- Xe ô tô, xe tải ra vào công ty yêu cầu tốc độ chậm <5km/h.

c. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi và khí thải phát sinh từ khu vực tập kết rác thải

- Đổ rác thải đúng quy định và được đựng trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy;
- Tổ chức thu gom kịp thời, hàng ngày đội vệ sinh có trách nhiệm thu gom rác thải mang đến nơi tập kết đã quy định và thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- *Hoạt động thu gom chất thải:*
 - + Bố trí các thùng chứa chất thải phù hợp (50l, 100l) tại khu văn phòng và khu vực nhà xưởng sản xuất, sau đó được tập kết tại các thùng di động (300-500l).
- *Lưu giữ và xử lý:*
 - + Giao nhiệm vụ cho tổ dọn vệ sinh của Công ty có trách nhiệm thu gom, phân loại và tập kết chất thải về kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích 5m² theo quy định.
 - + Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: Bố trí trong nhà xưởng, sàn BTXM kín khít, không bị thấm thấu; kho được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.
 - + Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tần suất vận chuyển là hàng ngày.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Hoạt động thu gom, xử lý chất thải:

+ Nhập nguyên liệu đảm bảo chất lượng tốt, giảm thiểu lượng chất thải phát sinh.
+ Phân loại chất thải tại nguồn: Những chất thải rắn có thể tái chế được như giấy photo, bìa carton, nilon,... sẽ được phân loại riêng để thuận tiện cho việc thu gom của đơn vị vận chuyển xử lý. Thùng chứa bằng nhựa cứng 60-120 lít; bao túi mềm bằng nilon.

+ Rác thải không thể tái chế: Những chất thải khác không dính thành phần nguy hại, không có khả năng tái chế được tập kết vào túi PE, bao chứa riêng để công ty môi trường đô thị của khu vực vận chuyển đưa đi xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.

+ Toàn bộ chất thải rắn sản xuất sẽ được thu gom, phân loại và tập kết về kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 5m² theo quy định của công ty và chờ đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đem đi xử lý, tái chế theo hợp đồng đã ký giữa hai bên.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: Kết cấu mái che kín, xây dựng trong nhà xưởng tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

+ Định kỳ thuê đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý. Tần suất thu gom, vận chuyển phụ thuộc vào quá trình hoạt động sản xuất của dự án, đơn vị chức năng sẽ thu gom theo lượng chất thải phát sinh khi khu lưu giữ chất thải đầy.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh

Việc quản lý chất thải tại Dự án được tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hoạt động thu gom, xử lý chất thải:

+ Phân loại chất thải nguy hại ngay tại nguồn thải, không để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau hoặc với các loại chất thải khác;

+ Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được tập kết về kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5m² theo quy định của Công ty.

+ Các chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy dung tích 200lít, có dán biển cảnh báo, mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo TCVN 6706:2009.

+ Đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, có dán biển cảnh báo, mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH. Bao bì chứa chất thải bảo đảm không bị rò rỉ, thùng vỡ, méo, phát tán mùi ra môi trường.

+ Kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng trong nhà xưởng theo quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn như: có rãnh thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa không bị rò rỉ, thùng, nứt vỡ. Có các thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, bao chữa cháy,... có cửa đóng mở khi ra vào và có biển cảnh báo CTNH theo quy định.

+ Định kỳ thuê đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý. Tần suất thu gom, vận chuyển phụ thuộc vào quá trình hoạt động sản xuất của dự án, đơn vị chức năng sẽ thu gom theo lượng chất thải phát sinh khi khu lưu giữ chất thải đầy.

- Định kỳ 01 lần/năm báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên tình hình phát sinh CTNH tại dự án.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chúng tôi cam kết về thực hiện xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi cam kết trong quá trình hoạt động, nếu có thay đổi quy mô, công suất, công nghệ sản xuất có tác động xấu tới môi trường thì sẽ báo cáo đơn vị quản lý nhà nước và thực hiện các thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam”./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: Văn phòng.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
QIN, MING**

PHỤ LỤC

Số: 1869 /GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 19 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Locwe Việt Nam số: 0310/GPMT-LOCWE ngày 03/10/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty TNHH Locwe Việt Nam, địa chỉ: Đường D3, khu D, KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy dây đồng Lockwe Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường D3, khu D, KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5488451244 chứng nhận lần đầu ngày 22/5/2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh.

1.4. Mã số thuế: 0901192949.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên diện tích 1.820 m² thuê của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành tại đường D3, khu D, KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Mục tiêu của cơ sở: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu; sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm.

- Quy mô, công suất của cơ sở: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu: 1.200 tấn/năm; sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm: 300 tấn/năm.

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Yêu cầu về thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Locwe Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực đến ngày 18/11/2029 (*thời hạn hoạt động của dự án được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5488451244 chứng nhận lần đầu ngày 22/5/2025 của Ban Quản lý các KCN tỉnh*).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *aa*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{tr}. *aa*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
19/11/2025 10:37:55

Nguyễn Hùng Nam



Phụ lục 1

YÊU CẦU VỀ THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu, xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn có dung tích 25 m³; phát sinh từ hoạt động rửa tay, chân. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom theo đường ống PVC tới hố ga (kích thước 1m x 1m x 1m) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Phố Nối A (theo Biên bản thỏa thuận về việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật tại KCN Phố Nối A giữa Công ty TNHH PTHT KCN Hòa Phát Hưng Yên và Công ty TNHH Giấy Tiến Thành).

- Theo Hợp đồng thuê tài sản trên đất số 250612-1/HĐKT-KD ngày 12/6/2025 giữa Công ty TNHH Locwe Việt Nam và Công ty TNHH Giấy Tiến Thành; Thỏa thuận về việc tiếp nhận, xử lý nước thải số: KCNPNA/TT-LOCWE/1025 ngày 01/10/2025. Theo nội dung văn bản thỏa thuận, toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án được Công ty TNHH giấy Tiến Thành đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Phố Nối A.

- Nước thải sản xuất: Dự án không phát sinh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga đầu nối → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Phố Nối A.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm vì toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án của Công ty TNHH Locwe Việt Nam được Công ty TNHH Giấy Tiến Thành thu gom, xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Phố Nối A.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thực hiện thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động dự án của Công ty TNHH Locwe Việt Nam được Công ty TNHH Giấy Tiến Thành thu gom, xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Phố Nối A.

3.2. Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về đầu nối nước thải và các điều kiện về vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. 12]



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn thải: Có 01 nguồn.

Nguồn số 1: Phát sinh từ khu vực mạ thiếc.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dòng phát thải: Có 01 dòng thải.

Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực mạ thiếc.

Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực mạ thiếc.

Tọa độ vị trí xả thải: X(m): 2317950; Y(m): 554721 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°);

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ;

Phương thức xả bụi, khí thải: Cường bức.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80
3	Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu)	mg/Nm ³	≤ 5

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực mạ thiếc được thu gom bằng chụp hút, đường ống thu gom dẫn về tháp hấp phụ để xử lý. Khí thải sau xử lý được thải ra môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực mạ thiếc, công suất 12.000 m³/h.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Thải ra môi trường.

Lưu lượng xả thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực mạ thiếc.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ khu vực mạ thiếc.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Giám sát các thông số: Lưu lượng, bụi tổng, Đồng (Cu) và hợp chất Cu (tính theo Cu).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

2.3. Tần suất lấy mẫu

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. *2*

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025
 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Có 04 nguồn.

Nguồn số 1: Phát sinh từ khu vực kéo nhỏ;

Nguồn số 2: Phát sinh từ khu vực mạ thiếc;

Nguồn số 3: Phát sinh từ khu vực bện;

Nguồn số 4: Phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Tọa độ: X= 2317952; Y= 554725;

Nguồn số 2: Tọa độ: X= 2317955; Y= 554730;

Nguồn số 3: Tọa độ: X= 2317957; Y= 554725

Nguồn số 4: Tọa độ: X= 2317957; Y= 554728.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^{th}).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể:

Áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

3.1. Tiếng ồn

TT	QCVN 26:2025/BTNMT			Ghi chú (Khu vực thông thường)
	Từ 6-18 giờ (dBA)	Từ 18-22 giờ (dBA)	Từ 22-6 giờ (dBA)	
1	65	60	55	Thời gian áp dụng trong ngày

3.2. Độ rung

TT	QCVN 27:2025/BTNMT		Ghi chú (Khu vực thông thường)
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	65	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này. *W*



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ LUNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1869/GPMT-UBND ngày 19/11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (Kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	15	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	200	17 02 03
4	Dầu kéo rút thải	Lỏng	15.000	17 07 03
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	350	18 01 02
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	80	18 01 01
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	120	18 01 03
8	Than hoạt tính thải	Rắn	414	18 02 01
9	Giẻ lau, vải, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	200	18 02 01
	Tổng cộng		16.384	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì thải không nhiễm thành phần nguy hại	Kg/năm	1.000
2	Dụng cụ bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	Kg/năm	120
3	Phế liệu phế phẩm	Kg/năm	104.906
	Tổng cộng		106.026

2/

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khoảng 9,36 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa có nắp đậy dung tích 200 lít.
- Khu vực lưu giữ: Được bố trí trong nhà xưởng có diện tích 5 m²; kết cấu thép, lợp mái tôn, tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có khay phòng cho sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa bằng nhựa cứng 60-120 lít; bao túi mềm bằng nilon.
- Khu vực lưu giữ: Được bố trí trong nhà xưởng có diện tích 5 m²; kết cấu thép, lợp mái tôn, tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải phù hợp (50l, 100l) tại khu văn phòng và khu vực nhà xưởng sản xuất, sau đó được tập kết tại các thùng di động (300-500l).
- Khu vực lưu giữ: Lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường được bố trí trong nhà xưởng có diện tích 5 m²; kết cấu thép, lợp mái tôn, tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;
- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1864/GPMT-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC CẤP:

Không còn hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thường xuyên rà soát quy trình, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vận hành hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn vệ sinh môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Bố trí nhân sự phù hợp để vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất theo đúng quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HUNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0901192949

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LOCWE VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0399873158

Fax:

Email: *qm@locwe.com*

Website:

3. Vốn điều lệ : 25.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỚI NUOKEWEI GIANG TÔ

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 91320412MA26BGJN9H

Ngày cấp: 22/06/2021 Nơi cấp: Cục hành chính quận Vũ Tiến, Thường Châu,
Trung Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 28, Đường Phương Tường, Khu phát triển Công nghiệp công nghệ cao quốc gia Vũ Tiến, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: QIN, MING

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/02/1980 Dân tộc: Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: EJ2150109

Ngày cấp: 15/01/2020 Nơi cấp: Cục quản lý di dân quốc gia nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Địa chỉ thường trú: Phòng 303 tòa 11 chung cư ShuiAnHuaYu, khu Thiên Ninh, thành phố Thường Châu, Tỉnh Giang Tô, Trung Quốc

Địa chỉ liên lạc: Km 18, quốc lộ 5, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



TRẦN VĂN THẮNG



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5488451244

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 5 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô nộp ngày 14/5/2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô; Giấy chứng nhận thành lập số 91320412MA26BGJN9H do Cục hành chính quận Vũ Tiến, Thường Châu, Trung Quốc cấp ngày 22/6/2021;

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 28, Đường Phượng Tường, Khu phát triển Công nghiệp công nghệ cao quốc gia Vũ Tiến, Trung Quốc;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông CHENG SHANGCI; sinh ngày 27/11/1981; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số EJ6593363 do Bộ Ngoại giao Trung Quốc cấp ngày 15/11/2022; Địa chỉ thường trú: Số 28, Đường Fengxiang, Khu phát triển công nghiệp công nghệ cao quốc gia Wujin, thành phố Thường Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc; Chỗ ở hiện tại: Km 18, quốc lộ 5, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Chức vụ: Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY DÂY ĐỒNG LOCKWE VIỆT NAM.

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Quy mô công suất
1	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác <i>Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu</i>	2732	1.200 tấn/năm
2	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học <i>Chi tiết: Sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm</i>	2731	300 tấn/năm

Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất

3. Địa điểm thực hiện dự án: Nhà xưởng số 01 thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Giấy Tiến Thành; Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

4. Diện tích nhà xưởng sử dụng: 1.820 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 51.000.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 đô la Mỹ. Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là 25.500.000.000 đồng, tương đương 1.000.000 đô la Mỹ. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô	25.500.000.000	1.000.000	100	Bằng tiền	Góp đủ trong quý II/2025

- Vốn huy động: 25.500.000.000 đồng, tương đương 1.000.000 đô la Mỹ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 18/11/2029.

79 *

192
ÔNG
TNH
JC
TN.
/NG

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện các thủ tục hành chính, cải tạo nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử	Từ quý II/2025 đến quý III/2025
2	Hoàn thành đầu tư, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động	Từ quý IV/2025.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật. Thực hiện chế độ giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ; báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư tại Việt Nam.

2. Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đã đăng ký và được chứng nhận trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đảm bảo đầy đủ nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án theo đăng ký và cam kết. Tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Triển khai thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã cam kết về khả năng đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Chậm nhất 30 ngày trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động, Nhà đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo đã đáp ứng các điều kiện giám sát hải quan về Chi cục Hải quan KV IV để thực hiện việc kiểm tra theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Lãnh đạo Ban;
- Các sở ngành: TC, NN&MT, CT, KHCN, Công an tỉnh, Chi Cục thuế KV IV, Chi cục Hải quan KV IV;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Công ty TNHH Giấy Tiến Thành;
- Các phòng: VP, DN, QHXD và TNMT;
- Lưu VT, ĐT ^{Pg}.

TRƯỞNG BAN



Vũ Quốc Nghị

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5488451244

Chứng nhận lần đầu: Ngày 22 tháng 05 năm 2025

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 03 tháng 02 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; và Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5488451244 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 22/05/2025;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Lockwe Việt Nam nộp ngày 26/01/2026.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY DÂY ĐỒNG LOCKWE VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5488451244 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 22/05/2025; được đăng ký điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư, diện tích nhà xưởng sử dụng, cập nhật thông tin địa điểm thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô; Giấy chứng nhận thành lập số 91320412MA26BGJN9H do Cục hành chính quận Vũ Tiên, Thường Châu, Trung Quốc cấp ngày 22/6/2021;

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 28, Đường Phượng Tường, Khu phát triển Công nghiệp công nghệ cao quốc gia Vũ Tiên, Trung Quốc;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông CHENG SHANGCI; sinh ngày 27/11/1981; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số EJ6593363 do Bộ Ngoại giao Trung Quốc cấp ngày 15/11/2022; Địa chỉ thường trú: Số 28, Đường Fengxiang, Khu phát triển công nghiệp công nghệ cao quốc gia Wujin, thành phố Thường Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc; Chỗ ở hiện tại: Km 18, quốc lộ 5, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Chức vụ: Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Lockwe Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901192949 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nay là Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên) chứng nhận lần đầu ngày 12/06/2025.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY DÂY ĐỒNG LOCKWE VIỆT NAM.

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Quy mô công suất
1	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác <i>Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại dây dẫn bằng đồng và kim loại màu</i>	2732	1.200 tấn/năm
2	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học <i>Chi tiết: Sản xuất, gia công dây cáp bằng đồng, nhôm</i>	2731	300 tấn/năm

Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Nhà xưởng số 01 và 03 thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê của Công ty TNHH Giấy Tiên Thành; Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam (Trước đây là xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

4. Diện tích nhà xưởng sử dụng: 3.158 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 51.000.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 đô la Mỹ. Toàn bộ là vốn góp của nhà đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	VND	Tương đương USD			
Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô	51.000.000.000	2.000.000	100	Bằng tiền	Đã góp 1.000.000 đô la Mỹ từ tháng 8/2025; Cam kết góp đủ vốn trong Quý I/2026

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 18/11/2029.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện các thủ tục hành chính, cải tạo nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử	Từ quý II/2025 đến quý III/2025
2	Hoàn thành đầu tư, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động	Từ tháng IV/2025

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định. Thực hiện chế độ giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ; báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư tại Việt Nam.

2. Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đã đăng ký và được chứng nhận trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đảm bảo đầy đủ nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án theo đăng ký và cam kết. Tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Triển khai thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã cam kết về khả năng đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Chậm nhất 30 ngày trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động, Nhà đầu tư có trách nhiệm gửi thông báo đã đáp ứng các điều



kiện giám sát hải quan về Chi cục Hải quan KV IV để thực hiện việc kiểm tra theo quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5488451244 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 22/05/2025.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Vật liệu mới Nuokewei Giang Tô, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lãnh đạo Ban;
- Các sở, ngành: TC, Thuế Tỉnh Hưng Yên, Chi cục Hải quan khu vực IV (Phòng Nghiệp vụ hải quan);
- Các phòng: VP, ĐT, QH XD & TNMT;
- Lưu VT, DN.



Cao Quang Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

越南社会主义共和国

独立—自由—幸福

HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT

厂房租赁合同

Số 代號: 251205-2/ HĐKT – KD

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2015;

依据越南社会主义共和国于2015年6月14日通过之民法;

Căn cứ Luật Thương Mại năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016;

依据2016年1月1日起生效的2015年贸易法;

Căn cứ các quy định khác của pháp luật có liên quan ;

依据其他相关法律规定;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

依据双方需求与能力,

Hôm nay, ngày 04 tháng 12 năm 2025

今天, 于 2025 年 12月04 日

Hợp đồng thuê tài sản trên đất này (sau đây được gọi là “ Hợp đồng ”) được lập và ký kết, giữa các bên gồm :

这份厂房租赁合同 (以下简称「合同」) 由双方签订, 包括:

Bên cho thuê (Bên A) : Công ty TNHH Giấy Tiến Thành

出租方 (甲方): 进成纸业责任有限公司

- Địa chỉ : Đường D3 – Khu D- KCN Phố nôi A ,Xã Lạc Hồng,Huyện Văn Lâm,Tỉnh Hưng Yên

- 地址: 兴安省文林县乐红社 Pho Noi A 工业区 D 区 D3路

- Điện thoại : 02212.217 886

Fax

- 电话: 02212.217 886

Fax

- Số tài khoản : 118 0000 26 725 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

账号: VIETNAM JSC BANK FOR INDUSTRY N TRADE- DONG DA BRANCH:
118 000026725

- Swift code: ICBVNVNX126

账户名: TIEN THANH PAPER CO.,LTD

-MST : 0900238774

-税号: 0900238774

- Đại diện bởi : Ông Nguyễn Duy Thành

Chức vụ : Giám đốc

-法人代表: 阮维成先生职务: 经理

Bên thuê (Bên B) : Công ty TNHH Locwe Việt Nam

承租方 (乙方): 诺克威新材料 (江苏) 有限公司

- Địa chỉ : Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên

-地址: 江苏省常州市武进国家高新技术产业开发区凤翔路28号

- -MST : 0901192949

-税号: 0901192949

-法人代表 Đại diện bởi : Ông Qin Ming

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng để kinh doanh với những điều khoản sau :

双方经协商同意签订此份工厂租赁合同, 本合同包括以下条款:

Bên A là một Công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có chức năng kinh doanh bất động sản, Đầu tư xây dựng và kinh doanh phát triển nhà.

甲方是依据越南法律成立、运营的公司, 从事不动产经营、建筑物建设投资与经营等事业。

Bên A là chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp Khu đất, nhà và tài sản khác gắn liền trên đất tại Đường D3 - Khu D - Khu Công Nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00876QSĐĐ/QĐ-2326/T-2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30 tháng 11 năm 2007.

甲方是兴安省文林县乐红社 Pho Noi A 工业区 D 区 D3路的土地、地上建物与其他财产的合法所有者。该土地使用权证明书第 T00876QSĐĐ/QĐ-2326/T-2017号由兴安省民委员会于2007年11月30日核发。

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng thuê tài sản trên đất

第一条: 土地租赁合同之对象

Bên B đồng ý thuê và bên A đồng ý cho thuê nhà xưởng tại Đường D3 - Khu D - Khu Công Nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với các số liệu tạm tính như sau:

1. 乙方同意承租由甲方同意出租位于兴安省文林县乐红社 Pho Noi A 工业区 D 区 D3 路的工厂, 具体数据如下:

- Xưởng sản xuất 01 : 1.820 m²

- 1号生产车间: 面积 1820 m²

- Xưởng sản xuất 03: 1.338 m²

- 3号生产车间: 面积 1.338 m²

Được xây dựng trên phần diện tích khoảng 5.000m² đất theo mặt bằng đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chấp thuận

按照兴安省工业园区管理委局批准的水平面, 在约5000平方米的土地上建设。

Trong thời gian thuê Xưởng sản xuất 01, xưởng sản xuất 03, Bên thuê (Bên B) được toàn quyền sử dụng: Trạm biến áp 400 KVA, đường dây điện, các trang thiết bị điện trong và ngoài các tòa nhà; hệ thống nước: Bể nước, máy bơm nước, đường ống cấp nước, bồn chứa nước mái, cây cối và các tài sản khác trên phần diện tích khoảng 5.000m² đất theo mặt bằng đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chấp thuận. Trong thời gian thuê Xưởng sản xuất 01 và xưởng sản xuất 03, Bên thuê (Bên B) được toàn quyền sử dụng khoảng 5.000m² đất có nhà xưởng sản xuất 01 và xưởng sản xuất 03 và toàn bộ các tài sản được tạo lập trên phần diện tích đất này theo mặt bằng đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chấp thuận

01, 03号厂房及办公楼租赁期间, 承租方 (乙方) 拥有下列全部使用权: 400KVA 变电站、电力线路、房屋内外用电设备; 供水系统: 根据兴安省工业园区管理局批准的计划, 在约5000平方米的土地上建设水箱、水泵、供水管道、屋顶水箱、树木等资产。在02号工厂及办公楼租赁期内, 承租方 (乙方) 拥有约5000平方米土地的全部使用权其中包含了01, 03号工厂; 办公楼; 调度室和所有资产均按照兴安省工业园区管理局批准的计划在该土地上建立。

- Chi tiết các tài sản trên đất theo phụ lục kèm theo Hợp đồng này.

- 地面财产由此合同附录详细列出。

2. Tài sản trên đất do bên A là chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp, được bên A cam kết với bên B trong hợp đồng này.

2. 甲方在此合同中向乙方承诺, 甲方是地面财产的合法所有者和使用者。

3. Mục đích sử dụng của bên B cho phần diện tích thuê là làm nhà xưởng, kho, văn phòng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên B. Bên B được quyền cho đơn vị thứ 3 thuê lại một phần diện tích này, nếu như bên B không có nhu cầu sử dụng hết, nhưng phải được sự chấp nhận bằng văn bản của bên A.

乙方承租的使用目的为开设厂房、仓库、办公室与乙方生产经营相关活动。乙方若没有需求用完全部面积, 那么可出租给第三方, 但须经由甲方书面批准。

4. Bên B được toàn quyền sử dụng khoảng 5.000m² đất có nhà xưởng sản xuất 01, xưởng sản xuất 03 và toàn bộ các tài sản được tạo lập trên phần diện tích đất này trở, như đường giao

thông, nhà bảo vệ, sân, cây xanh, phần diện tích đất lưu không ... theo mặt bằng đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên chấp thuận để đảm bảo đúng đủ cho việc hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Các hạng mục phụ trợ như đường giao thông, nhà bảo vệ, sân, cây xanh, phần diện tích đất lưu không ... trên toàn bộ phạm vi của Lô đất cho thuê để đảm bảo đúng đủ cho việc hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành..

乙方有权全权使用约5000平方米的土地, 包括02号工厂, 以及在这片土地上建造的所有资产, 如道路、保安室、庭院、树木、空域……按照兴安省工业园区管理局批准的计划, 确保最有效地开展生产经营活动, 并遵守现行法律规定。

道路、保安室、庭院、树木、空地……等辅助设施遍布整个租赁地块范围, 以确保有足够的生产和经营活动空间, 以达到最高的效率并符合现行的法律规定

Điều 2. Các điều kiện cơ bản đối với hợp đồng thuê tài sản trên đất

第二条: 土地租赁合同的基本条件

1. Đơn giá thuê và điều kiện thanh toán

1. 租赁价格与支付条件

Giá thuê là :11,000 USD/tháng (mười một nghìn đô la mỹ)

赁价格为: 11,000 USD/月 (壹万壹仟美金一个月)

Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 10%.

上述价格未含增值税10%。

Giá không bao gồm : chi phí điện, nước do bên B sử dụng; chi phí phục vụ vận hành của các tài sản trên đất, chi phí bảo vệ an ninh, chi phí bảo trì bảo dưỡng khu công nghiệp hàng năm. Chi phí điện nước do thực tế của bên B sử dụng. Phí vận hành các hạng mục trên đất ,phí bảo vệ an ninh và phí bảo dưỡng bảo trì cơ sở hạ tầng sẽ thanh toán dự theo diện tích thực tế thuê .

上述单价未包含乙方使用的水电费用、地上各项目运作服务费,安保费及每年工业区维护保养费之费用。水电费根据乙方实际使用量承担。地上各项目运作服务费,安保费及每年工业区维护保养费之费用根据乙方实际承租面积分摊。

- Giá thuê 11.000 USD/tháng được áp dụng đến 17/08/2026. • Giá thuê nhà xưởng sẽ tăng 5% từ ngày 18/08/2026 đến ngày 18/11/2026. Giá thuê xưởng trong thời gian tiếp theo sẽ được điều chỉnh, biên độ điều chỉnh không tăng hoặc giảm quá 10% (mười phần trăm) giá thuê của kỳ trước liền kề.

- 价为11,000 USD/月适用于 2026 年 08 月 17 日, 厂房租金将在 2026 年 8 月 18 日至 2026 年 11 月 18 日期间上调 5%。之后租金价格将进行调整, 但幅度不会增涨或降低上一个租期价格的10%。

2. Đặt cọc tiền thuê mặt bằng và thời gian hạn hợp đồng

2. 租赁押金与合同期限

- Số tiền đặt cọc: 20.000 USD

押金金额为: 20,000 USD

- Số tiền đặt cọc trên bên B đã chuyển cho bên A trong hợp đồng thuê đất đầu tiên. Sau khi hợp đồng thuê chấm dứt, bên A có nghĩa vụ phải trả lại tiền đặt cọc cho bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày hai bên kết thúc hợp đồng.

乙方押金已在土地租赁合同初期支付给甲方。合同期满后，甲方有义务在双方合同终止后7天内退还押金给乙方

- Thời gian tính tiền thuê chính thức được tính kể từ ngày 18/11/2024 đến ngày 18/11/2029.

计算租金时间从2024年11月18日至2029年11月18日。

- Thời gian thuê là : 05 (năm) năm, bắt đầu kể từ ngày 18/11/2024. Trong trường hợp bên B có nhu cầu tiếp tục thuê sau khi hết thời gian thuê trên, mà bên A vẫn có nhu cầu cho thuê, thì bên B được quyền ưu tiên thuê đầu tiên với giá thuê mới hai bên sẽ thỏa thuận. Trường hợp hết thời hạn đồng thuê bên A có nhu cầu muốn bán tài sản này, bên B được quyền ưu tiên mua đầu tiên với giá hai bên sẽ thỏa thuận.

租赁期限：5年，从2024年11月18日开始。在租期届满之后，若乙方有意续租且甲方也有意继续出租，乙方享有优先续租权，新租金由双方另行协商。租期届满，若甲方有意出售财产，乙方享有优先购买权，价格由双方协商。

3. Khai thác quảng cáo ở khu vực các tòa nhà

3. 在各建筑物树立广告牌

a) Bên B có toàn quyền khai thác quảng cáo ở tòa bộ phần mặt tiền bên trong, bên ngoài, trên nóc và các khu vực trong phạm vi diện tích bên B thuê.

a) 乙方有权在承租区域内外与各建筑物前方与上方树立广告牌。

b) Bên B tự chịu trách nhiệm xin phép quảng cáo với các cơ quan chức năng, và tự chịu trách nhiệm về các nội dung quảng cáo không đúng theo quy định của pháp luật.

b) 乙方必须自行向相关职能部门申请广告许可且须自负违反法律规定的广告内容之责任。

4. Chấm dứt hợp đồng thuê tài sản trên đất

4. 土地租赁合同之终止

Nếu bên nào muốn chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn thì phải chịu một khoản tiền phạt như sau :

任一方若要提前终止此合同，必须支付相应的违约金，如下：



Nếu bên A muốn chấm dứt thì bên A phải hoàn trả lại tiền đặt cọc lại cho bên B, đồng thời bên A phải chịu một khoản tiền phạt tương đương với 02 (tháng) tiền thuê tài sản trên đất quy định tại Khoản 1 Điều 02 của Hợp đồng này, toàn bộ chi phí cải tạo xây dựng căn cứ vào hóa đơn của bên B và chi phí di dời thiết bị máy móc.

若甲方有意提前终止合同, 甲方必须将全部押金退还给乙方, 而且甲方必须承担相当于此合同第一条第二项中规定厂房租金两个月的罚款和赔偿所有的装修款(根据装修发票)及机器设备搬迁费作为违约金。

Nếu bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, bên A không cần thanh toán khoản đặt cọc và chi phí cải tạo xây dựng lại.

如果乙方提前终止合同, 甲方有权不退还押金及装修款。

Trong mọi trường hợp, bất kỳ bên nào có ý định chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 3 tháng.

在任何情况下, 任何一方有意终止合同需提前3个月以书面形式通知对方。

5. Tính pháp lý cho hoạt động của tài sản trên đất

5.土地与财产的经营合法性

a) Công xưởng đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất. Bên A chịu trách nhiệm về việc này trước các cơ quan chức năng và cung cấp cho bên B các văn bản này;

a)甲方须负起确保工厂确保生产活动使用之责任, 且必须向乙方提供相关文件与证明书;

b) Công xưởng được bên A ký hợp đồng cho bên B thuê. Bên A phải cung cấp các văn bản chứng minh tính pháp lý này cho bên B trước khi 2 bên ký hợp đồng.

b)工厂由甲方签约出租给乙方。双方签订合同前甲方必须向乙方提供土地和财产合法所有与使用权的相关文件。

6. Các dịch vụ bên A cung cấp cho diện tích thuê không tính phí

6.甲方为租赁区域免费提供服务

a) Cung cấp nguồn điện, nguồn nước;供应水电

b) Bảo hiểm cháy nổ và rủi ro, bảo hiểm trách nhiệm công cộng đối với các tài sản, trang thiết bị của Tòa nhà (các hạng mục luật quy định chủ tòa nhà phải mua bảo hiểm).

b)厂房设施和财产的火灾爆炸和风险保险和公共责任保险 (房东必须依照相关规定对相关项目购买保险)。

7.Bên A phải lập hóa đơn cho Bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được tiền thuê hàng quý, nếu quá hạn không lập hóa đơn thì phải trả cho Bên B 30% tiền thuê hàng tháng làm tiền vi phạm hợp đồng.

7. 甲方应在每季度收到租金后15日内向乙方开具发票, 逾期未开票的, 应向乙方支付月租金的30%作为违约金。

Điều 3. Thanh toán

第3条: 结算

- Thanh toán 06 (sáu) tháng /kỳ thực hiện vào ngày 18/05 và 18/11 hàng năm. Đồng tiền thanh toán là VNĐ, tỉ giá thanh toán được xác định theo tỉ giá bán ra của ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.

每6个月/季度支付一次, 于本季度05月18号和11月18号前支付。支付币种为越南盾, 支付汇率以越南外商银行的卖出价为准。

Điều 4. Quyền và Trách nhiệm của bên A

第4条: 甲方权利与责任

1. Bàn giao tài sản trên đất theo Điều 01 của Hợp đồng này cho bên B đúng thời gian quy định tại Khoản 2 Điều 2 của hợp đồng này ;

1. 依照此合同第1条和第2条第2款, 将土地和相关财产准时移交给乙方;

2. Nếu bên A bàn giao không đúng theo tiến độ quy định ở Khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng này, thì mỗi tháng chậm bàn giao mặt bằng, bên A sẽ phải bồi thường cho bên B số tiền tương đương số tiền 01 (một) tháng tiền thuê mặt bằng theo định nghĩa tại Điều 2 của hợp đồng này ;

2. 若甲方依照此合同第2条第2款不准时移交财产, 每一个月迟缓移交, 甲方必须赔偿此契约第2条规定一个月押金的罚款;

3. Trong trường hợp bên A chia nhỏ hoặc chuyển đổi sang hình thức đồng sở hữu hoặc chuyển nhượng quyền lợi của mình đối với tài sản trên đất, với điều kiện là trong trường hợp chia nhỏ hay chuyển đổi hình thức sở hữu hay chuyển nhượng quyền lợi đó làm thay đổi pháp nhân của bên A trong Hợp đồng này (i) bên A phải thông báo trước cho bên B bằng văn bản; và (ii) pháp nhân mới đó phải gửi một văn bản cho bên B cam kết chịu ràng buộc vô điều kiện bởi các điều kiện và điều khoản của hợp đồng này và tiếp nhận và thực hiện tất cả các nghĩa vụ của bên A theo hợp đồng này.

3. 若甲方地上建物之所有权分割或转换成为共同所有模式或转让给他人, 致使甲方在此合同的法人资格变更, 则: (i) 甲方必须向乙方书面通知; (ii) 新法人必须向乙方致函, 其中无条件奉行此合同所有条件与条款, 而且接受与奉行合同规定的所有义务

Điều 5. Quyền và Trách nhiệm của bên B.

第5条: 乙方权利和责任

1. Thanh toán tiền đặt cọc và tiền thuê tài sản trên đất đúng tiến độ đã nêu trong hợp đồng này.

Trong trường hợp bên B chậm hoặc không thanh toán tiền thuê theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì bên B phải chịu phạt khoản tiền tương đương với 150% lãi suất Ngân hàng TMCP Ngoại Thương tại thời điểm thanh toán;

1. 依照契约规定的进度准时支付押金与租金。

若乙方逾期支付租金，乙方必须在付款时支付相当于外贸股份商业银行利率150%的罚款；

2. Bên B có trách nhiệm bảo quản, sử dụng và giữ gìn các thiết bị của các tòa nhà theo đúng quy định của Nhà sản xuất trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này. Trường hợp các thiết bị hỏng hóc do nguyên nhân của người sử dụng thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu chi phí để khắc phục. Các trách nhiệm và chi phí không được vượt qua tỷ lệ diện tích của bên B thuê.

2. 租约期间乙方有责任按照制造商的规定使用和保管各建筑物所有设备。若设备故障原因归于使用者，乙方必须承担相应责任并承担相应费用。（承担的责任和费用不应超过乙方承租面积所占的比例）

3. Bên B không được sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kết cấu các tòa nhà, thay đổi mục đích sử dụng khác so với Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của bên A;

3. 乙方若未获得甲方同意，不可维修各建筑物，使其结构变更及更换使用目的；

4. Bên B cam kết thuê tài sản trên đất đúng mục đích quy định tại Điều 1 trong suốt thời hạn hiệu lực của hợp đồng này. Kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật, không kinh doanh các mặt hàng Nhà nước cấm. Nếu vi phạm thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước bên A và pháp luật.

4. 乙方承诺以此契约第1条规定的使用目的承租土地和相关财产，依照法律规定从事经营活动，不从事政府禁止经营的活动。若乙方违反，乙方必须对甲方和法律负起全部责任。

5. Nếu nhà xưởng mà bên A cho thuê tồn tại bất kỳ hình thức gánh nặng quyền lợi nào (bao gồm nhưng không giới hạn ở thế chấp, thế chấp, v.v.), bên A không thông báo trung thực nghĩa vụ, dẫn đến hợp đồng này không thể thực hiện được, bên A phải trả lại tiền đặt cọc và bồi thường tất cả tiền sửa chữa (theo hóa đơn sửa chữa) và chi phí di dời máy móc thiết bị, cũng như hai tháng tiền thuê làm tiền vi phạm hợp đồng.

5. 甲方出租的厂房若存在任何形式的权利负担（包括但不限于抵押、质押等），甲方未尽如实告知义务，导致本合同无法履行的，甲方应返还押金并赔偿所有的装修款（根据装修发票）及机器设备搬迁费，以及两个月的租金作为违约金。

Điều 6. Bảo mật

第6条：保密

Các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng thuê mặt bằng này mang tính bảo mật giữa hai bên. Các bên không được phép tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào mà không có sự phê duyệt

trước của bên kia.

双方对此合同相关条款与条件具有保密义务，任何一方未获得对方同意，不可告知第三方。

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

第7条：终止合同

Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau :

此合同在以下情况下终止：

- Hai bên cùng thống nhất chấm dứt hợp đồng này;
- 双方同意终止此合同;
- Khi một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng và chịu vi phạm hợp đồng theo quy định tại mục 4 điều 2 của hợp đồng này.
- 当一方依据此合同第2条第4款单方面终止并承担违反合同罚款。

Điều 8. Điều khoản khác

第8条：实施条款

- Hợp đồng này có hiệu lực ngay lập tức kể từ ngày ký kết cho đến khi Hợp đồng này hết hạn hiệu lực; Hợp đồng này thay thế Hợp đồng thuê tài sản trên đất số 250512-2/HĐKT- KD ngày 12/5/2025.

- 此合同自签署之日起立即生效，直到合同期

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng giải quyết trên tinh thần thương lượng, nếu không thống nhất được hai bên cùng giải quyết tại toà án kinh tế thành phố Hà Nội. Bên nào sai bên đó chịu hoàn toàn mọi phí tổn phát sinh.

若有在发生争执的情况下，双方共同协商解决，如若不能达成协议，即呈上河内市经济法院受理，所有发生费用由败诉方承担。

- Hợp đồng thuê tài sản trên đất này bao gồm 09 trang, được lập thành 04 bản gốc bằng tiếng Việt Nam và tiếng Trung Quốc có giá trị pháp lý ngang nhau, dùng để thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi của các bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản gốc.

本土地租赁合同共9页，合同具有同等法律效力的越文和中文版共4份，用于履行各方义务和权利。双方各执2份。

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Thành

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表



CÔNG
TY TNHH
LOCWE
VIỆT
NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC
QIN, MING

Digitally signed by CÔNG TY
TNHH LOCWE VIET NAM
DN: C=VN, S=Hưng Yên, O=
CÔNG TY TNHH LOCWE
VIET NAM, CN=CÔNG TY
TNHH LOCWE VIET NAM
OID.0.9.2342.19200300.100
1.1=MST:0901192949
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.12.29
16:56:24
+0700
Foxit PDF Reader Version:
2025.2.1

THỎA THUẬN

V/v: Tiếp nhận, xử lý nước thải

Số: KCNPNA/TT- LOCWE/1025

Thỏa thuận này được ký kết vào ngày 01 tháng 10 năm 2025 (“Ngày Ký”) bởi và giữa các bên sau đây:

1. **CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH**, một công ty được thành lập và đăng ký hợp lệ theo pháp luật Việt Nam với các thông tin sau:

Địa chỉ đăng ký : Đường D3 – Khu D- KCN Phố nổi A ,Xã Lạc Hồng,Huyện Văn Lâm,Tỉnh Hưng Yên (Nay là Xã Như Quỳnh ,Tỉnh Hưng Yên).

Mã số doanh nghiệp : 0900238774

Đại diện bởi : Ông Nguyễn Duy Thành

Chức vụ : Giám đốc

Sau đây được gọi là “**Bên Cho Thuê**”

2. **CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM**, một công ty được thành lập và đăng ký hợp lệ theo pháp luật Việt Nam với các thông tin sau:

Địa chỉ đăng ký : Đường D3 – Khu D- KCN Phố nổi A ,Xã Lạc Hồng,Huyện Văn Lâm,Tỉnh Hưng Yên (Nay là Xã Như Quỳnh ,Tỉnh Hưng Yên).

Mã số doanh nghiệp : 0901192949

Đại diện bởi : Ông Qin Ming

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau đây được gọi là “**Bên Thuê**”

Bên Cho Thuê và Bên Thuê sau đây được gọi riêng là một “**Bên**” và được gọi chung là “**Các Bên**”.

XÉT RÀNG:

- A. Các Bên đã ký kết Hợp Đồng Thuê Tài Sản Trên Đất số 250612-1 HĐKT-KD ngày 12 tháng 06 năm 2025 (“**Hợp Đồng**”).
- B. Bên Thuê mong muốn đăng ký nhu cầu sử dụng tiện ích cho hoạt động sản xuất và vận hành của mình theo quy định của Hợp Đồng và Thỏa Thuận này.

Sau khi bàn bạc thảo luận, Các Bên đồng ý ký kết thỏa thuận này (“**Thỏa Thuận**”) với các điều khoản sau đây:

Điều 1:

- 1.1. Không phương hại đến các quyền của Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng và pháp luật Việt Nam, Bên Thuê có các nghĩa vụ như sau:

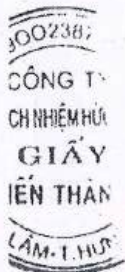
- (a) Thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, theo đúng với các quy chuẩn pháp lý của Pháp luật Việt Nam, Quy định Của Khu Công Nghiệp (như được định nghĩa tại Hợp Đồng), Các Quy Định Của Bên Cho Thuê (như được định nghĩa tại Hợp Đồng) và Tiêu Chuẩn Nước Thải;
- (b) Khi Bên Thuê chỉ có phát sinh nước thải sinh hoạt: Bên Thuê sẽ thải duy nhất nước thải sinh hoạt (gồm nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...). Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của bên thuê thuộc phần diện tích thuê được dẫn về bể tự hoại ba (03) ngăn đã được bên cho thuê xây sẵn, sau đó theo đường ống chảy qua hố ga nước thải trước khi dẫn về hệ thống thu gom xử lý nước thải KCN. Bên cho thuê có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý nằm dưới giới hạn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Phố Nối A khi xả nước thải đó vào các điểm đầu nối nước thải với khu công nghiệp.
- (c) Bên Thuê sẽ thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên Cho Thuê (và/hoặc các cơ quan cung cấp dịch vụ khác tùy từng trường hợp áp dụng vào từng thời điểm) theo đúng yêu cầu của Bên Cho Thuê (nếu có);
- (d) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Thỏa Thuận này;
- (e) Tuân thủ đúng các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với địa điểm Bên Thuê đang sử dụng.

1.2. Không phương hại đến các quy định khác của Thỏa Thuận này, nếu Bên Thuê xả phát sinh nước thải không phù hợp với quy định đầu nối nước thải của Bên Cho Thuê tại Thỏa Thuận này, thì ngay khi được Bên Cho Thuê thông báo cho Bên Thuê về hành vi đầu nối nước thải vi phạm đó, Bên Thuê sẽ ngay lập tức:

- (a) Chấm dứt ngay việc xả nước thải vi phạm đó;
- (b) Thông báo cho Bên Cho Thuê về tình hình, biện pháp khắc phục sẽ được thực hiện, và quy trình thực hiện những biện pháp đó cho đến khi đã khắc phục được những vi phạm liên quan, đáp ứng yêu cầu của Bên Cho Thuê;
- (c) Khắc phục những vi phạm xả đầu nối nước thải liên quan, đáp ứng yêu cầu của Bên Cho Thuê;
- (d) Hoàn trả cho Bên Cho Thuê toàn bộ chi phí phát sinh mà Bên Cho Thuê đã gánh chịu liên quan đến việc lấy mẫu và kiểm tra nước thải hoặc nước, và liên quan đến bất kỳ biện pháp khắc phục nào mà Bên Cho Thuê cho là cần thiết; để tránh nhầm lẫn, Bên Cho Thuê sẽ không có bất kỳ trách nhiệm nào thực hiện các biện pháp khắc phục này;
- (e) Nộp bất kỳ khoản phạt nào mà Cơ Quan Nhà Nước áp dụng đối với Bên Thuê, và bồi thường cho Bên Cho Thuê hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác về bất kỳ thiệt hại nào mà y/ Bên Cho Thuê hoặc bên thứ ba đó phải gánh chịu vì việc xả đầu nối nước thải vi phạm đó;
- (f) Bồi thường cho Bên Cho Thuê toàn bộ chi phí mà Bên Cho Thuê phải gánh chịu (bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản phí phạt, bồi thường mà Bên Cho Thuê phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Khai Thác Khu Công Nghiệp Phố Nối A) liên quan đến việc Bên Thuê xử lý nước thải không đúng với quy định của Pháp luật Việt Nam, Quy định Của Khu Công Nghiệp, Các Quy Định Của Bên Cho Thuê và/hoặc Tiêu Chuẩn Nước Thải; và

2. Trả cho Bên Cho Thuê một khoản tiền phạt tương ứng với khoản phạt theo từng chỉ tiêu được áp dụng trong Hợp đồng Thu gom Xử lý nước thải được ký kết giữa Bên Cho Thuê và Công Ty Quản Lý Khai Thác Khu Công Nghiệp Phố Nối A (đơn vị vận hành và phát triển Hệ thống xử lý nước thải tại Khu Công nghiệp Phố Nối A).

1.3. Để làm rõ:



2949.

VG T
NH
CWE
FNA
UNG

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào đối với giới hạn tiếp nhận nước thải của Bên Cho Thuê, Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê và Các Bên không cần ký văn bản sửa đổi Thỏa Thuận này. Để tránh nhầm lẫn, thông báo đó sẽ được xem là một phần không thể tách rời của Thỏa Thuận này và Bên Thuê đảm bảo nước thải công nghiệp phát sinh từ dự án của Bên Thuê tại Khu Công Nghiệp Phố Nối A sẽ đạt chuẩn thấp hơn ngưỡng tiếp nhận giới hạn tiếp nhận nước thải được nêu tại thông báo đó.

Điều 2:

- 2.1 Các Bên cam kết thực hiện các điều khoản trong Thỏa Thuận này. Trừ trường hợp Thỏa Thuận có quy định khác, bất kỳ sự bổ sung, sửa đổi nội dung Thỏa Thuận phải được Các Bên đồng ý thực hiện bằng văn bản phụ lục đính kèm.
- 2.2 Trong quá trình thực hiện Thỏa Thuận này nếu gặp vướng mắc phát sinh thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 2.3 Thỏa Thuận này có hiệu lực kể từ Ngày Ký và được lập thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Việt. Mỗi Bên giữ một (01) bản gốc có giá trị hiệu lực như nhau để thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, Các Bên tại đây cùng nhau ký kết Thỏa Thuận này bởi người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền của mình như dưới đây, và vào ngày và năm đề cập ở đầu Thỏa Thuận.

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN
BÊN CHO THUÊ**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Thành

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN
BÊN THUÊ**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
QIN, MING**



UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1884130860

Chứng nhận lần đầu: Ngày 29 tháng 10 năm 2013

Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: Ngày 10 tháng 9 năm 2018

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 05221000200 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 29/10/2013; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29/01/2015;
- Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Giấy Tiến Thành nộp ngày 06/9/2018,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỖ TAY VÀ GIẤY VỎ HỌC SINH; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 05221000200 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 29/10/2013; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29/01/2015.

Được đăng ký điều chỉnh tên dự án, mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Giấy Tiến Thành; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900238774 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 28/4/2005, thay đổi lần thứ 5 ngày 31/8/2016;
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam;
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy Thành; Sinh ngày: 01/3/1984; Chứng minh nhân dân số 012255016 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 01/7/2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại:

Số 5 ngõ Huyện, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
Chức danh: Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ.

2. Mục tiêu dự án: Cho thuê nhà xưởng và văn phòng.

3. Quy mô diện tích nhà xưởng, văn phòng cho thuê: 6.100 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

5. Diện tích đất sử dụng: 10.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 15.000.000.000 (Mười năm tỷ) đồng. Trong đó vốn góp để thực hiện dự án: 11.000.000.000 (Mười một tỷ) đồng, chiếm 73% tổng vốn đầu tư.

Tiền độ góp vốn: Chủ đầu tư cam kết đã góp đủ 100% vốn góp bằng tiền mặt để thực hiện dự án.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 15/01/2054.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2006;
- Cho thuê 2.640 m² nhà xưởng và văn phòng từ tháng 01/2015;
- Cải tạo, sửa chữa và cho thuê toàn bộ nhà xưởng, văn phòng trong vòng 02 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 2.

Điều 2: Quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo đăng ký và cam kết. Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư;

- Báo cáo cơ quan nhà có thẩm quyền những nội dung thay đổi so với nội dung đăng ký tiêu chuẩn môi trường của dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận tại văn bản số 20/PXN-STNMT ngày 20/6/2007.

- Hướng dẫn, tổ chức cá nhân thuê nhà xưởng thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định của khu công nghiệp; chỉ được cho tổ chức, cá nhân vào thuê nhà xưởng thực hiện hoạt động sản xuất phù hợp với quy hoạch tính chất ngành nghề khu công nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

77
PHÓ
GCHI
T HU
BIEN-

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Điều 3: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 05221000200 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 29/10/2013; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29/01/2015.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Giấy Tiên Thành và 01 (một) bản đăng ký tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

KT.TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Vũ Quang Thắng



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Tuấn Cường



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0900238774

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 04 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 31 tháng 08 năm 2016

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN THANH PAPER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TTP CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường D3, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0913 232 605

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 23.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ CHÚC

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/08/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 010372205

Ngày cấp: 19/07/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5, Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5, Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DUY THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012255016

Ngày cấp: 01/07/2002

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5 Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5 Ngõ Huyện, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG



Trần Đức Lâm



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Tuấn Cường

249-C
3 TY
IH
WE
NAM
3 YEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 0900238774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 28/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/12/2013.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

BE 561751

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Nặc nhân của cơ quan có thẩm quyền

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số: 01
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



1 2 0 1 0 1 4 0 0 1 2 7 0



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Tài sản đất:

- a) Thửa đất số: 432;
b) Tờ bản đồ số: 06;
c) Địa chỉ: Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên;
d) Diện tích: 10900 m², (phòng trừ: Mực nước biển ngoài khơi);
Hình thức sử dụng: trồng 10900 m², chung: Không m²;
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp;
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15 tháng 1 năm 2054;
g) Nguồn gốc sử dụng: "Thửa đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp".

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

- a. Tên công trình: Nhà máy sản xuất sợi dây và giấy vỏ bọc ảnh.
b. Thông tin chi tiết về công trình:

STT	Hạng mục xây dựng công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích mặt đất (m ²)	Kết cấu nhà xây	Cấp công trình	Số tầng	Hiện trạng xây dựng	Thời hạn sử dụng
1	Nhà máy dệt	102	684	Tường gạch, khung bê tông, mái bê tông cốt thép + ngói đỏ, mặt gạch men.		02	2008	-/-
2	Xưởng sản xuất 01	1820	1820	Tường gạch + kèo, khung thép, mái tôn, nhà bê tông.		01	2007	-/-
3	Xưởng sản xuất 02	2352	2352	Tường gạch + kèo, khung thép, mái tôn, nhà bê tông.		01	2008	-/-
4	Nhà điều hành	144	288	Tường gạch, khung bê tông, mái bê tông cốt thép + ngói đỏ, mặt gạch men.		02	2008	-/-
5	Nhà ăn ca, nhà vệ sinh chung.	176	176	Tường gạch, mái tôn, nhà gạch men.		01	2008	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Gìn giữ:

Hưng Yên, ngày 05 tháng 2 năm 2014
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

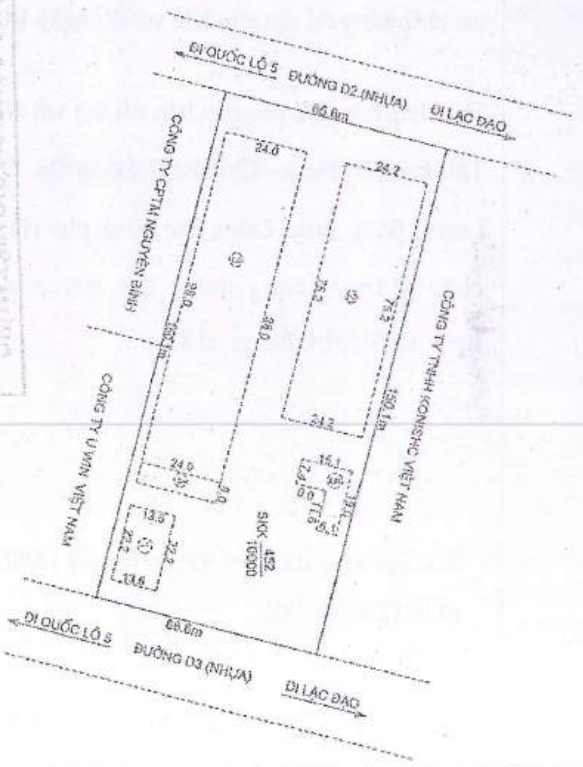
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
ĐẶNG MINH NHƯ

Số vào sổ cấp Giấy: CT 01776

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
504 40 12	

CÔNG CHỨNG VIỆN

Thẩm định, công chứng



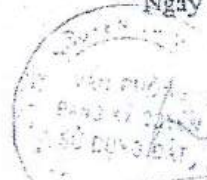
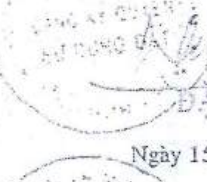
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 452

Tờ bản đồ số: 06

Số phát hành GCN: BE 561751

Số vào sổ cấp GCN: CT 01776

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất với chi nhánh Ngân hàng Công thương khu vực Đống Đa- Ngân hàng Công thương Việt Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2007/HĐTC ngày 22/12/2007. Đã đăng ký thế chấp ngày 24/12/2007.	Xác nhận lại Ngày 25/3/2014.  GIÁM ĐỐC ĐẶNG XUÂN LƯƠNG
Thay đổi tên của bên nhận thế chấp thành tên mới là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 14/05/2014, hồ sơ số 428.	Ngày 15/05/2014  GIÁM ĐỐC ĐẶNG XUÂN LƯƠNG
Đã xoá đăng ký thế chấp theo xác nhận của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa tại đơn yêu cầu xoá đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất ngày 14/05/2014, hồ sơ số 429.	Ngày 15/05/2014  GIÁM ĐỐC ĐẶNG XUÂN LƯƠNG
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa. Địa chỉ: Số 183 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 383, quyển số 02/2014 TP/CC-SCC ngày 15/5/2014, hồ sơ số 430.	Ngày 15/05/2014  GIÁM ĐỐC ĐẶNG XUÂN LƯƠNG
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 15/5/2014, hồ sơ số 001270.XC.005.	Ngày 25/3/2021  PHÓ GIÁM ĐỐC ĐỖ CAO CÔNG

Số: 54 /TD-PCCC 2015

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 03/CV ngày 15/07/2015

Của: Công ty TNHH giấy Tiên Thành

Người đại diện là ông: Nguyễn Duy Thành Chức danh: Giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN**

Công trình: NHÀ XƯỞNG MỞ RỘNG – N/M SẢN XUẤT GIẤY TIỀN THÀNH

Địa điểm xây dựng: Khu D, KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Chủ đầu tư: Công ty TNHH giấy Tiên Thành

Đơn vị thiết kế: - Công ty TNHH kết cấu thép cơ khí xây dựng Hưng Yên (thiết kế kiến trúc)

- Công ty TNHH thiết bị PCCC Đức Minh (thiết kế hệ thống PCCC)

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

a/ Quy mô công trình, hạng sản xuất, bậc chịu lửa, tính chất nguy hiểm cháy, nổ;

b/ Tổng mặt bằng, giao thông, khoảng cách an toàn PCCC, thoát nạn;

c/ Hệ thống báo cháy tự động;

d/ Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;

f/ Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;

g/ Trang bị phương tiện chữa cháy cầm tay...theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

50438 19

Hưng Yên, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an;

- Chủ đầu tư;

- Lưu PC66.



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Anh Tuấn



Thiếu tá Trần Công Quyền

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYẾT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Số: 15/HĐKT/KCN

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/V: CUNG CẤP, SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI)

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng Kinh tế của Hội đồng Nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 25/9/1989 và Nghị định số 17/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) ban hành ngày 16/01/1990 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế.
- Căn cứ vào khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng của hai bên

Hôm nay, ngày 26 tháng 04 năm 2006, tại văn phòng Khu công nghiệp Phố Nối A, chúng tôi gồm:

I – BÊN CUNG CẤP (sau đây gọi tắt là bên A)

Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP PHỐ NỐI A

- Địa chỉ : Xã Giai Phạm – Huyện Yên Mỹ – tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : (84.4)-9763889 Fax: (84.4)-9763890
- Tài khoản : 10520051368039 tại Ngân hàng Thương Mại Kỹ Thuật Việt Nam Chi nhánh Chương Dương (Techcombank Chương Dương).
- Mã số thuế : 0900227074
- Đại diện : Ông Hoàng Quang Việt Chức vụ: Giám đốc Công ty

II – BÊN SỬ DỤNG (sau đây gọi tắt là bên B)

Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

- Địa chỉ : Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại : 0913 232605 Fax:
- Mã số thuế : 0900238774
- Tài khoản :
- Đại diện : Ông Nguyễn Duy Thế Chức vụ: Giám đốc Công ty

Hai bên cùng nhau ký kết và thực hiện HỢP ĐỒNG KINH TẾ về việc cung cấp nước sạch và xử lý nước thải với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung giao dịch

Bên A đồng ý cung cấp cho bên B và bên B đồng ý sử dụng dịch vụ cung cấp nước sạch và xử lý nước thải do Bên A cung cấp với nội dung sau:

1.1 Mục đích:

- Cung cấp và sử dụng nước sạch phục vụ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của Bên B tại Khu công nghiệp Phố Nối A.
- Xử lý nước thải của Bên B thải ra trong quá trình sản xuất (nước thải công nghiệp) và sinh hoạt (nước thải sinh hoạt).

1.2 Địa điểm cung cấp và sử dụng dịch vụ: tại lô đất thuê của Bên B tại Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điều 2: Xác định khối lượng sử dụng

2.1 Khối lượng nước sạch:

Khối lượng nước sạch sử dụng hàng tháng được xác định bằng mét khối (m^3) theo chỉ số đo đếm của đồng hồ đo nước và hệ số (nếu có), do nhân viên của bên A ghi vào ngày cuối tháng (từ ngày 29 đến ngày 31 hàng tháng), có sự giám sát và xác nhận của bên B.

Trường hợp công tơ đo đếm bị hỏng mà bên A không ghi được khối lượng nước sử dụng, thì bên A sẽ tính khối lượng nước sạch sử dụng trong tháng của bên B bằng khối lượng nước bình quân của 3 tháng liền kề trước đó.

Khối lượng nước sạch sử dụng thực tế hàng tháng được đại diện hai bên xác nhận làm cơ sở cho việc thanh quyết toán.

2.2 Khối lượng nước thải:

Khối lượng nước thải được xác định bằng 80% khối lượng nước sạch sử dụng đầu vào của bên B.

Điều 3: Đơn giá và Phí

3.1 Đơn giá nước sạch

3.1.1 **Đơn giá:** 3.500 đồng/ m^3 . Giá này là giá áp dụng từng thời điểm và là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) theo qui định của Nhà nước tại thời điểm thanh toán.

3.1.2 **Thời điểm tính tiền sử dụng nước sạch:** được áp dụng từ ngày bên A lắp đặt đồng hồ và đầu nối nước cho bên B. Chỉ số đo đếm của đồng hồ nước tại thời điểm đầu nối sẽ lập thành biên bản được đại diện hai bên kiểm tra và xác nhận, làm cơ sở cho việc tính khối lượng sử dụng nước hàng tháng.

3.1.3 **Điều chỉnh giá:** giá nước sạch trên sẽ được điều chỉnh khi có sự thay đổi của Nhà nước về giá điện, Phí khai thác và sử dụng tài nguyên hoặc các quyết định khác của Nhà nước làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước.

Trường hợp có sự điều chỉnh về giá nước, Bên A sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày. Việc điều chỉnh này được lập thành Phụ lục hợp đồng có xác nhận của hai bên làm cơ sở cho việc thanh toán.

3.2 Phí xử lý nước thải

3.2.1 **Phí xử lý nước thải:** được tính theo giá qui định chung của Khu công nghiệp Phố Nối A tại thời điểm tính phí.

3.2.2 **Thời điểm tính phí xử lý nước thải:** được áp dụng khi bên A hoàn thành việc xây dựng Nhà máy xử lý nước thải của Khu công nghiệp. Bên A sẽ thông báo trước 03 tháng cho bên B bằng văn bản về thời điểm hoàn thành việc xây dựng Nhà máy.

Điều 4: Thanh toán

4.1 Thời hạn thanh toán:

Bên B thanh toán dứt điểm tiền sử dụng nước sạch và phí xử lý nước thải hàng tháng cho bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán của Bên A.

4.2 Phương thức thanh toán:

4.2.1 Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt tại văn phòng Ban quản lý Hạ tầng Khu công nghiệp Phố Nối A;

4.2.2 Hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên A tại:
+ Ngân hàng Thương mại Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh Chương Dương (Techcombank Chương Dương).
+ Địa chỉ: Số 100, Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam
+ Số tài khoản: VND: 10520051368039
+ Người thụ hưởng: Công ty Quản lý khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A

4.3 Chế tài thanh toán:

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán tiền sử dụng nước sạch và phí xử lý nước thải mà bên B không thanh toán cho bên A, Bên A sẽ tạm dừng việc cung cấp nước cho đến khi bên B thanh toán xong số tiền sử dụng nước sạch và phí xử lý nước thải chậm thanh toán.

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi hai bên thực hiện đầy đủ các trách nhiệm qui định trong hợp đồng này.



Điều 6: Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của bên B

- 6.1.1 Sử dụng nước đúng mục đích;
- 6.1.2 Không được sử dụng các thiết bị có chất chì và các loại vật liệu khác có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng nước trong các bộ phận dẫn nước.
- 6.1.3 Không được thực hiện việc đấu nối trực tiếp các loại bơm hút nước vào đường ống cấp nước.
- 6.1.4 Không được tự ý đấu nối đường ống vào hệ thống cấp nước chung của Khu công nghiệp và không được tháo gỡ niêm phong, sửa chữa, tháo dỡ hoặc di chuyển đồng hồ nước nếu không có ý kiến chấp thuận của Bên A.
- 6.1.5 Xử lý sơ bộ nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt trong nội bộ Nhà máy trước khi thải ra hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp.
- 6.1.6 Bên B tự chịu mọi chi phí đấu nối và đường ống từ điểm đấu nối đồng hồ đo nước do bên A chỉ định bên ngoài hàng rào lô đất thuê đến khu vực sử dụng của bên B. Đồng hồ đo nước sẽ do bên A đầu tư và lắp đặt.
- 6.1.7 Bên B có trách nhiệm xây dựng hệ thống bể chứa nước dự trữ để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tạm ngừng cung cấp nước để bảo dưỡng hoặc do sự cố mất điện hoặc vì lý do kỹ thuật khác... và phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.
- 6.1.8 Thanh toán tiền sử dụng nước sạch và phí xử lý nước thải cho bên A theo đúng các qui định của hợp đồng này.

6.2 Trách nhiệm của bên A

- 6.2.1 Bên A có trách nhiệm cung cấp nước sạch đầy đủ và thường xuyên cho bên B;
- 6.2.2 Bên A có trách nhiệm cung cấp nước sạch cho Bên B đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn qui định tại Quyết định số 1329/2002/QĐ-BYT, ngày 18/4/2002 của Bộ Y tế - Việt Nam;
- 6.2.3 Bên A có trách nhiệm cung cấp điểm đấu nối ngoài tường rào cho bên B (kèm đồng hồ đo đếm);
- 6.2.4 Bên A có trách nhiệm thông báo trước 01 ngày (24 giờ) cho bên B về kế hoạch ngừng cấp nước để bảo dưỡng hoặc do sự cố mất điện hoặc vì lý do kỹ thuật, ngoại trừ lý do khách quan khác xảy ra;
- 6.2.5 Bên A ghi chỉ số đồng hồ hàng tháng phải có sự chứng kiến của đại diện bên B và thông báo tiền nước sử dụng hàng tháng cho bên B;
- 6.2.6 Sau khi Bên B đã xử lý nước thải sơ bộ trong khu vực nhà máy, Bên A có trách nhiệm thu gom nước thải của bên B thải ra và xử lý để đảm bảo nước thải sau xử lý được thải trực tiếp ra môi trường.

- 6.2.7 Thông báo trước 15 ngày cho bên B bằng văn bản khi có điều chỉnh về giá nước;
- 6.2.8 Bên A có quyền ngừng việc cung cấp nước cho bên B, khi bên B vi phạm một trong các điều khoản của hợp đồng này hoặc vi phạm các quy định của Khu công nghiệp Phố Mới A;
- 6.2.9 Được thu tiền sử dụng nước sạch và phí xử lý nước thải của bên B theo qui định của hợp đồng.

Điều 7: Điều khoản khác

- 7.1 Mọi điều khoản chi tiết về việc xử lý nước thải sẽ được qui định cụ thể trong Phụ lục hợp đồng, được hai bên ký kết và thực hiện, trên cơ sở nội dung qui định trong hợp đồng này. Các Phụ lục hợp đồng là bộ phận không thể tách rời hợp đồng này.
- 7.2 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm và đầy đủ các điều khoản qui định trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, thay đổi phải kịp thời thông báo để cùng nhau giải quyết trên tinh thần thương lượng. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho bên kia. Nếu hai bên không tự thoả thuận giải quyết được thì cùng đưa ra Tòa án Việt Nam giải quyết theo qui định của pháp luật.
- 7.3 Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Hàng Quang Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Chế



Số: 02PL/15/HĐKT/KCN

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: Xử lý nước thải

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/KCN ngày 26/04/2006 giữa Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A và Công ty TNHH Giấy Tiến Thành về việc cung cấp, sử dụng nước sạch và xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Phố Nối A.

Hôm nay, ngày 12 tháng 09 năm 2007, tại văn phòng Khu công nghiệp Phố Nối A, chúng tôi gồm:

I – BÊN CUNG CẤP (sau đây gọi tắt là “Bên A”)

Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY QUẢN LÝ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHIỆP PHỐ NỐI A

Đại diện: Ông Hoàng Quang Việt

Chức vụ: Giám đốc Công ty

II – BÊN SỬ DỤNG (sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

Đại diện: Ông Nguyễn Duy Thế

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Hai bên cùng nhau ký kết Phụ Lục Hợp đồng Kinh tế với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Mức Phí xử lý nước thải

- 1.1 Đơn giá: **4.500 đồng/m³**
- 1.2 Giá trên là giá áp dụng từng thời điểm và là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) theo qui định của Nhà nước tại thời điểm thanh toán.
- 1.3 Giá trên là giá chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo qui định của Nhà nước.

Điều 2: Thời điểm tính Phí xử lý nước thải

Thời điểm tính phí xử lý nước thải được áp dụng từ tháng 01/2008. Hiện nay, Bên A đang xây dựng Nhà máy xử lý nước thải và sẽ hoàn thành, đưa vào hoạt động vào tháng 10/2007.

Điều 3: Điều chỉnh mức Phí xử lý nước thải

- 3.1 Mức Phí xử lý nước thải trên sẽ được điều chỉnh khi có sự thay đổi của Nhà nước về giá điện, phí xả nước thải vào nguồn nước, thay đổi chi phí về nguyên vật liệu hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến giá thành xử lý nước thải.
- 3.2 Trường hợp có sự điều chỉnh về phí xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước 15 ngày. Việc điều chỉnh này được lập thành Phụ lục hợp đồng có xác nhận của hai bên làm cơ sở cho việc thanh toán.

Điều 4: Xử lý sơ bộ nước thải

- 4.1 Bên B phải xử lý Nước thải nội bộ trong Nhà máy trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp. Nước thải công nghiệp của Bên B sau khi xử lý nội bộ (sau đây gọi tắt là "**Nước thải của Bên B**") phải có thông số và nồng độ các chất thành phần nhỏ hơn hoặc bằng giá trị giới hạn qui định tại Phụ lục I đính kèm Phụ lục hợp đồng này. Phụ lục I được hai bên xác nhận, và là một bộ phận không thể tách rời Phụ lục hợp đồng này;
- 4.2 Trường hợp Nước thải của Bên B có thông số và nồng độ các chất thành phần lớn hơn giá trị giới hạn quy định tại Phụ lục I đính kèm Phụ lục hợp đồng này, thì Bên A sẽ có thông báo bằng văn bản yêu cầu Bên B có biện pháp xử lý và khắc phục. Trong vòng một (01) tháng (30 ngày) kể từ ngày Bên A có văn bản thông báo, mà Nước thải của Bên B vẫn không đảm bảo theo các giới hạn qui định tại Phụ lục I, Bên A sẽ tiến hành ngừng cung cấp các dịch vụ cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản khác

- 5.1 Mọi điều khoản khác không quy định trong Phụ lục Hợp đồng này đều tuân theo Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/KCN ngày 26/04/2006 giữa Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A và Công ty TNHH Giấy Tiến Thành
- 5.2 Phụ lục Hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/KCN ngày 26/04/2006 giữa Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A và Công ty TNHH Giấy Tiến Thành.
- 5.3 Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 5.4 Phụ lục Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Chế

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quang Việt

PHỤ LỤC I

**Bảng qui định các thông số và nồng độ các chất thành phần
nước thải công nghiệp của các Doanh nghiệp khi thải ra hệ thống thoát nước thải chung
của Khu công nghiệp Phố Nối A**

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH		5,5 - 9
3	Mùi		Không khó chịu
4	Màu sắc, Co-Pt ở pH=7		50
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	100
6	COD	mg/l	400
7	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	200
8	Asen	mg/l	0,1
9	Thủy ngân	mg/l	0,01
10	Chì	mg/l	0,5
11	Cadimi	mg/l	0,01
12	Crom (VI)	mg/l	0,1
13	Crom (III)	mg/l	1
14	Đồng	mg/l	2
15	Kẽm	mg/l	3
16	Niken	mg/l	0,5
17	Mangan	mg/l	1
18	Sắt	mg/l	5
19	Thiếc	mg/l	1
20	Xianua	mg/l	0,1
21	Phenol	mg/l	0,5
22	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
23	Dầu động thực vật	mg/l	20
24	Clo dư	mg/l	2
25	PCBs	mg/l	0,01
26	Hoá chất bảo vệ thực vật: Lân hữu cơ	mg/l	1
27	Hoá chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/l	0,1
28	Sunfua	mg/l	0,5
29	Florua	mg/l	10
30	Clorua	mg/l	600
31	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	10
32	Tổng nitơ	mg/l	30
33	Tổng photpho	mg/l	6
34	Coliform	MPN/100ml	5000
35	Xét nghiệm sinh học (Bioassay)		90% cá sống sót sau 96 giờ trong 100% nước thải
36	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
37	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Lê



GIÁM ĐỐC

Hoàng Quang Việt

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH



**BÁO CÁO
ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn
phòng cho thuê

Địa điểm: Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn
Lâm, tỉnh Hưng Yên (hiện nay là Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp
Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên).

Hưng Yên, tháng 9 năm 2025



**CÔNG TY TNHH GIẤY
TIỀN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /ĐKMT-TT

Hưng Yên, ngày 15 tháng 9, năm 2025

V/v đăng ký môi trường cho Dự
án Đầu tư xây dựng nhà xưởng,
văn phòng cho thuê

Kính gửi: UBND xã Như Quỳnh

Công ty TNHH Giấy Tiền Thành là chủ đầu tư của Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê tại Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (hiện nay là Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên) thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Giấy Tiền Thành: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (hiện nay là Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0900238774, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 10 tháng 01 năm 2025; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1884130860 được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp chứng nhận lần đầu ngày 29/10/2013, chứng nhận điều thay đổi lần thứ 2 ngày 10/9/2018; Quyết định số 39/QĐ-BQL ngày 21/03/2025 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê (Lần 1) của Công ty TNHH Giấy Tiền Thành .

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Giấy Tiền Thành: Ông Nguyễn Duy Thành; Chức danh: Giám đốc;

Công ty TNHH Giấy Tiến Thành đăng ký môi trường cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về Dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (hiện nay là Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên).

+ Tổng diện tích đất của dự án: 10.000 m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE561751, số vào sổ cấp GCN CT01776 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 25/3/2014).

+ Tổng vốn đầu tư của Dự án là 15.000.000.000 đồng (Mười năm tỷ đồng).

+ Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định: Từ tháng 8/2025 đến tháng 9/2025;
- Chính thức đi vào hoạt động, vận hành: Tháng 9/2025.

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư:

+ Quy mô các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

Dự án hoạt động với mục tiêu xây dựng nhà xưởng, nhà kho để cho thuê trên tổng diện tích đất 10.000 m². Hiện nay, các hạng mục công trình của dự án đã được xây dựng hoàn thành, cụ thể như sau:

Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Nhà xưởng	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng xây dựng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Xưởng sản xuất 01	1.820	1	1.820
2	Xưởng sản xuất 02	2.352	1	2.352
3	Xưởng sản xuất 03	1.338	1	1.338
4	Nhà điều hành	144	2	288
5	Trạm điện kiosk	-	-	-
6	Nhà văn phòng	346	2	692
7	Nhà bảo vệ	24	1	24

8	Nhà rác 1	12	1	12
9	Nhà rác 2	12,6	1	12,6
10	Phòng bơm + Bể ngầm	20	1	20
11	Đất cây xanh, mặt nước	2.011,21	-	-
12	Đất giao thông	1.920,19	-	-
Tổng		10.000	-	6.558,6

+ Quy trình kinh doanh cho thuê nhà kho, nhà xưởng của dự án như sau:

- Sau khi hoàn thành các thủ tục hành chính, Chủ đầu tư dự án sẽ tiến hành cho thuê nhà xưởng và văn phòng, các hạng mục phụ trợ của dự án. Các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành các thủ tục thuê lại nhà xưởng với Chủ đầu tư dự án.

- Quá trình hoạt động của các doanh nghiệp thuê nhà xưởng: Tự chịu trách nhiệm về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường Dự án của các doanh nghiệp theo hồ sơ môi trường sau khi được các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phê duyệt theo thẩm quyền.

- Quá trình vận hành dự án, chủ đầu tư sẽ quản lý và sẽ chịu trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của các nhà xưởng cho thuê trước khi dẫn nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phố Nối A.

+ Loại hình của dự án đầu tư: Cho thuê nhà xưởng và văn phòng.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của Dự án:

❖ Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

Hoạt động của dự án là cho thuê nhà xưởng và văn phòng sẽ không phát sinh nhu cầu về nguyên vật liệu sản xuất. Khi các nhà đầu tư thứ cấp thuê nhà xưởng sẽ sử dụng nguyên vật liệu và nhiên liệu cho quá trình hoạt động riêng của các nhà đầu tư này, căn cứ vào từng loại hình công nghệ, quy mô sản xuất mà các chủ đầu tư thứ cấp này sẽ phải thực hiện thủ tục về môi trường cho riêng họ theo đúng quy định của pháp luật.

❖ Nhu cầu sử dụng nước

Đối với hoạt động sinh hoạt: Nhu cầu về nước cho hoạt động sinh hoạt không cố định phụ thuộc vào số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại các đơn vị thứ cấp đến thuê nhà xưởng của chủ dự án. Chủ dự án cam kết sẽ phục vụ đảm bảo nhu cầu nước cấp cho các đơn vị đến thuê nhà xưởng của dự án.

Áp dụng định mức sử dụng nước sinh hoạt trong khu công nghiệp trung bình là $30 \text{ m}^3/\text{ha-ngày}$ (Theo Bảng 2 - TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế) thì với diện tích của dự án là 10.000 m^2 tương đương 1 ha thì nhu cầu nước sinh hoạt ước tính tối đa là $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước tưới cây, rửa đường cho Dự án: Ước tính lượng nước cấp cho hoạt động này khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{lần}$, hoạt động này sẽ do Chủ đầu tư thực hiện trong quá trình vận hành dự án (tần suất tưới cây, rửa đường trung bình 01 ngày/lần).

Nước dự trữ PCCC: Áp dụng QCVN 06:2021/BXD lưu lượng nước để chữa cháy bên ngoài nhà là 5l/s, số đám cháy áp dụng cho các công trình công nghiệp có diện tích nhỏ hơn 150 ha là 1 đám cháy, thời gian chữa cháy là 3h. Do đó, lượng nước dự trữ cho PCCC được tính cho 1 đám cháy là:

$$5\text{L/s}/1 \text{ đám cháy} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3\text{h} \times 3600\text{s} = 54.000\text{L} = 54 \text{ m}^3$$

Nguồn nước cấp: Được lấy từ đường ống cấp nước sạch của Khu công nghiệp Phố Nối A.

❖ *Nhu cầu sử dụng điện*

Nhu cầu sử dụng điện: Giai đoạn vận hành, có nhiều Doanh nghiệp hoạt động trong dự án. Mỗi ngành nghề sản xuất khác nhau thì quy trình khác nhau, vì thế mà nhu cầu sử dụng điện cũng khác nhau. Tham khảo nhu cầu sử dụng điện của một số dự án đa ngành hiện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, trong Khu công nghiệp Phố Nối A; định mức sử dụng điện là $1.500 \text{ kW/ha/ngày.đêm}$. Như vậy, với diện tích đất công nghiệp của dự án là 1 ha thì nhu cầu sử dụng điện của Dự án dự kiến khoảng $1.500 \text{ kWh/ngày.đêm}$.

Nguồn cấp điện: Nguồn điện khu vực Khu công nghiệp Phố Nối A: Từ trạm biến áp cung cấp điện cho toàn Khu công nghiệp Phố Nối A.

❖ *Các sản phẩm của dự án đầu tư*

Dự án không có hoạt động sản xuất sản phẩm mà chỉ có các nhà xưởng và văn phòng cho thuê.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của Dự án đầu tư:

a. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh:

Dự án chỉ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, khi đi vào hoạt động chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu vực nhà xưởng, nhà kho cho thuê của dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Khối lượng nước thải: Theo tính toán tại Mục 2, nhu cầu nước sinh hoạt trên toàn diện tích của dự án khoảng 30 m³/ngày.đêm. Ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa bằng 100% lượng nước sử dụng, như vậy theo dự báo lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động của dự án khoảng 30 m³/ngày.đêm.

b. Nguồn và lưu lượng khí thải dự kiến phát sinh:

Dự án không có hoạt động sản xuất nên không phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động này.

Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng và văn phòng: Các nhà đầu tư thứ cấp cho thuê nhà xưởng tại dự án sẽ tự chịu trách nhiệm về phát sinh và xử lý khí thải từ hoạt động của chính họ theo đúng pháp luật hiện hành.

c. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh:

- Dự án chỉ có hoạt động định kỳ khoảng 6 tháng 1 lần thu hút bùn từ bể tự hoại làm phát sinh chất thải sinh hoạt.

- Đối với các cơ sở đến thuê nhà xưởng, văn phòng tại dự án: Khối lượng và thành phần các loại chất thải phụ thuộc vào quy mô của các Doanh nghiệp. Các Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm thu gom, quản lý và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường.

d. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh:

- Dự án không có hoạt động làm phát sinh các chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Đối với các cơ sở đến thuê nhà xưởng, văn phòng tại dự án: Khối lượng và thành phần các loại chất thải công nghiệp thông thường phụ thuộc vào quy mô, công nghệ sản xuất của các Doanh nghiệp. Các Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh đảm bảo yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường.

e. Loại và khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh:

- Tương tự với chất thải rắn công nghiệp thông thường, dự án không có hoạt động làm phát sinh chất thải nguy hại;

- Đối với các cơ sở đến thuê nhà xưởng, văn phòng tại dự án: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của các đơn vị này, khối lượng và thành phần khác nhau tùy vào dây chuyền sản xuất của mỗi đơn vị. Các đơn vị tự chịu trách nhiệm thu gom, quản lý và xử lý đạt yêu cầu theo các quy định về môi trường.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của Dự án:

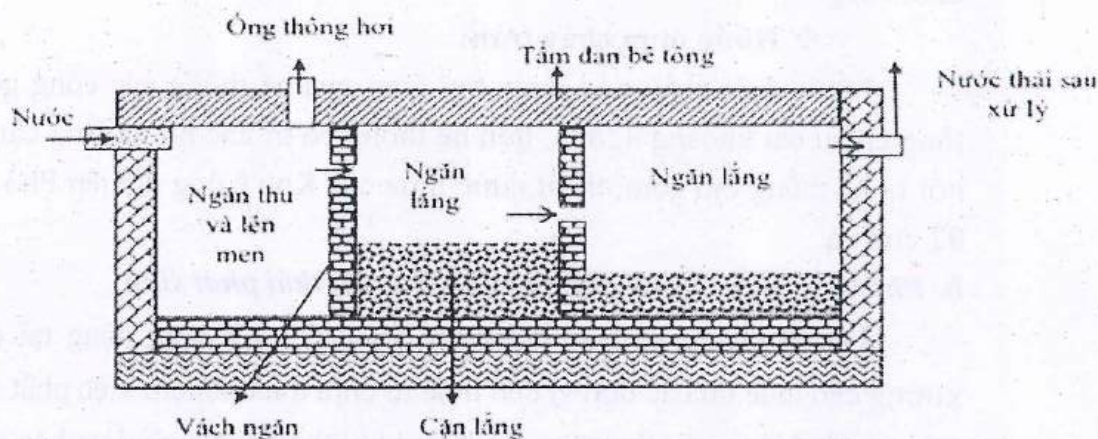
a. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng:

Chủ dự án đã xây dựng 02 bể tự hoại với thể tích 25m^3 để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà xưởng và văn phòng cho thuê.

- Cụ thể biện pháp, công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án như sau:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được phân loại tại nguồn và có biện pháp xử lý bằng bể tự hoại đặt ngầm dưới các khu nhà vệ sinh, sau đó, toàn bộ nước thải sau xử lý được thu gom theo đường ống nhựa PVC dài khoảng 150m về hố ga thoát nước thải của Công ty đầu nối với hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu công nghiệp Phố Nối A.

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại dự án như sau:



Hình 1. Cấu tạo bể tự hoại

Bể tự hoại được chia làm 3 ngăn:

- + Ngăn 1: Điều hòa, lắng
- + Ngăn 2: Lắng, phân hủy sinh học
- + Ngăn 3: Lắng, chảy tràn

- Công nghệ xử lý bể tự hoại: Nước thải được đưa vào ngăn đầu của bể, có vai trò làm ngăn lắng, lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ có các vách ngăn hướng dòng ở những ngăn tiếp theo, nước thải được chuyển động theo hướng từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ các vách ngăn này, công trình trở thành

một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp. Cơ chế tạo dòng chảy hướng lên của bể tự hoại 3 ngăn bảo đảm hiệu suất sử dụng thể tích tối đa, và sự tiếp xúc trực tiếp của dòng nước thải hướng lên và lớp bùn đáy bể - nơi chứa quần thể các vi khuẩn kỵ khí, cho phép xử lý nước thải với hiệu quả cao.

Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại được dẫn theo hệ thống đường ống PVC tới hố ga (kích thước 1mx1mx1m) để đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Phố Nối A tại 01 cửa xả nước thải có vị trí cách hàng rào Công ty U Win Việt Nam là 10,9 m (Theo Biên bản thỏa thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Phố Nối A ký giữa Công ty Quản lý khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A và Công ty TNHH Giấy Tiến Thành).

Sau đó, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phố Nối A để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng.

❖ Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn được thu gom qua hệ thống các công gom bê tông, tổng chiều dài khoảng 426 m, trên hệ thống bố trí các hố ga lắng cặn sau đó đấu nối ra hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu Công nghiệp Phố Nối A bằng 02 cửa xả.

b. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh

Dự án không có hoạt động sản xuất, đối với hoạt động tại các khu nhà xưởng cho thuê thì các đơn vị đến thuê tự chịu trách nhiệm việc phát sinh bụi, khí thải và các biện pháp thu gom, xử lý bụi khí thải phát sinh đảm bảo yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Chủ dự án yêu cầu các doanh nghiệp thuê nhà xưởng tại dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí như đã cam kết trong các hồ sơ môi trường được phê duyệt. Các doanh nghiệp phải xây dựng hoặc lắp đặt các hệ thống xử lý bụi và khí thải (nếu phát sinh) và đảm bảo khí thải ra môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

c. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh

- Để giảm thiểu tác động do rác thải sinh hoạt, Công ty áp dụng các biện pháp như sau: Toàn bộ bùn thải từ bể tự hoại sẽ được Công ty ký hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có đầy đủ chức năng theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt của các đơn vị đến thuê nhà xưởng, văn phòng sẽ

môi trường sẽ thực hiện trong quá trình hoạt động của dự án như sau:

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trên;
- Công ty TNHH Giấy Tiến Thành cam kết thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh bằng các bể tự hoại đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Phố Nối A.
- Công ty TNHH Giấy Tiến Thành cam kết không xả nước thải sau xử lý ra ngoài môi trường ở bất kỳ một điểm xả nào khác ngoài điểm đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phố Nối A.
- Công ty TNHH Giấy Tiến Thành cam kết chất thải rắn phát sinh được thu gom và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường.
- Công ty TNHH Giấy Tiến Thành cam kết trong trường hợp xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến hoạt động của dự án (sự cố đối với các bể xử lý nước thải sinh hoạt), căn cứ theo mức độ xảy ra sự cố mà Công ty sẽ có những hành động phù hợp. Trong trường hợp sự cố lớn, phức tạp, ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe công nhân và khu vực xung quanh thì sẽ tạm dừng hoạt động, phối hợp với các cơ quan có chức năng để khắc phục sự cố, trước khi đưa các bể xử lý nước thải sinh hoạt hoạt động trở lại.
- Công ty TNHH Giấy Tiến Thành cam kết nếu đề xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, chúng tôi sẽ tuân thủ quyết định của cơ quan quản lý và chịu toàn bộ chi phí cho hoạt động xử lý khắc phục vi phạm cho tới khi kết quả khắc phục đạt được yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Như Quỳnh tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng cho thuê./.

Nơi nhận:

- Như: Kinh gửi;
- Lưu: Cty.

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



BẢN VẼ THIẾT KẾ QUY HOẠCH TỔNG THỂ

DỰ ÁN : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM : ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH : CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ QUY HOẠCH : BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HƯNG YÊN



BẢN VẼ THIẾT KẾ QUY HOẠCH TỔNG THỂ

DỰ ÁN : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM : ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỔI A, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH : CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ QUY HOẠCH : BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ QUY HOẠCH :

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN
TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH :

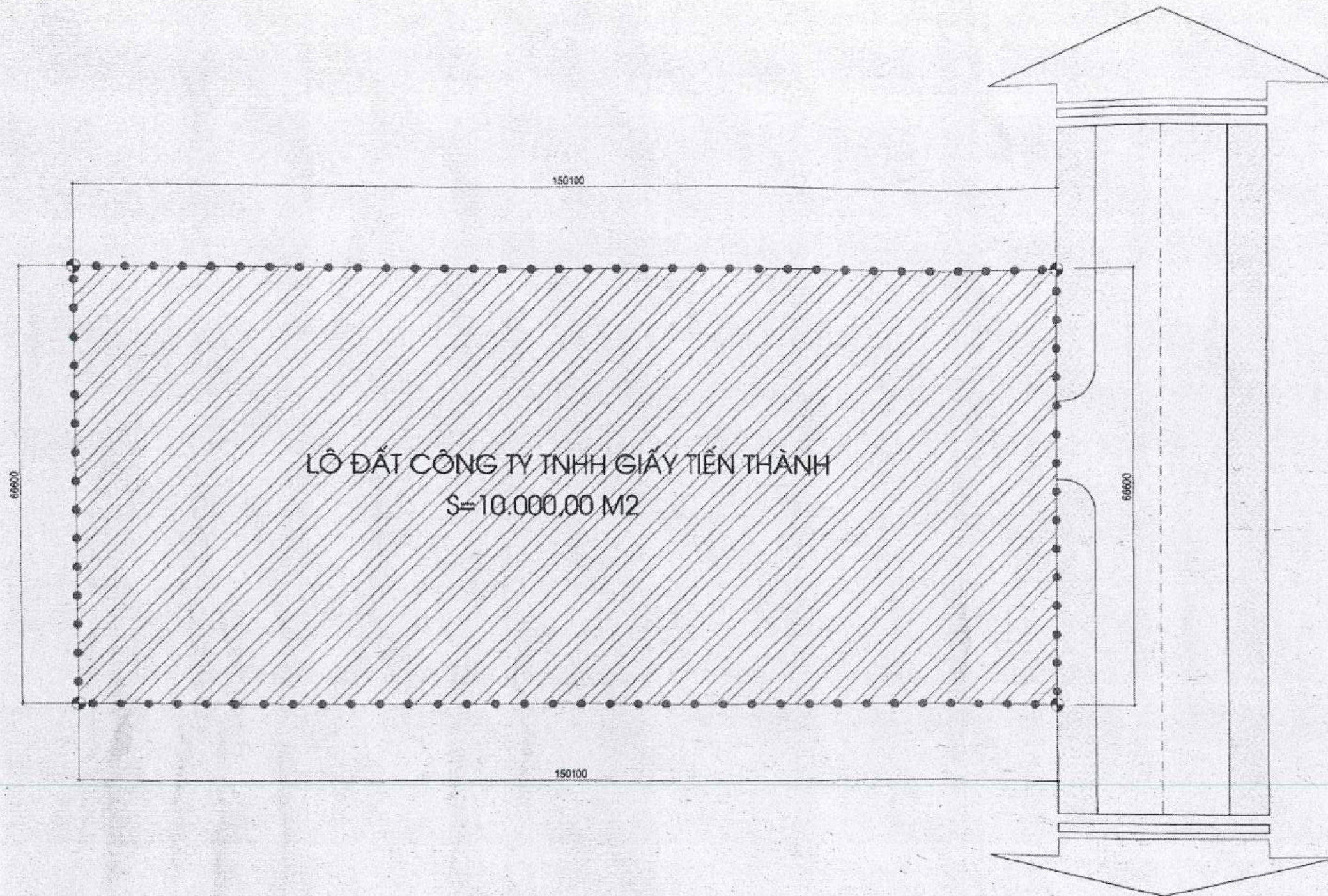
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC
VÀ XÂY DỰNG H2H



CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC
Nguyễn Nam Long

BẢN VẼ ĐỊNH VỊ LÔ ĐẤT

DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



1cm
5m 10m 25m 50m
1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 5M TRÊN THỰC ĐỊA

KÝ HIỆU:

- | | | | |
|--|------------------------|--|----------------------------|
| | CÔNG TRÌNH | | RANH GIỚI DỰ ÁN |
| | ĐẤT CÂY XANH - THÂM CỎ | | CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ |
| | ĐƯỜNG GIAO THÔNG | | CHỈ GIỚI XÂY DỰNG |
| | TRAM ĐIỆN | | ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỮA CHÁY |
| | MỐC TỌA ĐỘ | | |
| | SỐ TẦNG CAO | | |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH HƯNG YÊN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐUY THẮNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN
PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG,
HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ ĐỊNH VỊ LÔ ĐẤT

BẢN VẼ: QH-001	GHÉP: 1/A2	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	CÔNG TY CP KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H		

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG

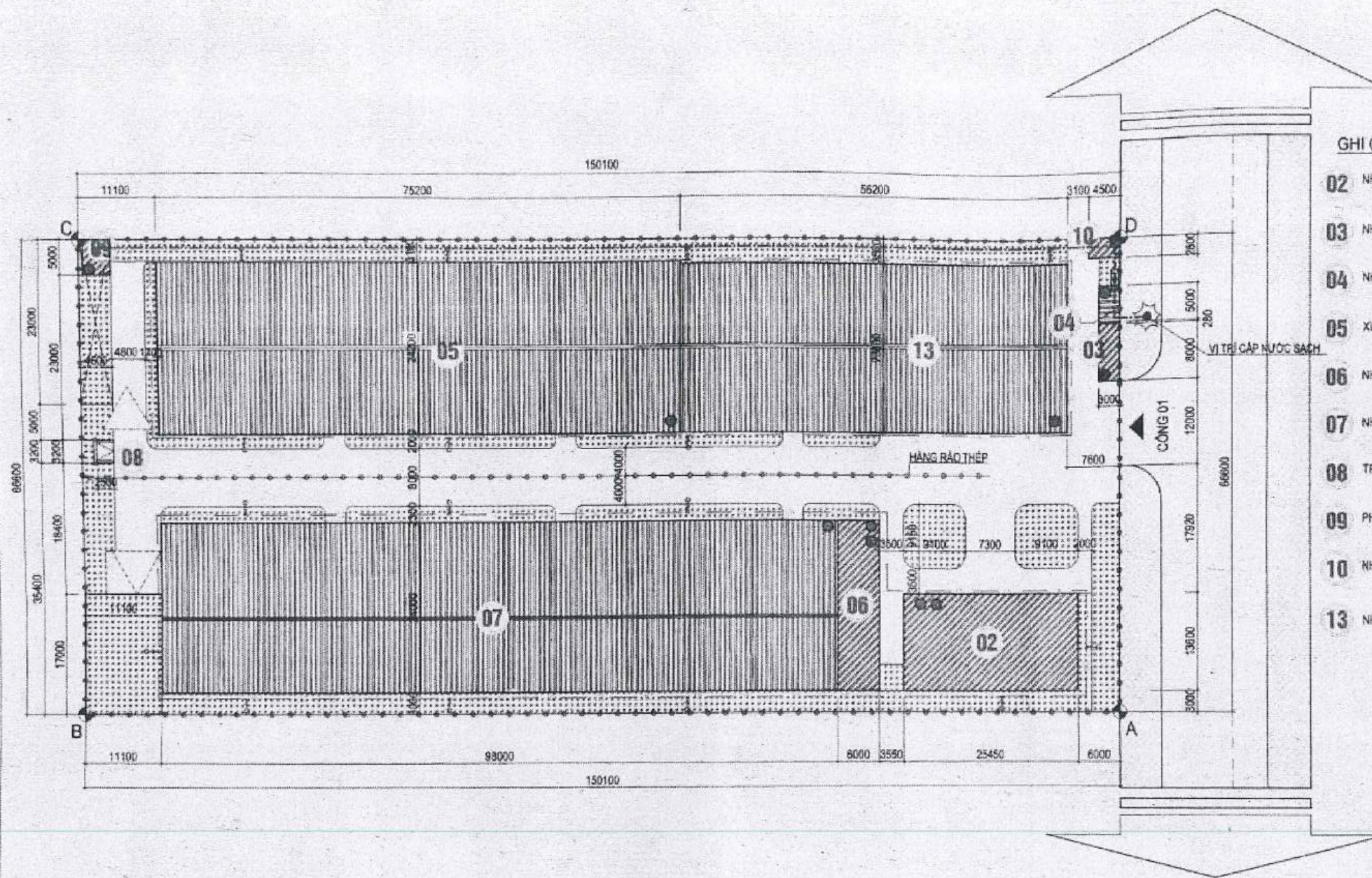


CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TỔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THỌ

BẢN VẼ ĐIỀU CHỈNH MẶT BẰNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT

DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



GHI CHÚ

- 02 NHÀ VĂN PHÒNG (MỞ RỘNG)
- 03 NHÀ BẢO VỆ (XÂY MỚI)
- 04 NHÀ RÁC 01 (XÂY MỚI)
- 05 XƯỞNG SẢN XUẤT 01
- 06 NHÀ ĐIỀU HÀNH
- 07 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 02
- 08 TRẠM ĐIỆN KIOSK
- 09 PHÒNG BƠM - BỂ NGÂM (XÂY MỚI)
- 10 NHÀ RÁC 02 (XÂY MỚI)
- 13 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 03

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- BÁT CÂY XANH - THÂM CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- TRẠM ĐIỆN
- MỐC TỌA ĐỘ
- SỎ TĂNG CAO
- ĐƯỜNG ống cấp nước
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỮA CHÁY
- HỒ GA

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH HƯNG YÊN

T. TRƯỞNG BAN

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

PHẠM XUÂN KHOA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

GIÁM ĐỐC NGUYỄN ĐUY THẠNH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ ĐIỀU CHỈNH MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

BẢN VẼ: QH-004

GHÉP: 1/A2

TỶ LỆ: 1/500

NGÀY: .../.../2025

THIẾT KẾ: KS. PHÙNG VIỆT CƯỜNG

CHỦ TRÌ: KS. PHÙNG VIỆT CƯỜNG

CHỦ NHIỆM: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

TRƯỞNG PHÒNG: KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

QL. KỸ THUẬT: KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

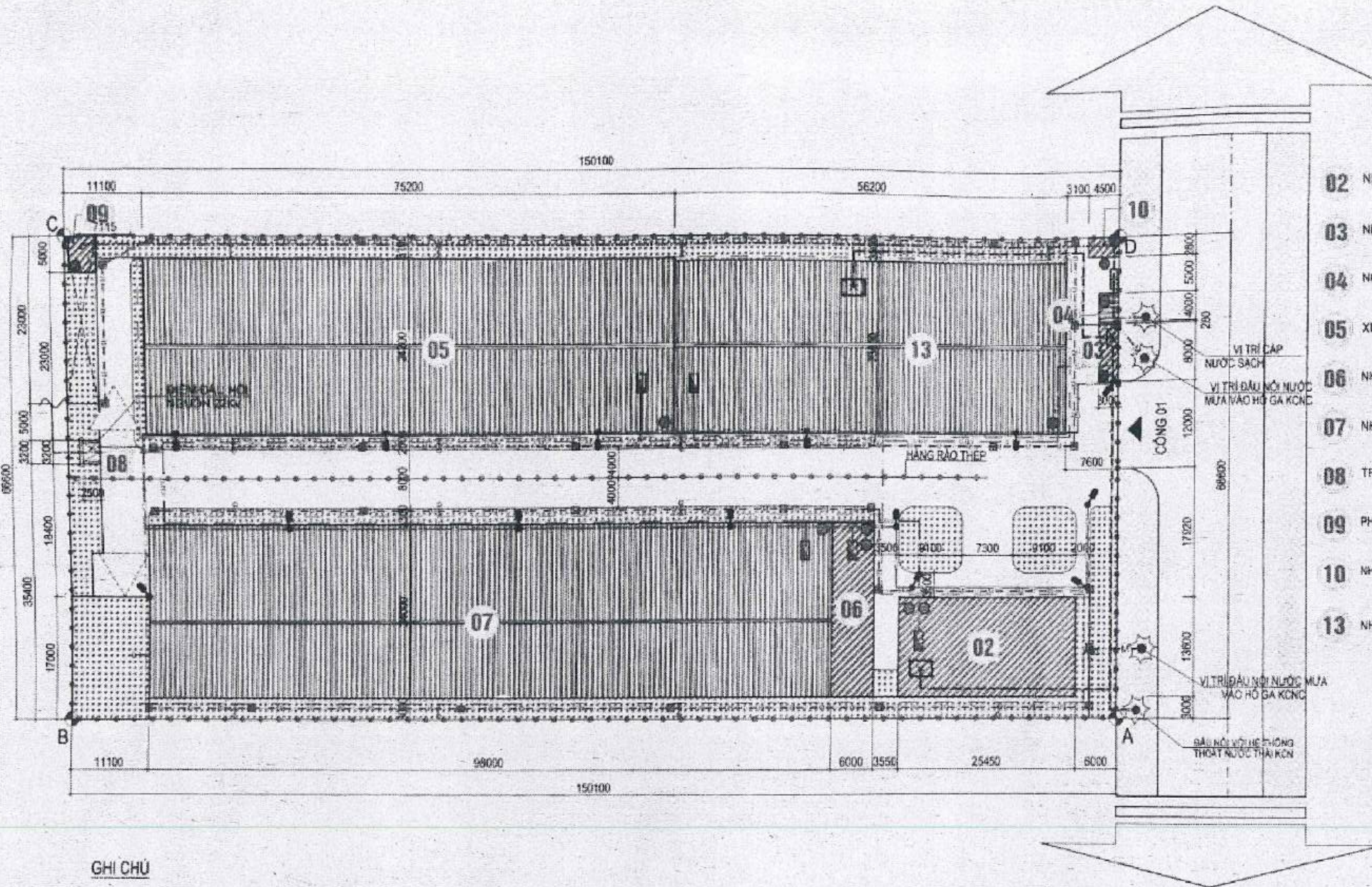
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TỔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THỌ

MẶT BẰNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM ĐẦU NỐI ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG

DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỔI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



GHI CHÚ

- 02 NHÀ VĂN PHÒNG (MỞ RỘNG)
- 03 NHÀ BẢO VỆ (XÂY MỚI)
- 04 NHÀ RÁC 01 (XÂY MỚI)
- 05 XƯỞNG SẢN XUẤT 01
- 06 NHÀ ĐIỀU HÀNH
- 07 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 02
- 08 TRẠM ĐIỆN KIOSK
- 09 PHÒNG BƠM + BỂ NGÂM (XÂY MỚI)
- 10 NHÀ RÁC 02 (XÂY MỚI)
- 13 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 03



1cm
5m 10m 25m 50m
1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 5M TRÊN THỰC ĐỊA

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- ĐẤT CÂY XANH - THÂM CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- TRẠM ĐIỆN
- MỐC TỌA ĐỘ
- SỐ TẦNG CAO
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỨA CHÁY

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH HƯNG YÊN

THỦ LƯU BAN

THƯỜNG PHONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

(Signature)

PHẠM XUÂN KHOA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 321/QĐ-UBND, NGÀY: 22/01/2025

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐUY THẠNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỔI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG

BẢN VẼ: QH-005 GHEP: 1/A2 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: .../.../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

CHỦ TRÌ: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

CHỦ NHIỆM: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

TRƯỞNG PHÒNG: KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

QL KỸ THUẬT: KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TỔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THO

LIÊN LỤC PHỒN

LIÊN LỤC PHỒN

GHI CHÚ

- — — — — CÔNG NGẮM THOÁT NƯỚC THẢI
- — — — — CÔNG NGẮM THOÁT NƯỚC MƯA
- — — — — ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
- TUYẾN ĐIỆN CHIẾU SÁNG: CU/XLPE/PVC 3.5MM 2-3C, LƯƠN TRONG ỐNG NHỰA XOĂN D30 ĐI NGẦM
- TUYẾN CÁP CAO THÉ (CU/XLPE/DSTA/PVC 70MM 2-3C BÉN TRONG ỐNG NGẦM FEP D125 (ĐỘ SÂU -1000MM)



TỦ ĐIỆN



HỒ GA



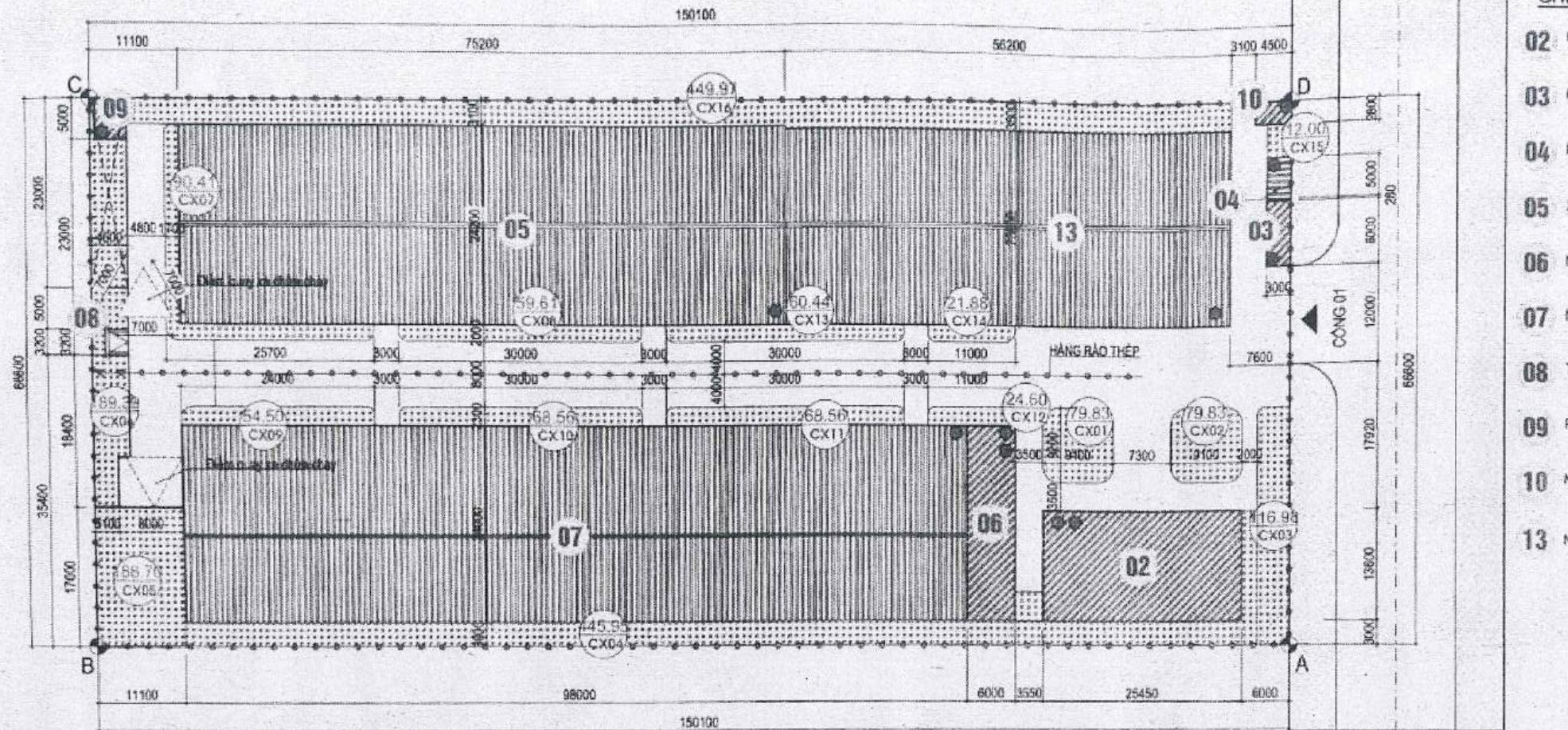
TRẠM HẠ THÉ 220KV DỰ KIẾN



ĐÈN LED NGOÀI NHÀ 250W

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐIỀU CHỈNH

DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



GHI CHÚ

- 02 NHÀ VĂN PHÒNG (MỞ RỘNG)
- 03 NHÀ BẢO VỆ (XÂY MỚI)
- 04 NHÀ RÁC 01 (XÂY MỚI)
- 05 XƯỞNG SẢN XUẤT 01
- 06 NHÀ ĐIỀU HÀNH
- 07 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 02
- 08 TRẠM ĐIỆN KIOSK
- 09 PHÒNG BƠM + BẾ NGÂM (XÂY MỚI)
- 10 NHÀ RÁC 02 (XÂY MỚI)
- 13 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 03



1cm
5m 10m 25m 50m
1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 5M TRÊN THỰC ĐỊA

KÝ HIỆU

- CÔNG TRÌNH
- ĐẤT CÂY XANH - THÂM CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- TRẠM ĐIỆN
- MỐC TỌA ĐỘ
- SỐ TẦNG CAO
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỨA CHÁY

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH HƯNG YÊN

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

PHẠM XUÂN KHOA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN DUY THẮNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐIỀU CHỈNH

BẢN VẼ: QH-003 GHEP: 1/A2 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: .../.../2025

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

CHỦ TRÌ: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

CHỦ NHIỆM: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

TRƯỞNG PHÒNG: KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

QL KỸ THUẬT: KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG

ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TÔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THỌ

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TẦNG CAO (tầng)	DIỆN TÍCH SẢN (m ²)	GHI CHÚ
I	Công trình tính mật độ xây dựng thuần		6.000,00		6.490,00	
1	Nhà văn phòng	02	346,00	2	692,00	Cải tạo
2	Xưởng sản xuất 01	05	1.820,00	1	1.820,00	Hiện trạng
3	Nhà điều hành	06	144,00	2	288,00	Hiện trạng
4	Xưởng sản xuất 02	07	2.352,00	1	2.352,00	Hiện trạng
5	Nhà xưởng sản xuất 03	13	1.338,00	1	1.338,00	Hiện trạng
II	Công trình không tính mật độ xây dựng thuần		68,60		68,60	
1	Nhà bảo vệ	03	24,00	1	24,00	Xây mới
2	Nhà rác 01	04	12,00	1	12,00	Xây mới
3	Nhà rác 02	10	12,60	1	12,60	Xây mới
4	Trạm điện kiosk	08	-	1	-	Hiện trạng
5	Phòng bơm + bể ngầm	09	20,00	1	20,00	Xây mới

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH - BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

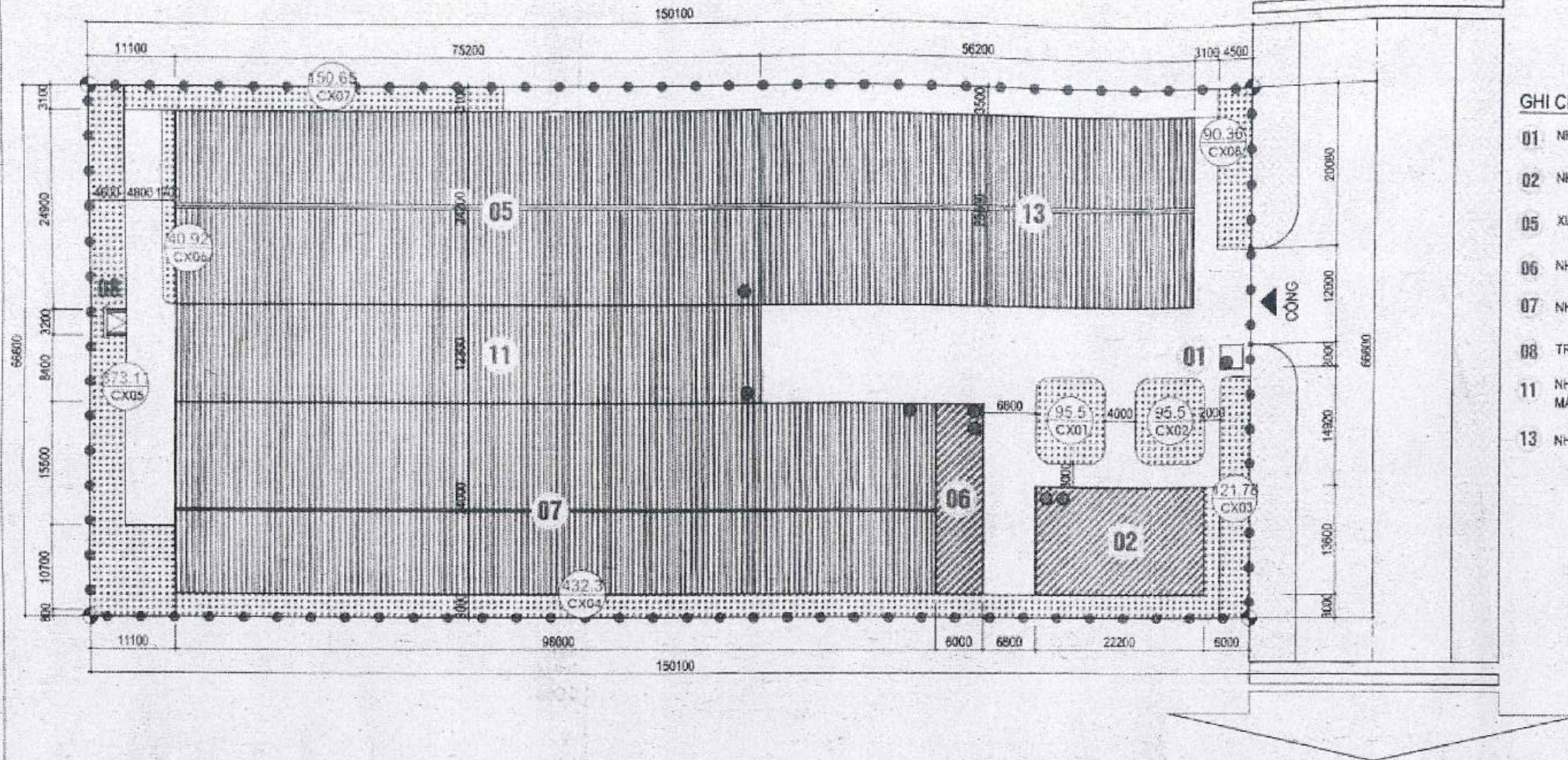
Số TT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	Đất xây dựng công trình chính	6.000,00	60,00%
II	Đất công trình HTKT, Nhà bảo vệ	68,60	0,69%
III	Đất cây xanh	2.011,21	20,11%
IV	Đất sân đường nội bộ	1.988,79	19,89%
A	Tổng diện tích khu đất	10.000,00	100,00%

BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH

Số TT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH CÂY XANH (m ²)	GHI CHÚ
II	Diện tích cây xanh	2.011,21	
1	CX1	79,83	
2	CX2	79,83	
3	CX3	116,98	
4	CX4	445,95	
5	CX5	188,70	
6	CX6	180,39	
7	CX7	90,41	
8	CX8	59,61	
9	CX9	54,50	
10	CX10	68,56	
11	CX11	68,56	
12	CX12	24,60	
13	CX13	60,44	
14	CX14	21,88	
15	CX15	12,00	
16	CX16	449,97	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THEO HỒ SƠ CẤP PHÉP XÂY DỰNG

DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



GHI CHÚ

- 01 NHÀ BẢO VỆ
- 02 NHÀ VĂN PHÒNG
- 05 XƯỞNG SẢN XUẤT 01
- 06 NHÀ ĐIỀU HÀNH
- 07 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 02
- 08 TRẠM ĐIỆN KIOSK
- 11 NHÀ BẢO VỆ Mái vòm che mưa 01
- 13 NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 03

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- ĐẤT CÂY XANH - THÂM CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- TRẠM ĐIỆN
- MỐC TỌA ĐỘ
- SỐ TẦNG CAO
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐO
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỖA CHẠY

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH HƯNG YÊN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN THÀNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG
HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ HIỆN TRẠNG

BẢN VẼ: QH-002 GHÉP: 1/A2 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: .../.../2025

THIẾT KẾ KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

CHỦ TRÌ KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

CHỦ NHIỆM KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

TRƯỞNG PHÒNG KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

QL KỸ THUẬT KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐỊA CHỈ SỐ 2, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TÔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THO

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TẦNG CAO (tầng)	DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	GHI CHÚ
I	Công trình tính mật độ xây dựng thuần		5.956,00		6.402,00	
1	Nhà văn phòng	02	302,00	2	604,00	Cải tạo
2	Xưởng sản xuất 01	05	1.820,00	1	1.820,00	
3	Nhà điều hành	06	144,00	2	288,00	
4	Xưởng sản xuất 02	07	2.352,00	1	2.352,00	
5	Nhà xưởng sản xuất 03	13	1.338,00	1	1.338,00	
II	Công trình không tính mật độ xây dựng thuần		941,00		941,00	
1	Nhà bảo vệ	01	9,00	1	9,00	Phá dỡ
2	Trạm điện Kiosk	08	7,00	1	7,00	
3	Mái vòm che mưa 01	11	925,00	1	925,00	Phá dỡ

HIỆN TRẠNG QUY HOẠCH - BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

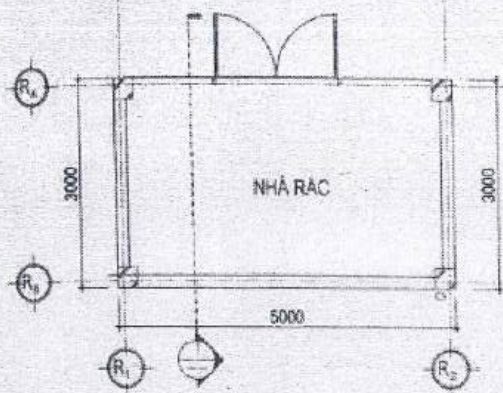
Số TT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỈ LỆ (%)
I	Đất xây dựng công trình chính	5.956,00	59,56%
II	Đất công trình HTKT, Nhà bảo vệ	941,00	9,41%
III	Đất cây xanh	1.400,12	14,00%
IV	Đất sân đường nội bộ	2.643,88	26,44%
Tổng diện tích khu đất		10.000,00	100,00%

BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH

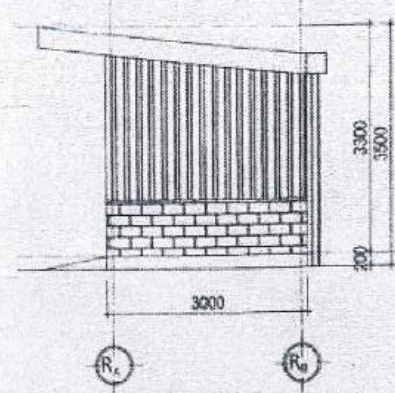
Số TT	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH CÂY XANH (m ²)	GHI CHÚ
II	Diện tích cây xanh	1.400,12	
1	CX1	95,50	
2	CX2	95,50	
3	CX3	121,78	
4	CX4	432,30	
5	CX5	373,11	
6	CX6	40,92	
7	CX7	150,65	
8	CX8	90,36	

BẢN VẼ KIẾN TRÚC NHÀ RÁC, PHÒNG BƠM

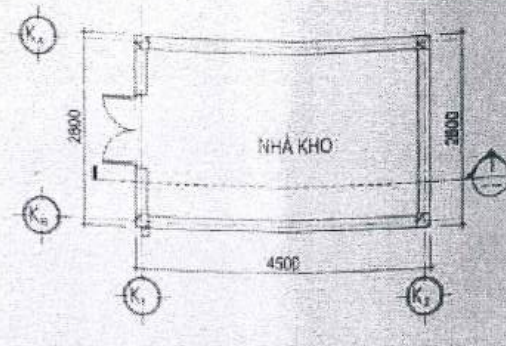
DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



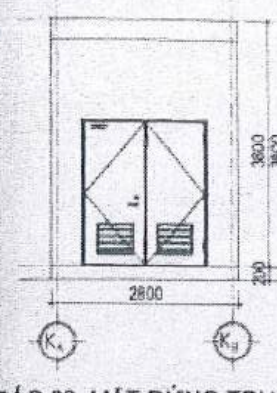
MẶT BẰNG NHÀ RÁC 01



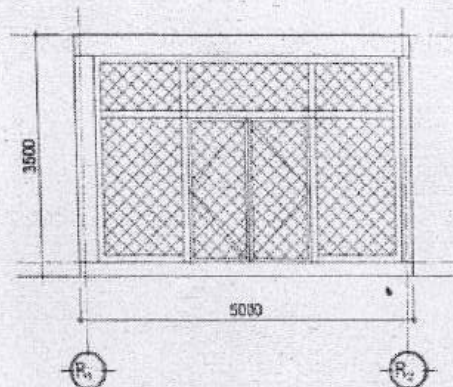
NHÀ RÁC 01: MẶT ĐỨNG TRỰC R₁ - R₂



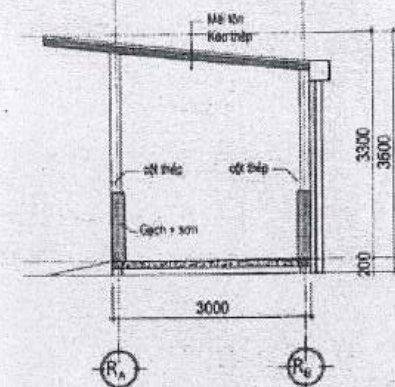
MẶT BẰNG NHÀ RÁC 02



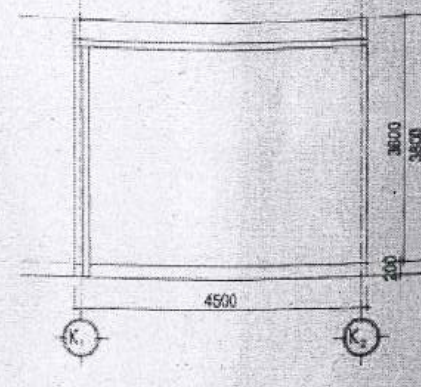
NHÀ RÁC 02: MẶT ĐỨNG TRỰC K₁ - K₂



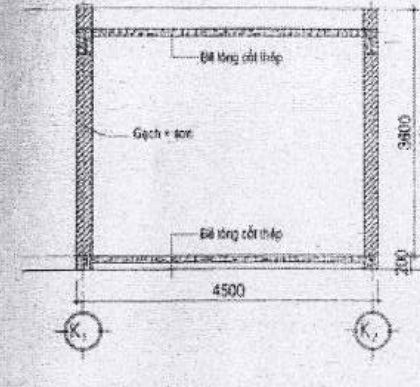
NHÀ RÁC 01: MẶT ĐỨNG TRỰC R₁ - R₂



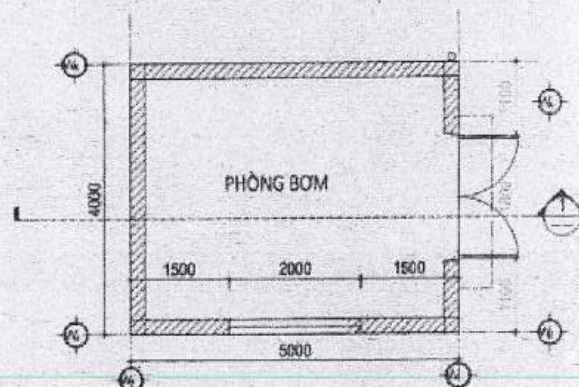
NHÀ RÁC 01: MẶT CẮT 1-1



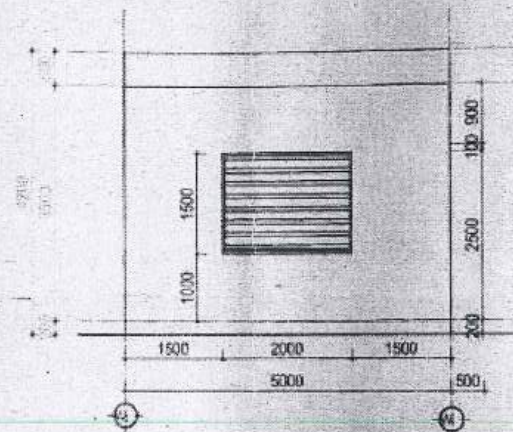
NHÀ RÁC 02: MẶT ĐỨNG TRỰC K₁ - K₂



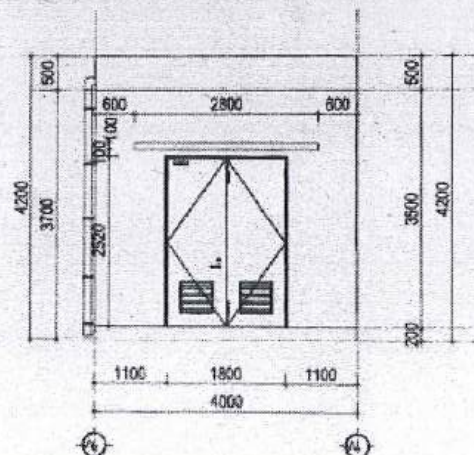
NHÀ RÁC 02: MẶT CẮT 1-1



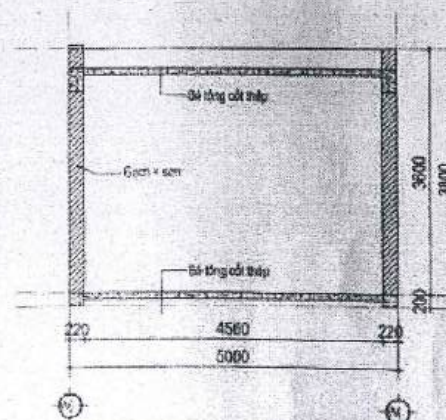
MẶT BẰNG PHÒNG BƠM



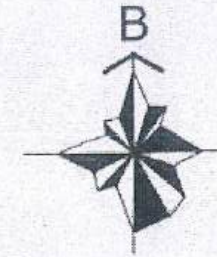
PHÒNG BƠM: MẶT ĐỨNG TRỰC W₁ - W₂



PHÒNG BƠM: MẶT ĐỨNG TRỰC W₃ - W₄



PHÒNG BƠM: MẶT CẮT 1-1



1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 5M TRÊN THỰC ĐỊA

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- ĐẤT CÂY XANH - THÂM CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- TRẠM ĐIỆN
- MỐC TỌA ĐỘ
- SỐ TẦNG CAO
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỨA CHÁY

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH HƯNG YÊN
THƯỜNG PHONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

PHẠM XUÂN KHOA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 35/2025/QĐ-UBND, NGÀY: 28 THÁNG 6, NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN DUY THÀNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

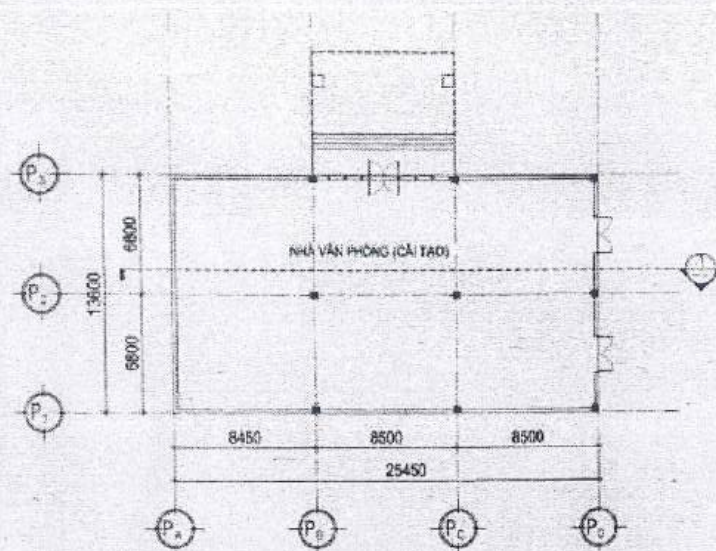
TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ KIẾN TRÚC NHÀ RÁC, PHÒNG BƠM

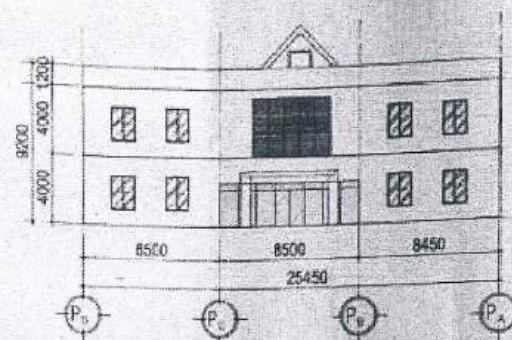
BẢN VẼ: QH-006	GHÉP: 1/A2	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ	KTS. ĐO KIM CƯỜNG		
CHỦ TRÌ	KTS. ĐO KIM CƯỜNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG		
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	CƠ SỞ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H		
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG			

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H
ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TỔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THO

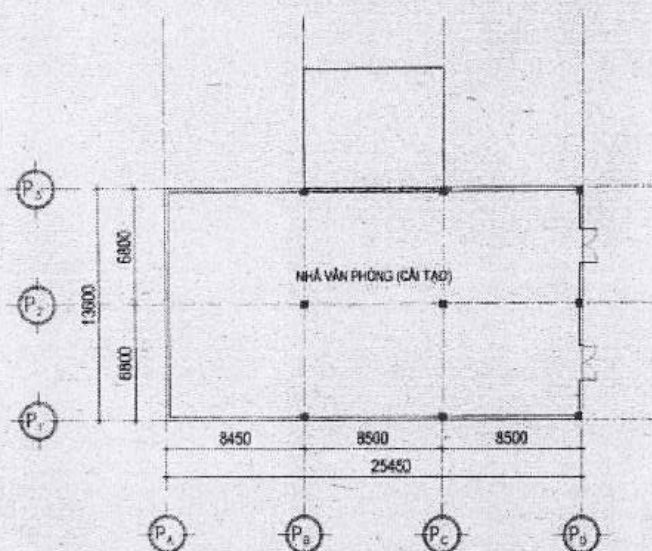
BẢN VẼ KIẾN TRÚC NHÀ VĂN PHÒNG
 DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
 ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



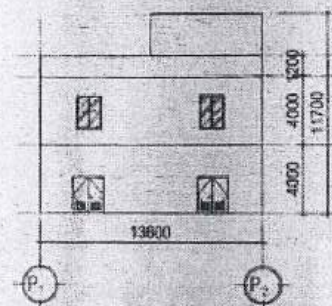
MẶT BẰNG NHÀ VĂN PHÒNG TẦNG 1



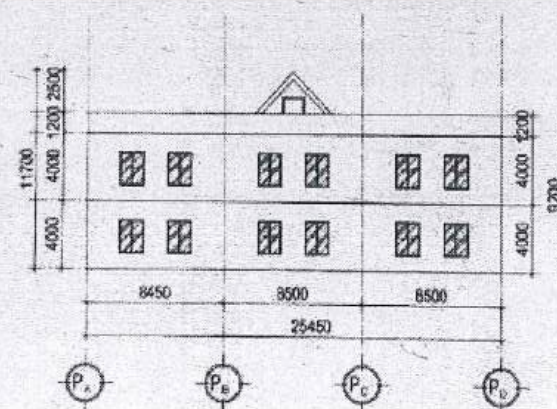
NHÀ VĂN PHÒNG: MẶT ĐỨNG TRỤC P_E - P_A



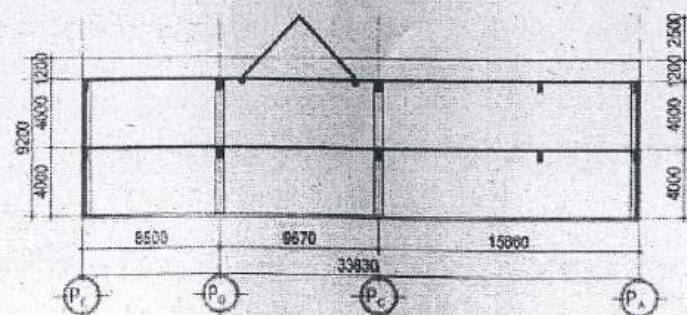
MẶT BẰNG NHÀ VĂN PHÒNG TẦNG 2



NHÀ VĂN PHÒNG: MẶT ĐỨNG TRỤC P_E - P_A



NHÀ VĂN PHÒNG: MẶT ĐỨNG TRỤC P_A - P_E



NHÀ VĂN PHÒNG: MẶT CẮT 1-1



1cm
5m 10m 25m 50m
1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 5M TRÊN THỰC ĐỊA

KÝ HIỆU:

- | | | | |
|--|------------------------|--|----------------------------|
| | CÔNG TRÌNH | | RANH GIỚI DỰ ÁN |
| | ĐẤT CÂY XANH - THẨM CỎ | | CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐÓ |
| | ĐƯỜNG GIAO THÔNG | | CHỈ GIỚI XÂY DỰNG |
| | TRẠM ĐIỆN | | ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỮA CHÁY |
| | MỐC TỌA ĐỘ | | |
| | SỐ TẦNG CAO | | |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH HƯNG YÊN

TL. TRƯỞNG BAN
 TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 3/PHAM XUAN KHUON THANG...S. NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GIẤY TIẾN THÀNH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUY THẮNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ... NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG
 HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ KIẾN TRÚC NHÀ VĂN PHÒNG

BẢN VẼ: QH-007	GHÉP: 1/A2	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ	KTS. ĐO KIM CƯƠNG		<i>Đo Kim Cường</i>
CHỦ TRÌ	KTS. ĐO KIM CƯƠNG		<i>Đo Kim Cường</i>
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG		<i>Nguyễn Quốc Trung</i>
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG		<i>Nguyễn Việt Dũng</i>
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN VIỆT DŨNG		<i>Nguyễn Việt Dũng</i>

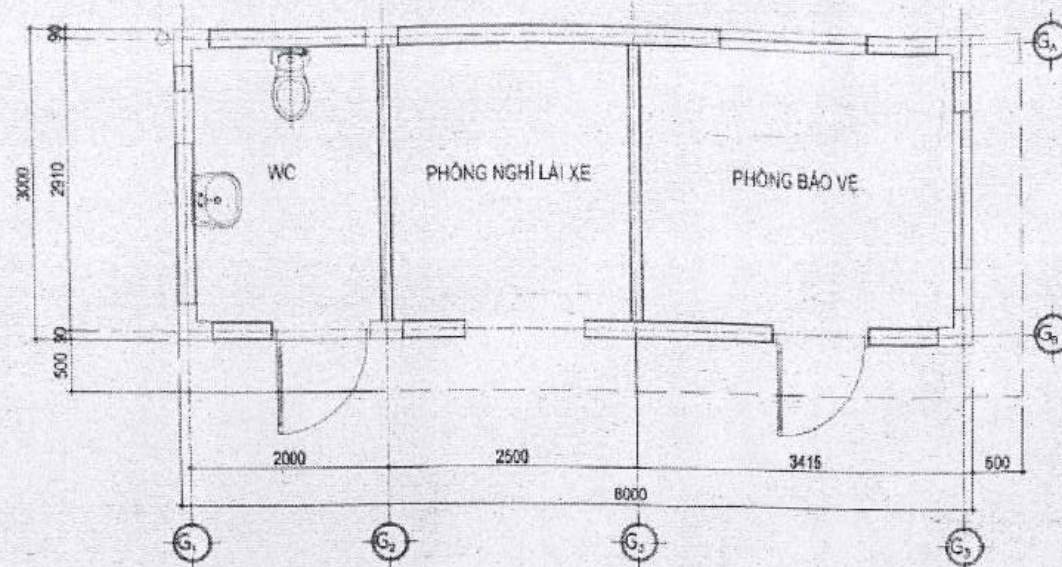
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM L...

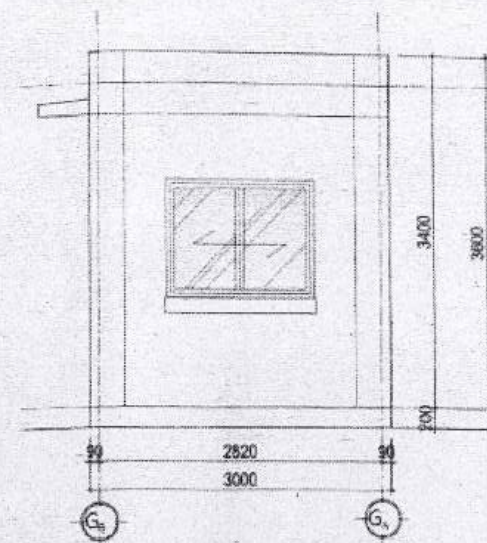
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H
 ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHỦ, TỔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THO

BẢN VẼ KIẾN TRÚC NHÀ BẢO VỆ

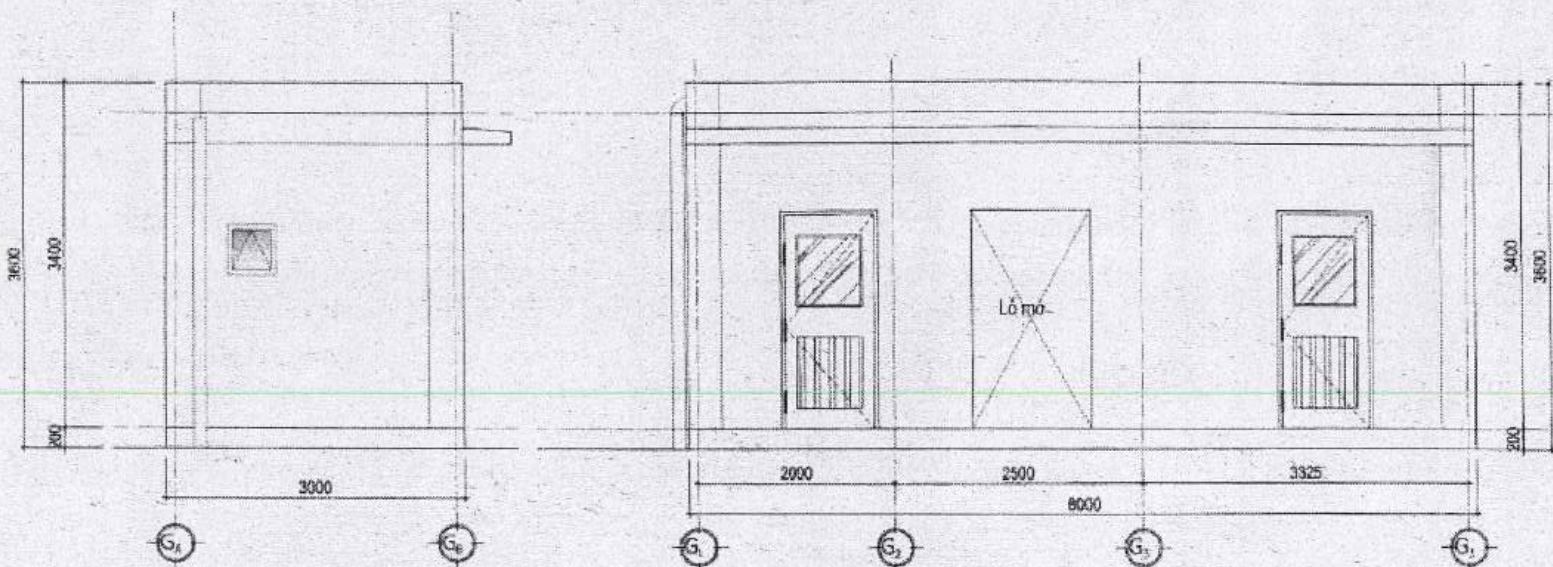
DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ
ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN



MẶT BẰNG NHÀ BẢO VỆ

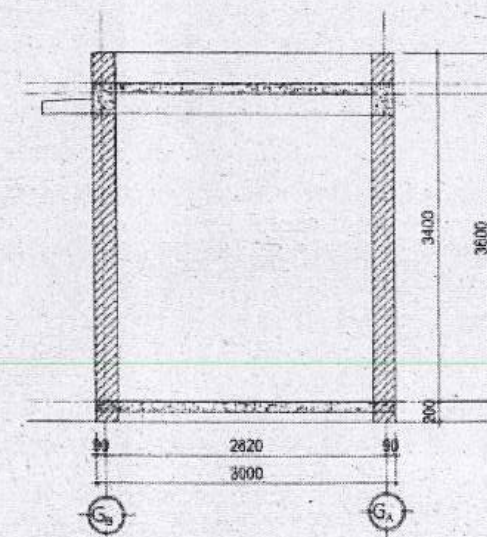


NHÀ BẢO VỆ: MẶT ĐỪNG TRỤC $G_B - G_A$



NHÀ BẢO VỆ: MẶT ĐỪNG TRỤC $G_A - G_B$

NHÀ BẢO VỆ: MẶT ĐỪNG TRỤC $G_1 - G_3$



NHÀ BẢO VỆ: MẶT CẮT 1-1



1cm
5m 10m 25m 50m

1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 5M TRÊN THỰC ĐỊA

KÝ HIỆU:

- CÔNG TRÌNH
- ĐẤT CÂY XANH - THÂM CỎ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- TRẠM ĐIỆN
- MỐC TỌA ĐỘ
- SỐ TẦNG CAO
- RANH GIỚI DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐIỂM QUAY ĐẦU XE CHỮA CHÁY

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

TỈNH HƯNG YÊN

TRƯỞNG BAN

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

PHẠM XUÂN KHOA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 30/2025 NGÀY: 10/10/2025 THÁNG: 10 NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GIẤY TIỀN THÀNH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN DUY THÀNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 30/2025 NGÀY: 10/10/2025 THÁNG: 10 NĂM 2025

DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG CHO THUÊ

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG D3, KHU D, KCN PHỐ NỘI A, XÃ LẠC HỒNG, HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ KIẾN TRÚC NHÀ BẢO VỆ

BẢN VẼ: QH-008 GHÉP: 1/A2 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: 10/10/2025

THIẾT KẾ: KTS. ĐO KIM CƯƠNG

CHỦ TRÌ: KTS. ĐO KIM CƯƠNG

CHỦ NHIỆM: KTS. NGUYỄN QUỐC TRUNG

TRƯỞNG PHÒNG: KTS. NGUYỄN VIỆT ĐÔNG

QL. KỸ THUẬT: KTS. NGUYỄN VIỆT ĐÔNG

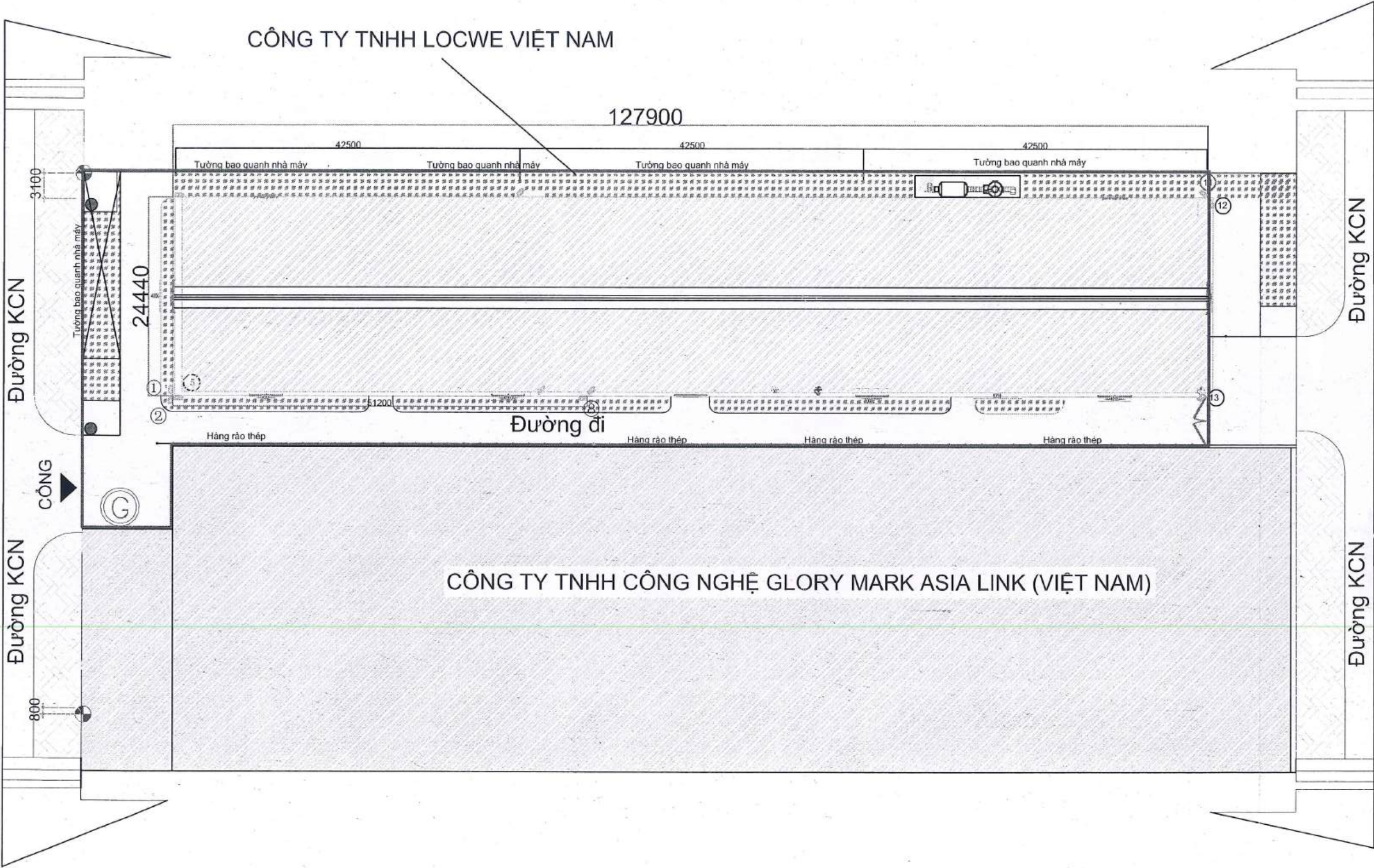
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CP KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG H2H

ĐỊA CHỈ: SỐ 7, ĐƯỜNG TIỀN PHÚ, TỔ 45, PHƯỜNG TIỀN CÁT, TP. VIỆT TRÍ, TỈNH PHÚ THO

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ NHÀ XƯỞNG



SỬA ĐỔI			
LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THUẬN APPROVED

Công trình:

Địa điểm:

Chủ đầu tư:

Nhà thầu thiết kế, thi công:

Giám đốc:

CHỨC NHIỆM		
KIỂM TRA		
VỀ		

HẠNG MỤC:

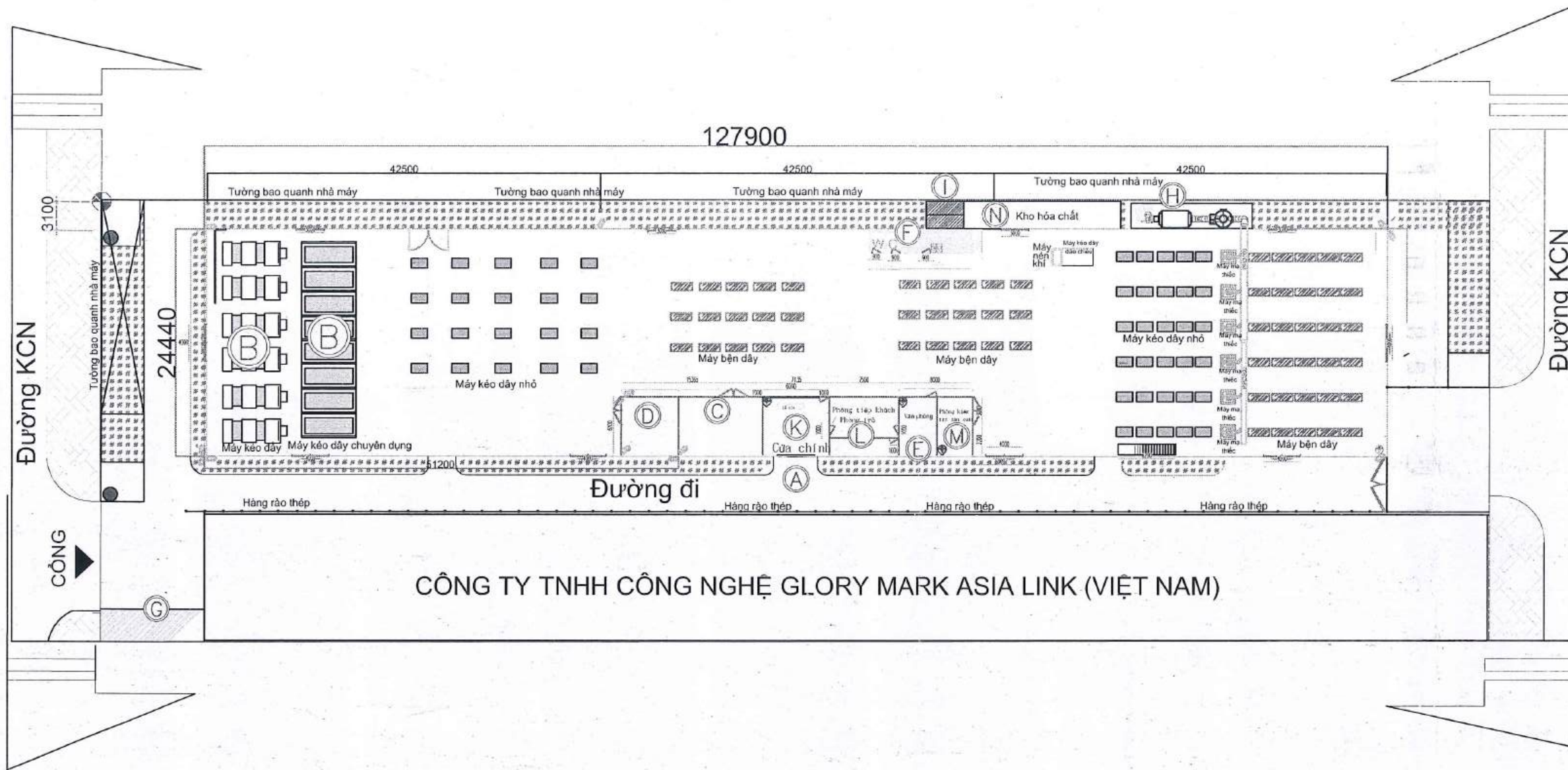
MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ NHÀ XƯỞNG

GIẢI ĐOẠN	THIẾT KẾ
NGÀY	.../.../2026
KÝ HIỆU BV	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC



GHI CHU

- | | | | |
|---|--|---|--|
|  Cửa chính |  Kho nguyên vật liệu
41m ² |  Nhà bảo vệ
20m ² |  Phòng lễ tân
36m ² |
|  Khu vực thiết bị sản xuất
2800m ² |  Văn phòng
25,5m ² |  Hệ thống xử
lý khí thải 36m ² |  Phòng khách
46,5m ² |
|  Kho thành phẩm
56,5m ² |  Khu vực nhà tắm, vệ sinh
26.9m ² |  Khu lưu trữ chất thải
11,6m ² |  Phòng kiểm tra
24m ² |

 Máy bện dây
  Máy kéo dây chuyên dụng
  Kho hóa chất
20m²

 Máy kéo đẩy
  Máy kéo dây nhỏ

 cầu thang
 cửa xường
 cửa đơn
 cửa đôi
 Rào chắn
 Tường bao quanh

SỬA ĐỔI

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THUẬN APPROVED

Công trình:

Địa điểm:

Đường D3, khu D, khu công nghiệp Phố Mới A, Xã
Phước Linh, Huyện Lương Tài, Việt Nam

Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH LÖCWE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã
Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nhà thầu thiết kế, thi công:

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường D3, khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A, Xã
Mường Quỳn, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Giảm độc:

CHỦ NHIỆM		
KIỂM TRA		
VỀ		

HANG MỤC:

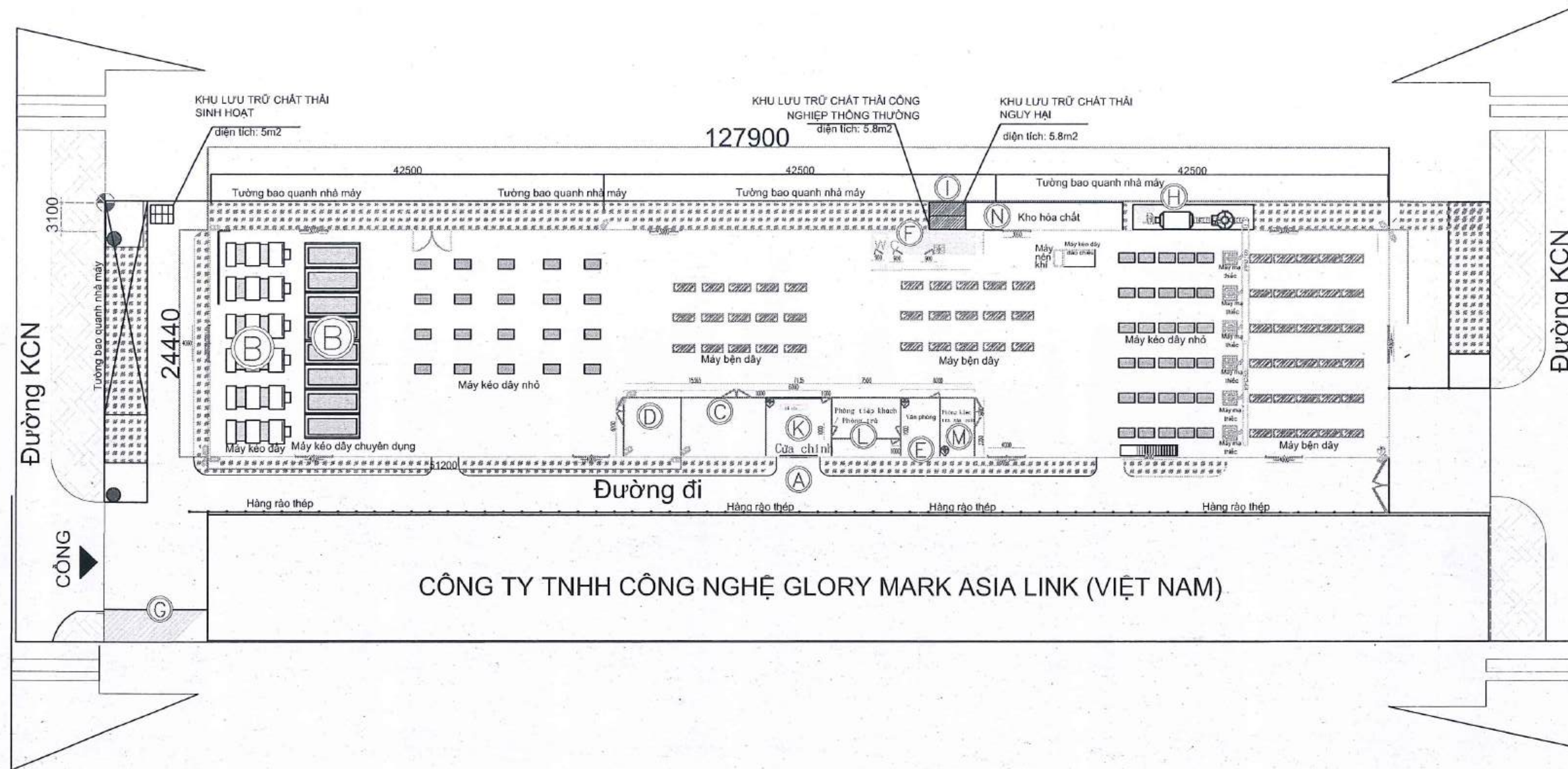
MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC

GIẢI ĐOẠN	THIẾT KẾ		
NGÀY	.../.../2025	TỶ LỆ	
KÝ HIỆU BV			

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KHU LƯU TRỮ CHẤT THẢI

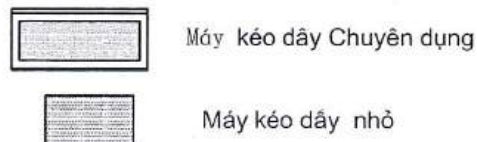


GHỊ CHU

- (A) Cửa chính
(B) Khu vực thiết bị sản xuất
(C) Kho thành phẩm



- (D) Kho nguyên vật liệu
(E) Văn phòng
(F) Khu vực nhà tắm, vệ sinh



- (G) Nhà bảo vệ
(H) Hệ thống xử lý khí thải
(I) Khu lưu trữ chất thải

- (K) Phòng lễ tân
(L) Phòng khách
(M) Phòng kiểm tra
(N) Kho hóa chất

- ▬ cầu thang
▬ cửa xường
▬ cửa đơn
▬ cửa đôi
▬ Rào chắn
▬ Tường bao quanh

SỬA ĐỔI

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THUẬN APPROVED

Công trình:



Địa điểm:

Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã
Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nhà thầu thiết kế, thi công:

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã
Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Giám đốc:

CHỨC NHIỆM	
KIỂM TRA	
VỀ	

HÀNG MỤC:

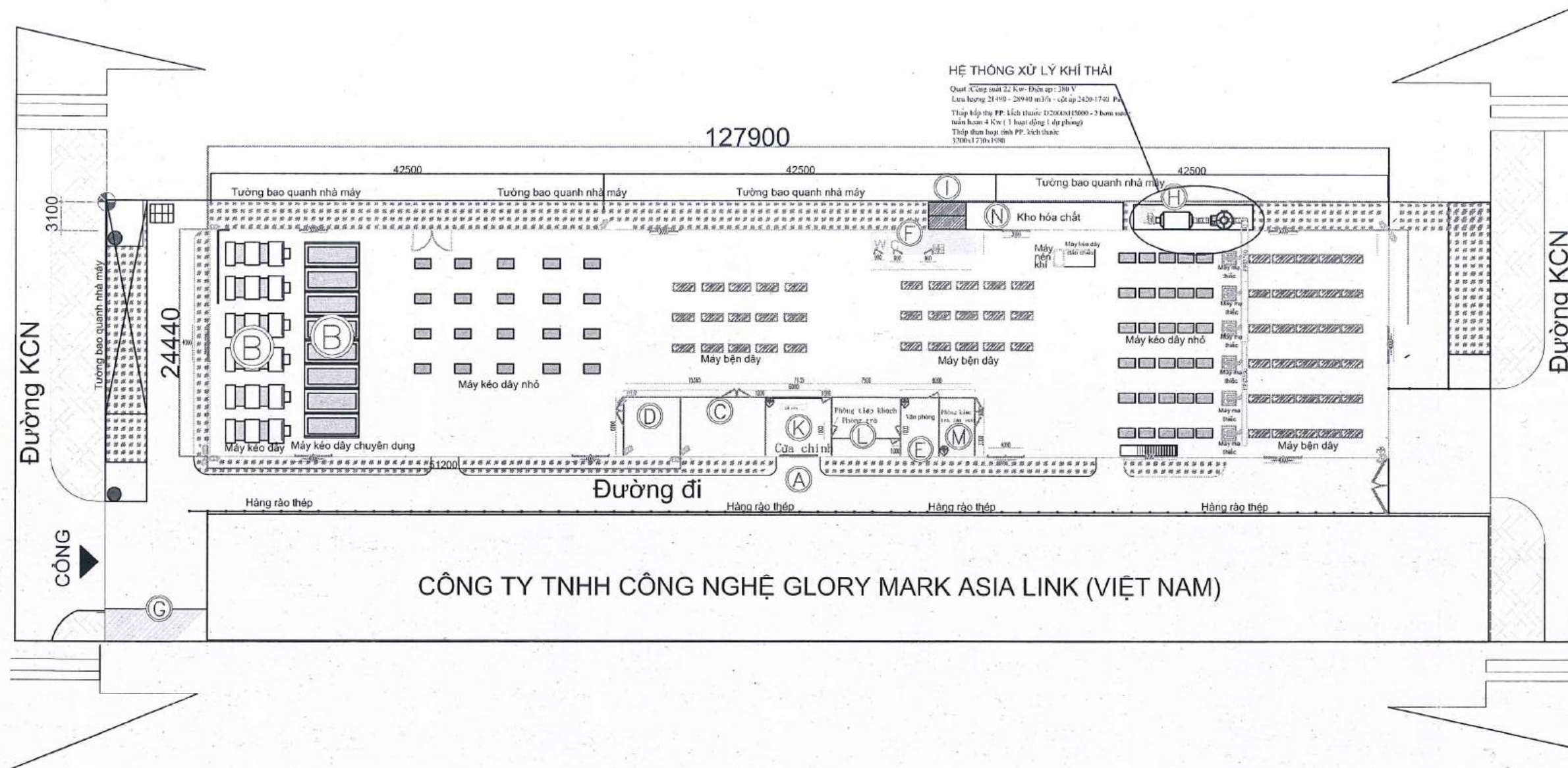
MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ KHU LƯU TRỮ CHẤT THẢI

GIẢI ĐOẠN	THIẾT KẾ
NGÀY	.../.../2025
KÝ HIỆU BV	

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



GHỊ CHU

- | | | | |
|--|---|--|-------------------------------------|
| (A) Cửa chính | (D) Kho nguyên vật liệu 41m ² | (G) Nhà bảo vệ 20m ² | (K) Phòng lễ tân 36m ² |
| (B) Khu vực thiết bị sản xuất 2800m ² | (E) Văn phòng 25,5m ² | (H) Hệ thống xử lý khí thải 36m ² | (L) Phòng khách 46,5m ² |
| (C) Kho thành phẩm 56,5m ² | (F) Khu vực nhà tắm, vệ sinh 26,9m ² | (I) Khu lưu trữ chất thải 11,6m ² | (M) Phòng kiểm tra 24m ² |
| (N) Kho hóa chất 20m ² | | | |
- Máy bên dây
Máy kéo dây
Máy kéo dây Chuyên dụng
Máy kéo dây nhỏ
- cầu thang
cửa xường
cửa đơn
cửa đôi
Rào chắn
Tường bao quanh

SỬA ĐỔI

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THUẬN APPROVED

Công trình:



Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nhà thầu thiết kế, thi công:

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Giám đốc:

CHỦ NHIỆM	
KIỂM TRA	
VỀ	

HÀNG MỤC:

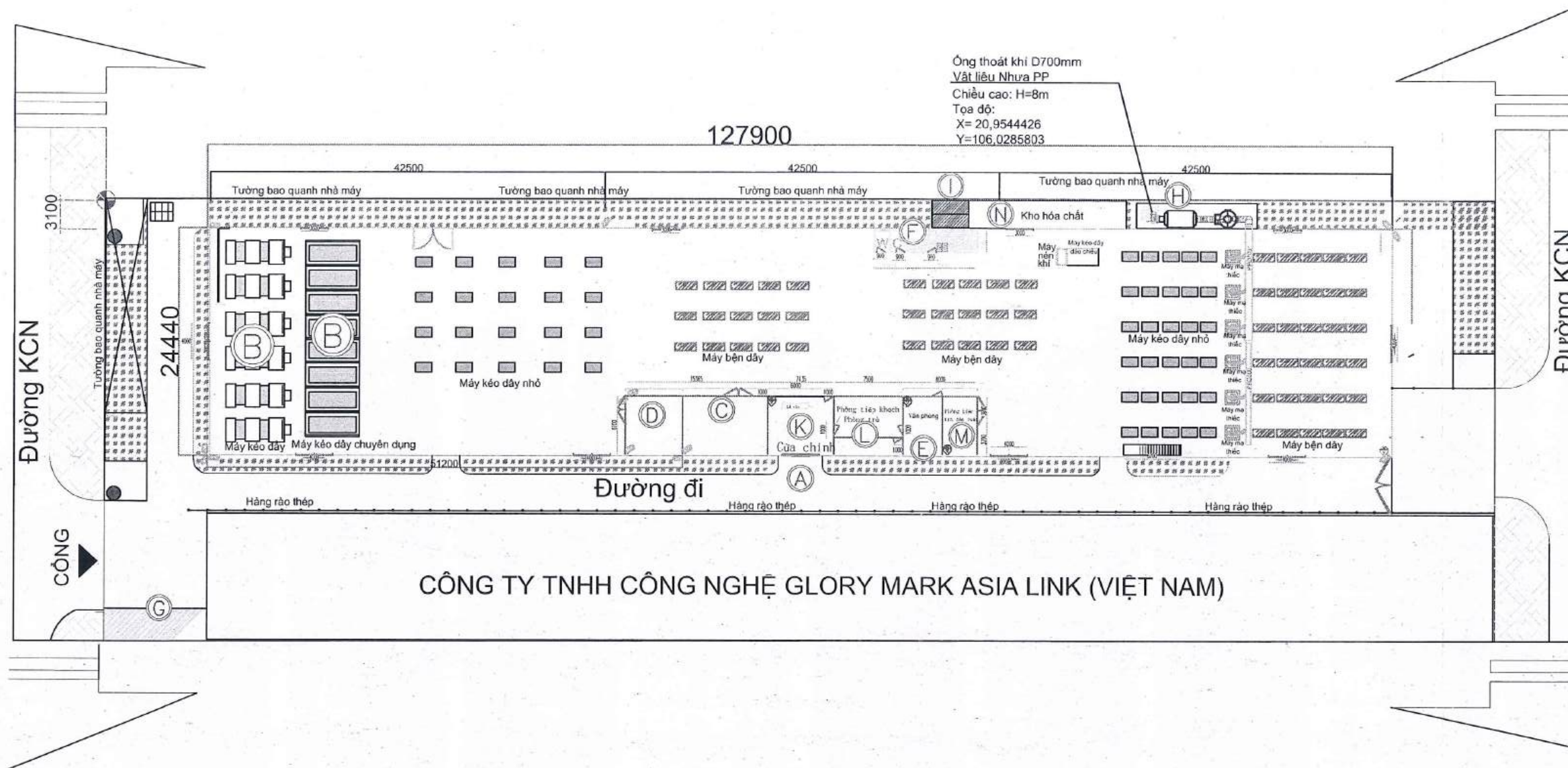
MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

GIẢI ĐOẠN	THIẾT KẾ
NGÀY	.../.../2025
KÝ HIỆU BV	

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TỌA ĐỘ ỚNG KHỎI



GHI CHÚ

- | | | | |
|---|--|---|--|
| (A) Cửa chính | (D) Kho nguyên vật liệu
41m ² | (G) Nhà bảo vệ
20m ² | (K) Phòng lễ tân
36m ² |
| (B) Khu vực thiết bị sản xuất
2800m ² | (E) Văn phòng
25,5m ² | (H) Hệ thống xử lý khí thải
36m ² | (L) Phòng khách
46,5m ² |
| (C) Kho thành phẩm
56,5m ² | (F) Khu vực nhà tắm, vệ sinh
26,9m ² | (I) Khu lưu trữ chất thải
11,6m ² | (M) Phòng kiểm tra
24m ² |
| (N) Kho hóa chất
20m ² | | | |
- Máy bện dây
Máy kéo dây Chuyên dụng
Máy kéo dây nhỏ

- cầu thang
cửa xường
cửa đơn
cửa đôi
Rào chắn
Tường bao quanh

SỬA ĐỔI

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THUẬN APPROVED
---------	-----------	------------------	---------------------

Công trình:



Chủ đầu tư:

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã
Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Nhà thầu thiết kế, thi công:

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã
Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Giám đốc:

CHỦ NHIỆM	
KIỂM TRA	
VỀ	

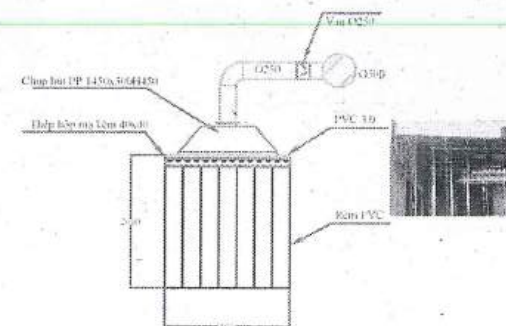
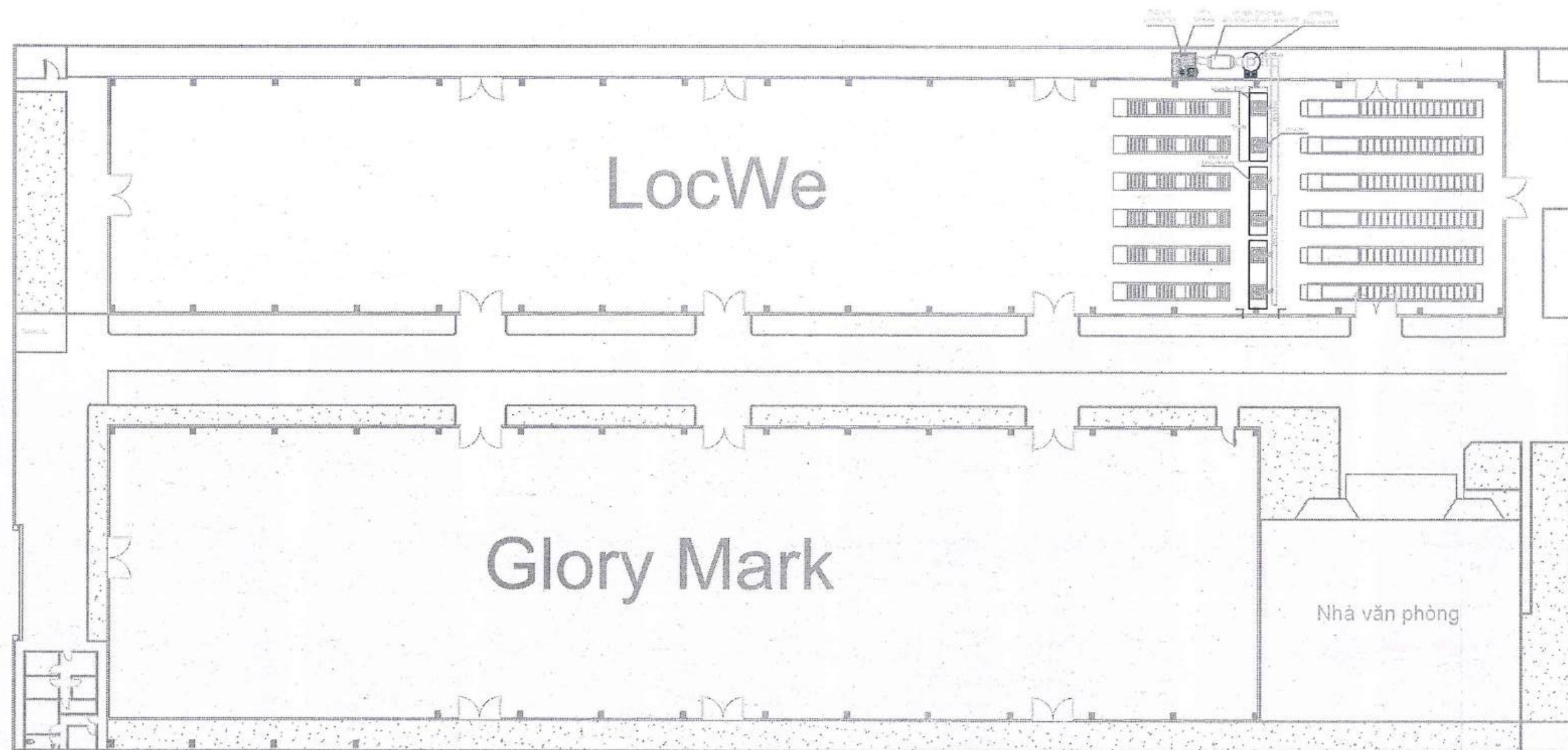
HÀNG MỤC:

MẶT BẰNG

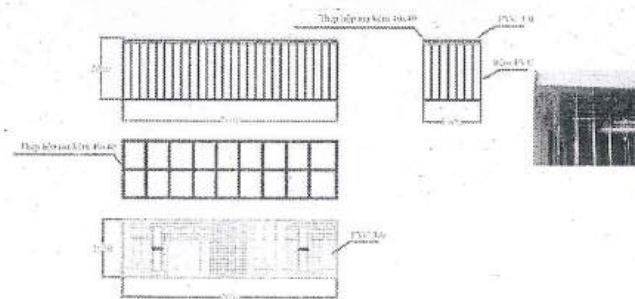
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TỌA ĐỘ ỚNG KHỎI

GIẢI ĐOẠN	THIẾT KẾ
NGÀY	.../.../2026
KÝ HIỆU BV	TỶ LỆ



Mặt cắt A-A



Khung bao PVC



DỰ ÁN

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG THIẾT BỊ NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

Địa chỉ: Huyện Yên, xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A,
Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TƯ VẤN THIẾT KẾ



Công Ty TNHH Cơ Điện Việt Hưng Thống Việt Nam
越南通顺机电有限公司

ĐC: TThôn Đông Yên, xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
TELL : +84-02223907338 FAX : +84-02223907339

Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Handwritten signature
Gan Jiang Hua	Gan Jiang Hua	Handwritten signature
Chủ trì	Chủ trì	Handwritten signature
Yu Xu Hua	Yu Xu Hua	Handwritten signature
KEN	KEN	Handwritten signature
Yu Xu Hua	Yu Xu Hua	Handwritten signature
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	Handwritten signature
Ngô Văn Tĩnh	Ngô Văn Tĩnh	Handwritten signature

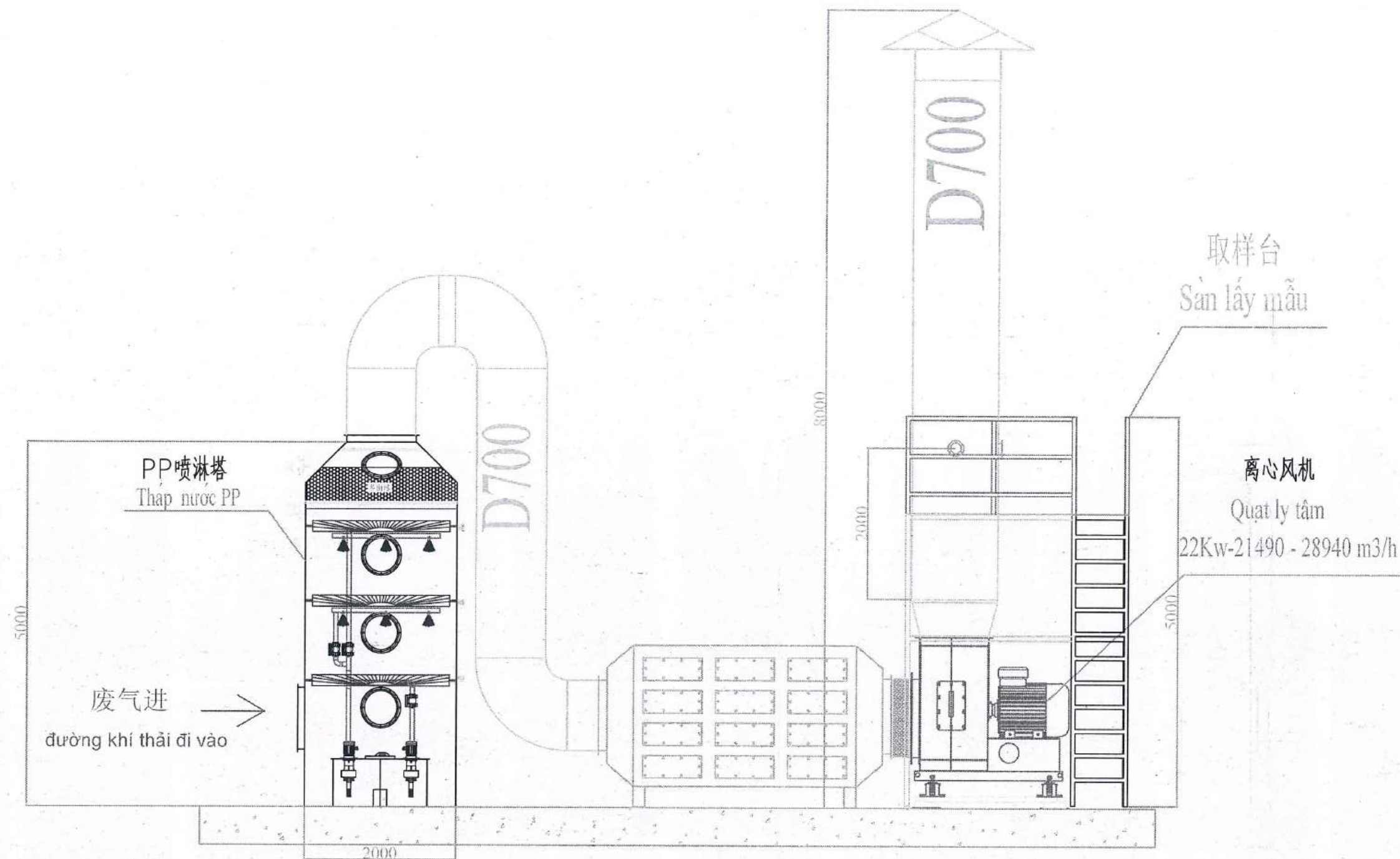
HANG MỤC/ 产品目录

Xử lý khí thải

TÊN BẢN VẼ / 图名

bản vẽ mặt bằng

GIẢI ĐOẠN/ 阶段	TỈ LỆ/ 比例	NGÀY/ 日期
THIẾT KẾ THI CÔNG/ 施工图设计		
MÃ DỰ ÁN/ 项目编号	SỐ BV/ 版本号	
	LW-1	



- Ghi chú :

1	Quạt : Công suất 22 Kw- Điện áp : 380 V Lưu lượng 21490 - 28940 m3/h - cột áp 2420-1740 Pa
2	Tháp rửa khí: kích thước D2000xH5000 - 2 bơm nước tuần hoàn 4 Kw (1 hoạt động 1 dự phòng)
3	Thùng hấp phụ than hoạt tính PP. kích thước 3200x1730x1980
4	Ống dẫn. Ống PP
5	Bộ điều khiển, hệ thống biến tần
6	Sàn lấy mẫu 2400x2400xH5000

- Nguyên lý hoạt động

Khí thải được hút qua chụp hút vào ống nhánh rồi ra ống chính rồi đi qua tháp, đi từ dưới lên trên, đồng thời nước phun thành chùm tia phun từ đỉnh tháp xuống giữ lại bụi ở đây tháp. Khí thải tiếp tục được đưa qua bộ xử lý bằng than hoạt tính, tại đây các hợp chất hữu cơ được than hoạt tính hấp phụ sau đó khí sạch được quạt hút đẩy ra ống xả khí thải thải ra môi trường. Nước ở tháp được bơm tuần hoàn, có đường nước bổ sung và thay nước định kì.



DỰ ÁN

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG THIẾT BỊ NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

Địa chỉ: Hưng Yên, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A,
Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TƯ VẤN THIẾT KẾ



Công Ty TNHH Cơ Điện Việt Hưng Thông Việt Nam
Số 10 Đường 10, Xã Tam Đa, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
TEL : +84-02223907338 FAX : +84-02223907339

Chủ đầu tư	Ông Bức	Chữ ký
Gan Jiang Hua		
Chủ trì	Ông Bức	Chữ ký
Gan Jiang Hua		
Chủ trì	Ông Bức	Chữ ký
Yu Xu Hua		
Chủ trì	Ông Bức	Chữ ký
Yu Xu Hua		
Thiết kế	Ông Bức	Chữ ký
Ngô Văn Tính		

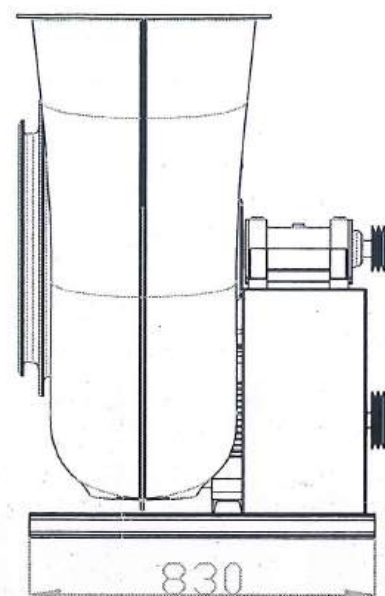
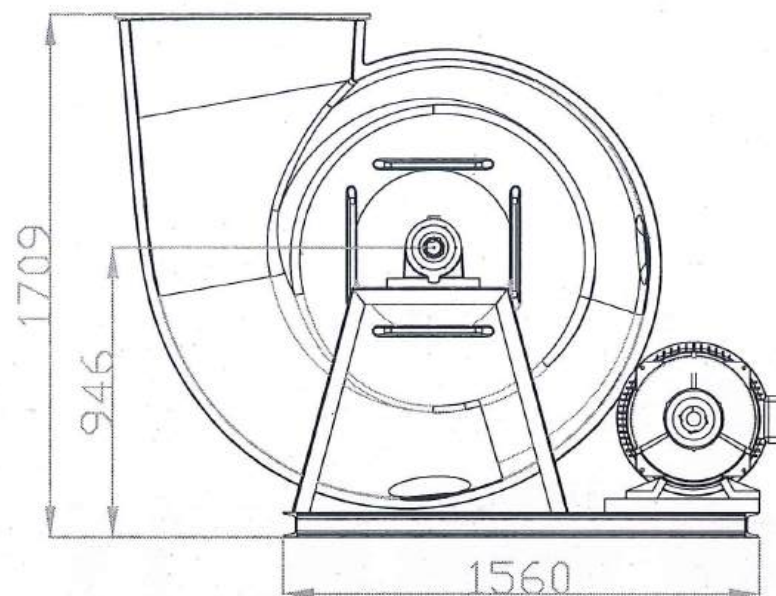
HÀNG MỤC/ 内容表

Xử lý khí thải

TÊN BẢN VẼ / 图名

bản vẽ mặt Đứng kết nối

GIẢI ĐOẠN / 阶段	TỈ LỆ / 比例	NGÀY / 日期
THIẾT KẾ THI CÔNG / 施工图设计		
MÃ DỰ ÁN / 项目编号	SỐ BV / 页数	LW-2

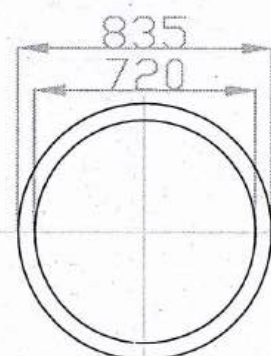
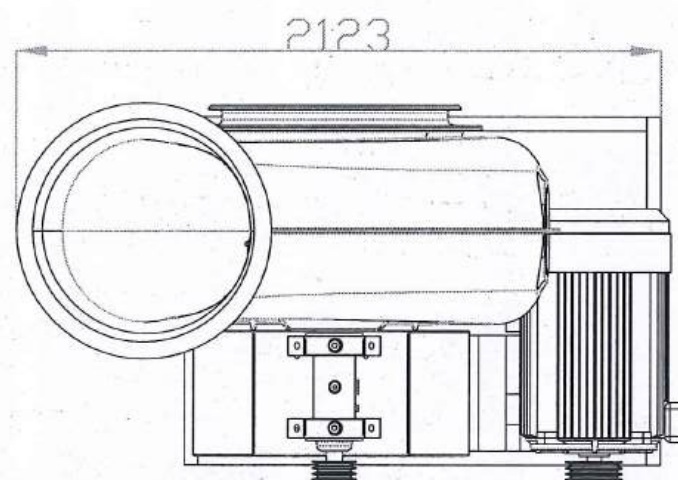


Thông số kỹ thuật:

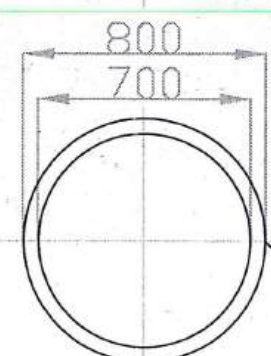
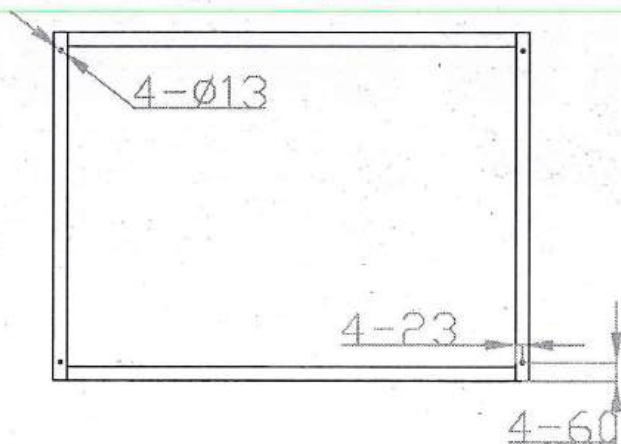
- CTH-9I
- Chiều quay: R0 - Cùng chiều
- Công suất: 22 Kw
- Tốc độ: 1620 r/min
- Lưu lượng: 21490-28940 m³/h
- Áp suất: 2420-1740 Pa

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu: Thép SS400
- Bao gồm bộ phụ lò xo, che mưa động cơ
- Bích chờ miệng hút, miệng thổi
- Số lượng 01 cái



出风口



入风口



CHỦ ĐẦU TƯ
ĐP

CÔNG TY TNHH LOCWE VIỆT NAM
LOCWE VIETNAM COMPANY LIMITED

DỰ ÁN
項目

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG THIẾT BỊ NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

地址: 越南, 兴安省, 兴安县, 富内坊工业区A, D3段
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A,
Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TƯ VẤN THIẾT KẾ



Công Ty TNHH Cơ Điện Việt Hằng Thông Việt Nam
越恒通机电有限公司

ĐC: TThôn Đồng Yên, xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
TELL : +84-02223907338 FAX : +84-02223907339

总顾问 Gan Jiang Hua	顾问 Gan Jiang Hua	审核 Yu Xu Hua	设计 Ngô Văn Tính
项目负责人 Gan Jiang Hua	项目负责人 Yu Xu Hua	项目负责人 Yu Xu Hua	项目负责人 Ngô Văn Tính

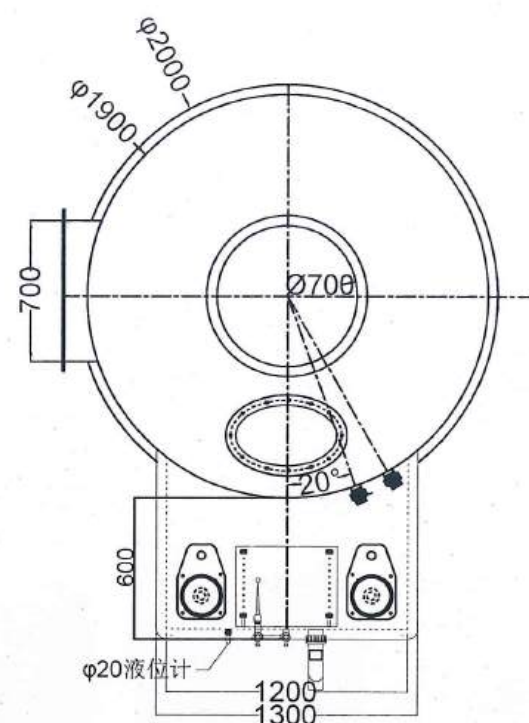
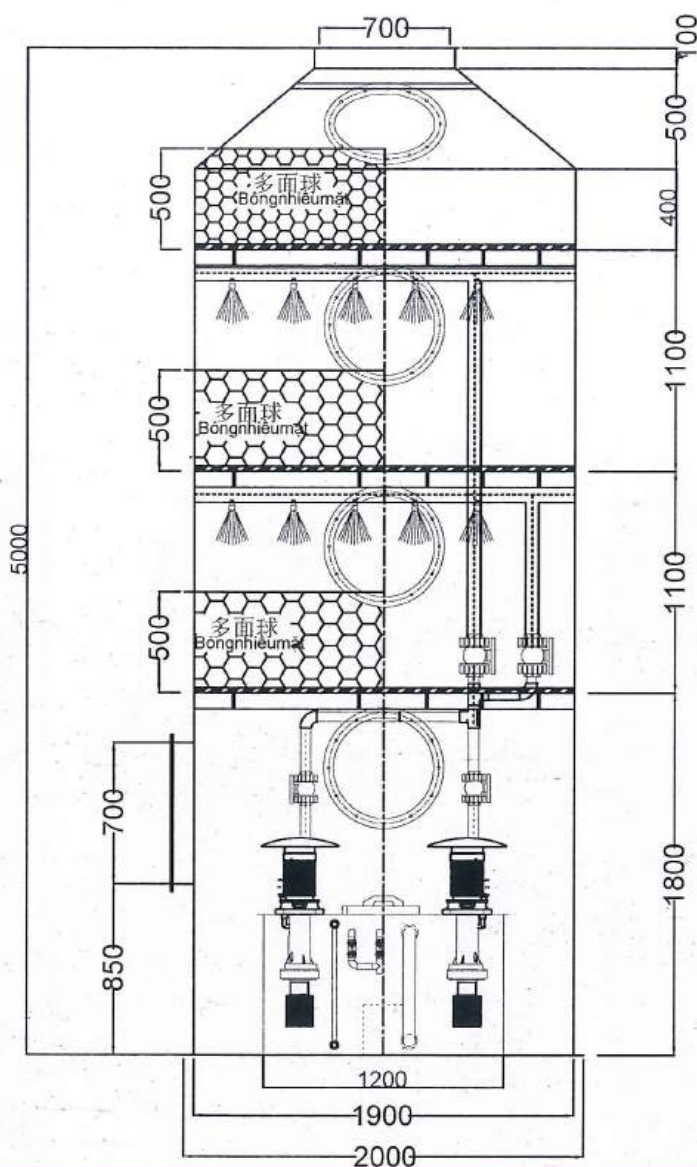
HẠNG MỤC/ 内容

Xử lý khí thải

TÊN BẢN VẼ / 图名

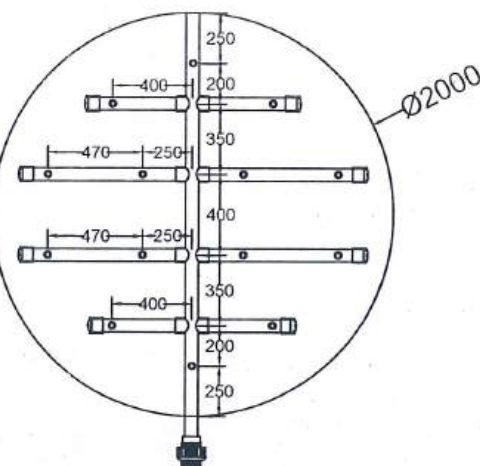
Bản vẽ quạt hút PP

阶段/ 阶段	比例/ 比例	日期/ 日期
THIẾT KẾ THI CÔNG 施工图		
MÃ DỰ ÁN / 项目编号	SỐ BV / 图号	
	LW-3	

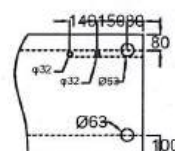
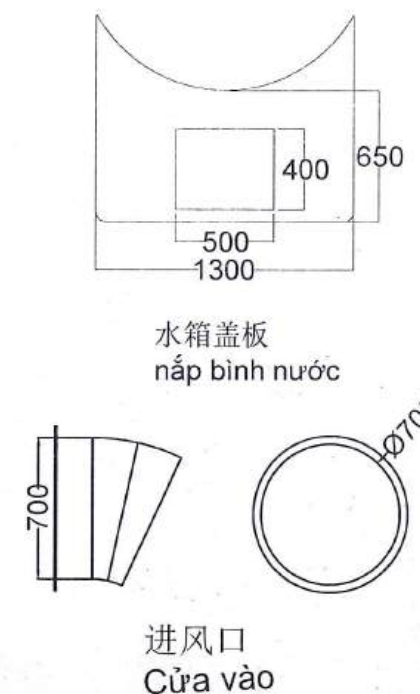


桶身 10mm, 底板、水箱厚 12mm。
Thân thùng dày 10 mm, t m áy
và bình ch a n c dày 12 mm.

塔外的喷淋管用由红棕
PVC 管。 ng phun bên
ngoài tháp c làm
b ng ng nh a PVC.



采用φ25高效喷头
每层14个喷嘴
Áp dụng vòi phun hiệu quả cao φ25
16 vòi phun mỗi lớp



排污溢流
近补水开孔

Cửa xả tràn nước
thảiMở lỗ gần đường
cấp nước bù

序号/số seri	名称/ tên	规格/Sự chỉ rõ	备注/ Nhận xét
①	主体/ Thân tháp	φ1900-H5000	
②	排水套裝Bộ thoát nước	φ63	排污、溢流 xả tràn
③	水箱/ bồn nước	1200*600*700	
④	水泵/ bơm nước	4KW	
⑤	进补水/lỗ cấp nước	φ25	
⑥	弧形视窗/cửa sổ cong	φ500	
⑦	喷淋管/ Cửa quan sát	φ63	
⑧	多面空心球/Bóng nhiều mặt	φ50 (PP)	
⑨	大小头/Côn thu	φ1900*φ700-H500	
⑩	出风口/Cửa thoát khí	φ700	
⑪	成型水箱盖/ Nắp bình nước đúc	400*500	
⑫	水泵防雨罩/ che mưa máy bơm nước	与电机壳匹配 Phù hợp với vỏ động cơ	
⑬	进风口/Cửa vào	φ700	



DỰ ÁN
LẮP ĐẶT HỆ THỐNG THIẾT BỊ NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A,
Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

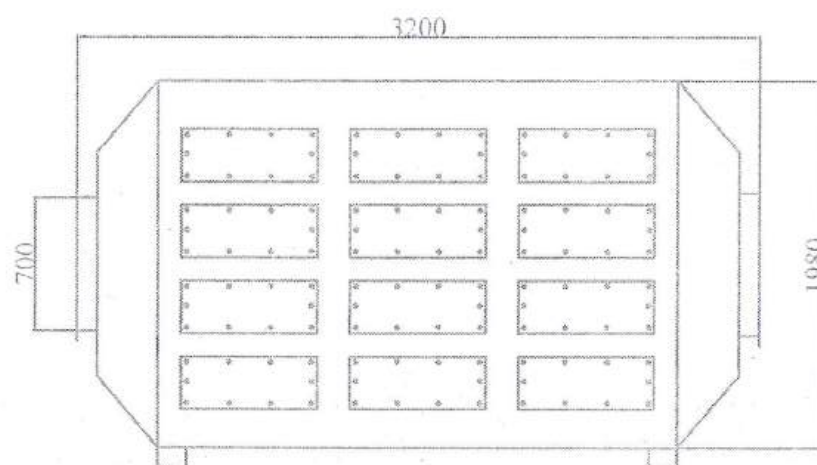
TƯ VẤN THIẾT KẾ
Công Ty TNHH Cơ Điện Việt Hưng Thông Việt Nam
ĐC: TTôn Đông Yên, xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
TELL : +84-02223907338 FAX : +84-002223907338

ĐẠI DIỆN
Gan Jiang Hua
CHỦ TRÌ
Yu Xu Hua
KIỂM
Yu Xu Hua
THIẾT KẾ
Ngô Văn Tính
HẠNG MỤC/ 内容表

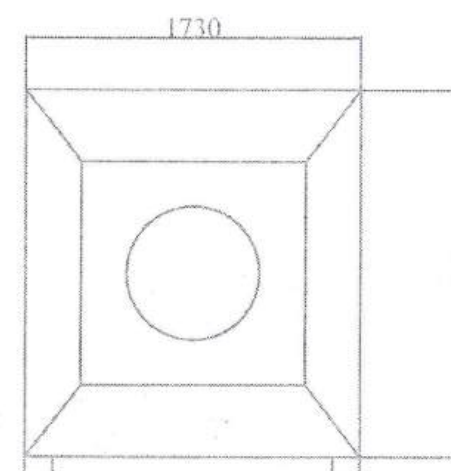
Xử lý khí thải

TÊN BẢN VẼ / 图名
Tháp Phun PP

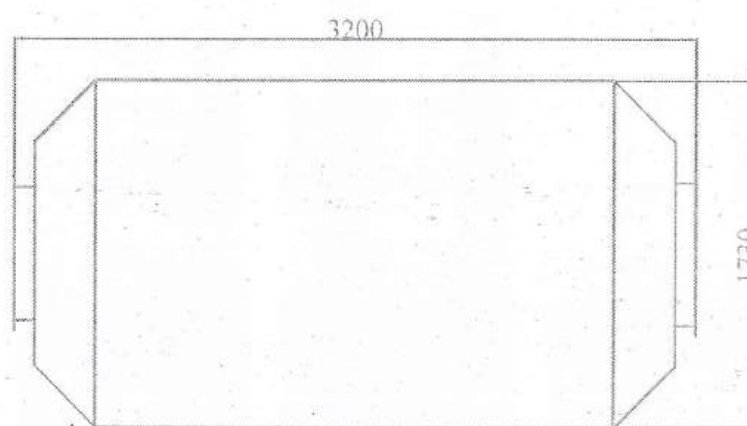
GIẢI ĐOẠN / 阶段
THIẾT KẾ THI CÔNG
MÃ DỰ ÁN / 项目编号
SỐ BỐ / 设备数量
LW-4



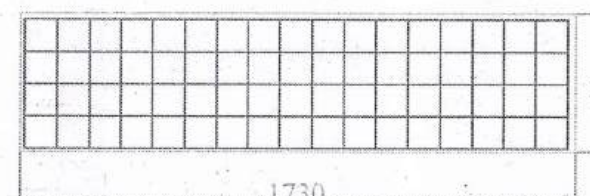
Hình chiếu đứng



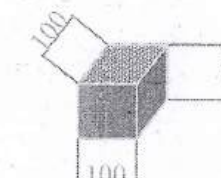
Hình chiếu cạnh



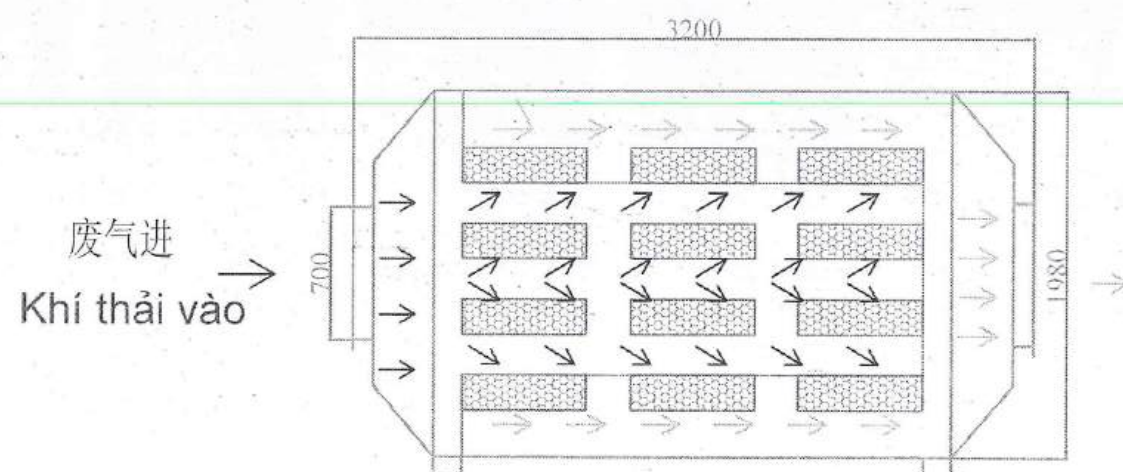
Hình chiếu bằng



Bản vẽ chiều
bằng khay than



Bản vẽ than
hoạt tính



Sơ đồ dòng khí

活性炭吸附后 出风
Khí thải sau khi đi
qua hộp than hoạt
tính



DỰ ÁN
LẮP ĐẶT HỆ THỐNG THIẾT BỊ NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
Địa chỉ: Thuận Thành, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Ninh, Việt Nam
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A,
Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

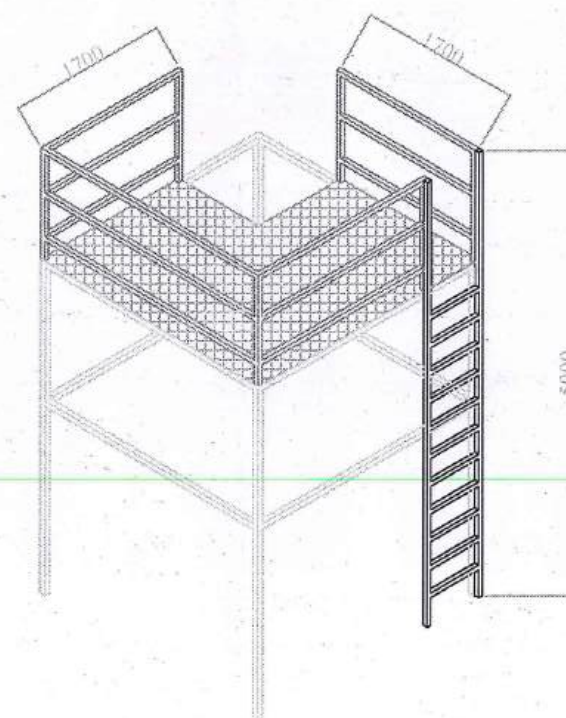
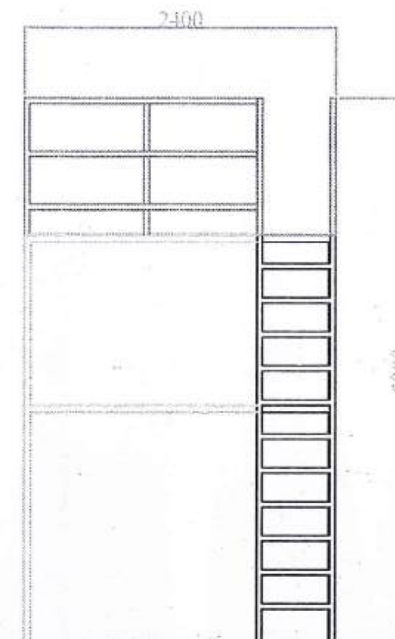
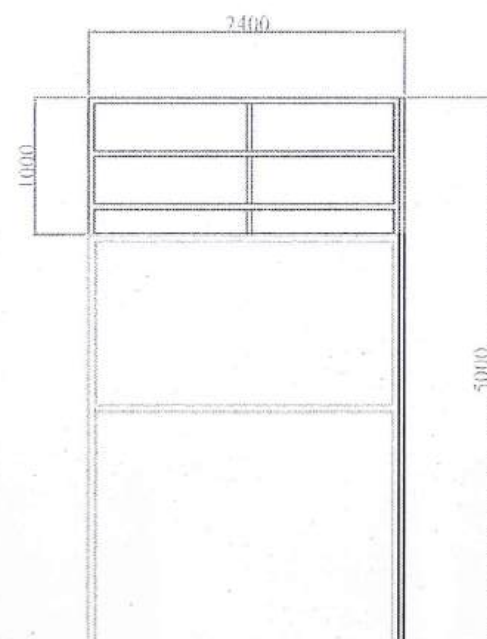
TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN VIỆT HANG THÔNG VIỆT NAM
越南通机电器有限公司
ĐC: Thuận Thành, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Ninh, Việt Nam
TEL: +84-02223907338 FAX: +84-02223907339

ĐƠN ĐÓNG	GIẤY ĐÓNG	
Gan Jiang Hua		
QUẢN LÝ	QUẢN LÝ	
Gan Jiang Hua		
CHỦ TRÌ	CHỦ TRÌ	
Yu Xu Hua		
KIỂM TRA	KIỂM TRA	
Yu Xu Hua		
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	
Ngô Văn Tĩnh		

HẠNG MỤC / 规格名称
Xử lý khí thải

TÊN BẢN VẼ / 图名
Thùng than hoạt tính PP

GIẢI ĐOẠN / 阶段	TỈ LỆ / 比例	NGÀY / 日期
THIẾT KẾ THI CÔNG / 施工图设计		
MÃ DỰ ÁN / 项目编号	SỐ BƯ / 页数	
	LW-5	



DỰ ÁN

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG THIẾT BỊ NHÀ XƯỞNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

Địa chỉ:越南，兴安省，和顺县，富内乡工业园区A，D3区
Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu công nghiệp Phố Mới A,
Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TƯ VẤN THIẾT KẾ



Công Ty TNHH Cơ Điện Việt Hưng Thông Việt Nam
越南通机电有限公司

ĐC: TTôn Đông Yên, xã Tam Đa, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
TEL : +84-02223907338 FAX : +84-02223907339

ĐƠN ĐOÀN	GIÁM ĐỐC	
Gan Jiang Hua		
QUẢN LÝ	QUẢN LÝ	
Gan Jiang Hua		
ĐƠN	CHỦ TRƯỞNG	
Yu Xu Hua		
ĐƠN	THIẾT KẾ	
Yu Xu Hua		
ĐƠN	THIẾT KẾ	
Ngô Văn Tĩnh		

HẠNG MỤC/ 内容表

Xử lý khí thải

TÊN BẢN VẼ / 图样名称

Bản vẽ sàn lấy mẫu

GIẢI ĐOẠN/ 阶段	TỈ LỆ/ 比例	NGÀY/ 日期
THIẾT KẾ THI CÔNG		
MÃ DỰ ÁN / 项目编号	SỐ BÝ / 备注	
	LW-6	